GHI CHÚ CHUNG :

1 - BÊTÔNG :
- a - BÊTÔNG LÓT MÓNG SỬ DỤNG ĐÁ 10 x 20 MÁC 200 (B15)
- b - BÊTÔNG CÔNG TRÌNH CHÍNH : MÓNG, CỘT, DẦM SÀN, CẦU THANG, BỂ NƯỚC NGẦM ... SỬ DỤNG ĐÁ 10 x 20 MÁC 300 (B22.5)
- c - BÊTÔNG CỘT, VÁCH HỒ BƠI SỬ DỤNG ĐÁ 10 x 20 MÁC 350 (B30), CÓ PHỤ GIA CHỐNG THẤM
- d - BÊTÔNG HẠNG MỤC PHỤ : LANH TÔ, Ô VĂNG, TƯỜNG RÀO, NHÀ BẢO VỆ, ... SỬ DỤNG ĐÁ 10 x 20 MÁC 250 (B20)

2 - THÉP SỬ DỤNG CÓ CƯỜNG ĐỘ :
- a - Ø < 10 THÉP TRƠN CÓ Ra= 2100 KG/CM²
- b - Ø ≥ 10 THÉP GÂN CÓ Ra= 3500 KG/CM²

4 - CHIỀU DÀI ĐOẠN THÉP CHỜ NỐI CỘT LÀ: 35d
BỐ TRÍ THÊM ĐAI GIA CƯỜNG Ø6a100

5 - LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ SÀN LÀ : 15mm, ĐÀ LÀ : 25mm
VỊ TRÍ ĐÀ GIAO NHAU BỐ TRÍ THÊM ĐAI GIA CƯỜNG 8Ø6a50

6 - KIỂM TRA KÍCH THƯỚC TRƯỚC KHI THI CÔNG NẾU CÓ SAI LỆCH PHẢI BÁO NGAY CHO THIẾT KẾ ĐỂ XỬ LÍ

7 - ĐOẠN NEO TRONG CỘT 35D VÀ 30D ĐỐI VỚI DẦM

8 - KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ.

9 - KHI THI CÔNG PHẢI KẾT HỢP ĐỒNG THỜI GIỮA KIẾN TRÚC VÀ KẾT CẤU ĐỂ THỰC HIỆN

10 - TƯỜNG CÓ CHIỀU DÀI > 4m PHẢI BỐ TRÍ BỔ TRỤ

- DỌC THEO MÉP CỘT CÓ XÂY TƯỜNG ĐẶT THÉP RÂU 2Ø6a400, L=500
- TẤT CẢ CÁC KÍCH THƯỚC TRÊN BẢN VẼ LÀ MILIMET. TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC
- CẦN THIẾT ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG THẤM TẠI MẠCH NGỪNG THI CÔNG CHO KẾT CẤU HỒ NƯỚC.
- NỐI CỐT THÉP NÊN DÙNG NỐI BUỘC. HẠN CHẾ DÙNG PHƯƠNG PHÁP HÀN. CHỈ SỬ DỤNG NỐI BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN KHI ĐÃ CÓ MỘT QUY TRÌNH HÀN ĐƯỢC PHÊ DUYỆT. TAY NGHỀ THỢ HÀN ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TRA.
- CẦN CÓ BIỆN PHÁP LIÊN KẾT TƯỜNG XÂY GẠCH VÀO KẾT CẤU BÊTÔNG, NHẰM LOẠI TRỪ CÁC VẾT NỨT TIỀM NĂNG.
- CÁC ĐƯỜNG ỐNG KỸ THUẬT CHÔN TRONG BÊTÔNG:
  + ỐNG QUA ĐÀ: CẦN ĐẶT GIỮA CHIỀU CAO ĐÀ GẦN VỊ TRÍ TRỤC TRUNG HÒA. D<=90mm CHO PHÉP KHÔNG CẦN GIA CỐ.
  + ỐNG QUA VÁCH BT: ỐNG CÓ D<150 MM CHO PHÉP KHÔNG CẦN GIA CỐ. LỚN HƠN GIA CỐ NHƯ TRƯỜNG HỢP LỖ MỞ NHỎ. TRÁNH CẮT THÉP VÁCH TÙY TIỆN.
  + ỐNG TRONG SÀN: CẦN ĐẶT GIỮA CHIỀU CAO SÀN, GẦN VỊ TRÍ TRỤC TRUNG HÒA. TRÁNH CÁC VỊ TRÍ GẦN CỘT. KÍCH THƯỚC MAX CHO PHÉP KHÔNG GIA CỐ D=120mm.
- CÁC GHI CHÚ TRONG BẢN VẼ NÀY ĐƯỢC ÁP DỤNG CHO TẤT CẢ CÁC KẾT CẤU THUỘC PHẦN THÂN CÔNG TRÌNH (TỪ CAO ĐỘ +0.000 TRỞ LÊN)
- NHÀ THẦU CÓ TRÁCH NHIỆM ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH BẢN VẼ THIẾT KẾ CỦA TẤT CẢ CÁC BỘ MÔN: KIẾN TRÚC, KẾT CẤU, HỆ THỐNG KỸ THUẬT (ĐIỆN, NƯỚC, THÔNG GIÓ...) MỘT CÁCH KỸ LƯỠNG TRƯỚC KHI TRIỂN KHAI THI CÔNG BẤT KỲ MỘT HẠNG MỤC NÀO.
- TẤT CẢ CÁC VẤN ĐỀ (NẾU CÓ) ĐƯỢC PHÁT HIỆN BỞI CÁN BỘ KỸ THUẬT CỦA CÁC BÊN: BQLDA NHÀ THẦU, TƯ VẤN GIÁM SÁT, THIẾT KẾ... NÊN ĐƯỢC THÔNG BÁO CHO TẤT CẢ CÁC BÊN LIÊN QUAN NHẰM LÀM RÕ VÀ GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ ĐÓ.
- TRONG TRƯỜNG HỢP CÓ MÂU THUẪN GIỮA CÁC TÀI LIỆU, BẢN VẼ THIẾT KẾ. THỨ TỰ ƯU TIÊN ĐƯỢC ÁP DỤNG NHƯ SAU:
  + TIÊU CHUẨN VIỆT NAM - TCVN
  + TIÊU CHUẨN NGÀNH - TCN, TCXD
  + CÁC CHỈ DẪN KỸ THUẬT LIÊN QUAN

  NẾU CÓ SỰ SAI LỆCH GIỮA BẢN VẼ THIẾT KẾ CỦA CÁC BỘ MÔN, THỨ TỰ ƯU TIÊN:
  + BẢN VẼ THIẾT KẾ KIẾN TRÚC
  + BẢN VẼ THIẾT KẾ KẾT CẤU
  + BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG KỸ THUẬT.

  THÔNG TIN TRÊN CHI TIẾT ĐƯỢC ƯU TIÊN HƠN THÔNG TIN Ở BẢN CHI CHÚ CHUNG TRỪ KHI CÓ GHI CHÚ KHÁC.

VẬT LIỆU:

VẬT LIỆU SỬ DỤNG CHO KẾT CẤU CÔNG TRÌNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH NHƯ SAU:
- TẤT CẢ CÁC LOẠI VẬT LIỆU, CỐT LIỆU, XIMANG, NƯỚC... CHO BÊTÔNG PHẢI TUÂN THEO CÁC TIÊU CHUẨN VIỆT NAM TCVN TƯƠNG ỨNG HIỆN HÀNH.
- MÁC VẬT LIỆU SỬ DỤNG:
  + BÊTÔNG: MÁC 250, 300 TẠI TUỔI 28 NGÀY.
  + XIMANG: KHÔNG THẤP HƠN MÁC PCB30
- PHỤ GIA SỬ DỤNG CHO BÊTÔNG PHẢI TUÂN THEO TCVN HIỆN HÀNH. TRƯỜNG HỢP CHƯA CÓ TCVN CHO MỘT LOẠI PHỤ GIA NÀO ĐÓ, CÁC CHỈ DẪN KỸ THUẬT CỦA NHÀ SẢN XUẤT PHẢI ĐƯỢC TÔN TRỌNG. NẾU CẦN THIẾT PHẢI LÀM THÍ NGHIỆM KIỂM TRA.

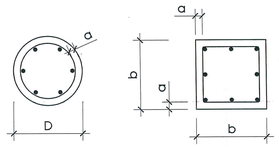
ĐẤT NỀN:

- THAM KHẢO THEO HỒ SƠ ĐỊA CHẤT :
  " BÁO CÁO KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH : XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN "
  ĐC: SỐ 01, BÙI TƯ TOÀN, PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP. HCM
  do Công Ty Cổ Phần Địa Kỹ Thuật Xây Dựng QTNC LẬP NĂM 2024.
- CƯỜNG ĐỘ GIẢ ĐỊNH CỦA ĐẤT NỀN SAU KHI GIA CỐ CỪ TRÀM (ĐK = 80~100 mm, L=4.5m, 25 CÂY/1m2) LÀ Rđn = 0,8 Kg/cm2.

A LỚP BÊTÔNG BẢO VỆ

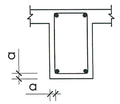
1 CỘT, VÁCH

_ LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ THÉP DÀY: a = 25



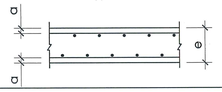
2 ĐÀ SÀN

_ LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ THÉP DÀY: a = 25

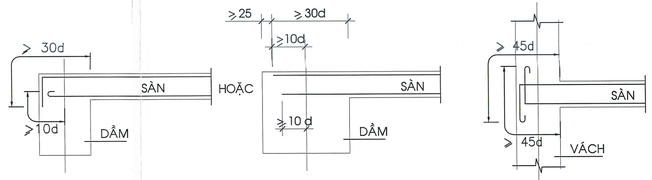


3 ĐAN SÀN

_ LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ THÉP DÀY: a = 15



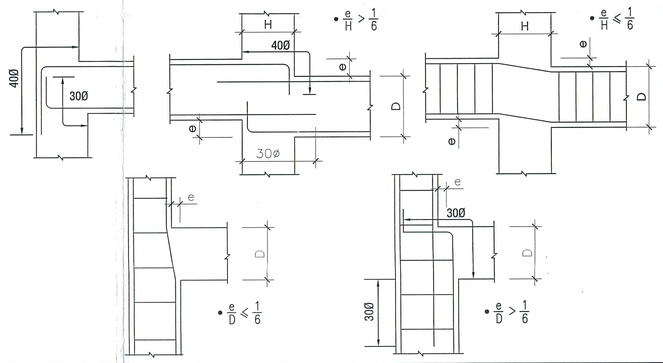
B LIÊN KẾT THÉP SÀN



LIÊN KẾT SÀN - DẦM

LIÊN KẾT SÀN - VÁCH

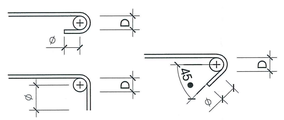
C DẦM VÀ CỘT



D MÓC THÉP CHỊU LỰC

_ĐỐI VỚI THÉP GAI (AII) KHÔNG CẦN BẺ MÓC :

_ĐỐI VỚI THÉP TRÒN PHẢI BẺ MÓC THEO QUI ĐỊNH SAU:



+ BẺ CONG VÒNG TRÒN:

+ BẺ CONG MỘT GÓC 45• :

+ BẺ CONG MỘT GÓC 90• :

THÉP HÌNH:

+ THÉP HÌNH VÀ THÉP BẢN CÓ Ra >= 2100 Kg/cm2
+ BULÔNG THÉP CÓ CƯỜNG ĐỘ:
  R_n^{bl} = 2100 Kg/cm2
  R_k^{bl} = 2100 Kg/cm2

QUY ĐỊNH VỀ ĐƯỜNG HÀN:

- QUE HÀN LOẠI ∃42 (HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG) CÓ CƯỜNG ĐỘ :
  R_k = 2100 Kg/cm2
  R_c = 1800 Kg/cm2
  R_{em} = 3100 Kg/cm2
  R_g = 1500 Kg/cm2
- CHIỀU CAO ĐƯỜNG HÀN H_h >= 5mm.
- CHIỀU DÀI ĐƯỜNG HÀN L_h >= 60mm.
- CÁC MỐI HÀN PHẢI THEO ĐÚNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT.

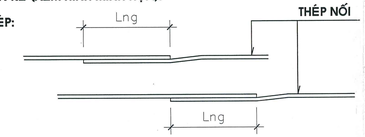
E CHIỀU DÀI NỐI THÉP

_ ĐỐI VỚI THÉP TRƠN : Lng = 50Ø

_ ĐỐI VỚI THÉP GÂN : Lng = 40Ø-> CHO THÉP KÉO
Lng = 30Ø-> CHO THÉP NÉN.

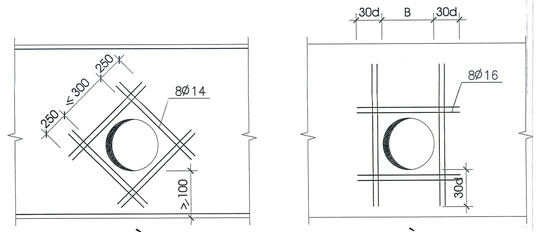
_ CÁC VỊ TRÍ NỐI THÉP KHÔNG ĐƯỢC NẰM TRONG CÙNG MỘT MẶT CẮT QUÁ 50% MÀ PHẢI NỐI XEN KẼ (XEM HÌNH MINH HỌA).

_ MINH HỌA NỐI THÉP:



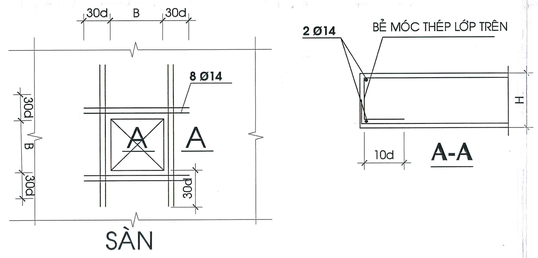
_ VỊ TRÍ MỐI NỐI THÉP DỌC CỦA DẦM PHẢI NẰM TRONG PHẠM VI VÙNG CHỊU NÉN

F LỖ KHOÉT QUA ĐÀ & SÀN

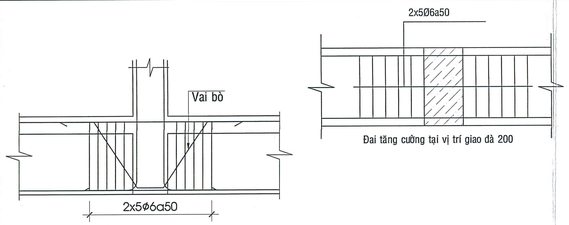


G LỖ MỞ TRÊN SÀN

ÁP DỤNG CHO CÁC LỖ CÓ KÍCH THƯỚC <=400x400 NHƯNG CHƯA ĐƯỢC QUI ĐỊNH TRÊN BẢN VẼ.



H CẤU TẠO KHÁC



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ CCTT
Ngày 15 -12- 2025
Chữ ký bộ môn ký tên

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 02 /QĐ-BQLKVC
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

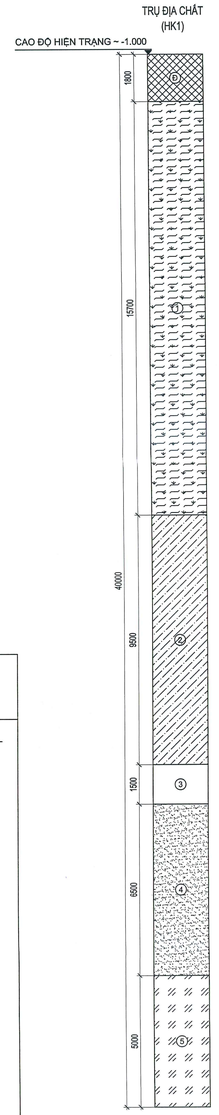
CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 1045 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

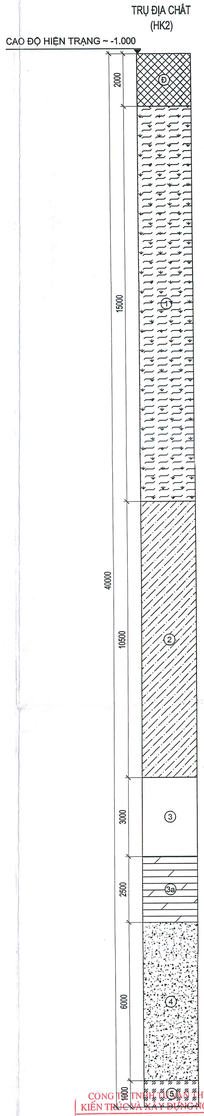
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY
HẠNG MỤC:

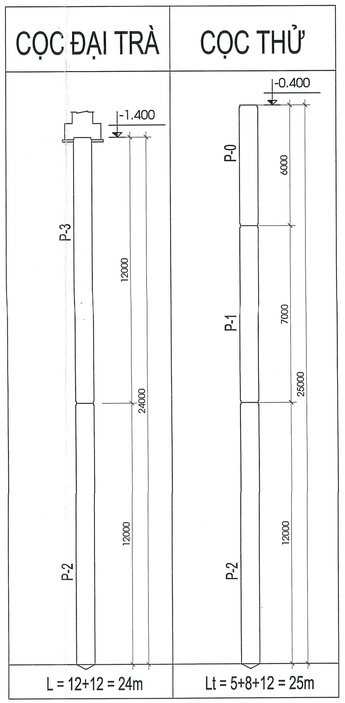
TÊN BẢN VẼ:
GHI CHÚ CHUNG

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 01	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG







CÁC YÊU CẦU VỀ COC VÀ ÉP COC :

a - CÁC YÊU CẦU VỀ COC :

- PHẢI CÓ HỒ SƠ KỸ THUẬT SẢN XUẤT COC :
* KIỂM TRA CÁC TIÊU CHUẨN VỀ KÍCH THƯỚC VÀ KHUYẾT TẬT CỦA COC TRƯỚC KHI ÉP :
SAI SỐ KÍCH THƯỚC TIẾT DIỆN COC : ± 2%
SAI SỐ KÍCH THƯỚC CHIỀU DÀI COC : ± 1%
ĐỘ CONG VÊNH CỦA COC : KHÔNG QUÁ ± 0,5% CHIỀU DÀI COC.
ĐẦU COC PHẢI THẲNG ĐỘ NGHIÊNG KHÔNG QUÁ ± 1% SO VỚI TRỤC COC.
* YÊU CẦU ĐỐI VỚI COC ĐƯỢC SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH :
- SỨC CHỊU TẢI TÍNH TOÁN VÀ CHIỀU DÀI LÝ THUYẾT CỦA COC ĐƯỢC TÍNH TOÁN THEO QUY CHUẨN VÀ DỰA TRÊN CÁC SỐ LIỆU CỦA " KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐỊA KỸ THUẬT "
- PHẢI ÉP THỬ VÀ NÉN TĨNH COC ĐỂ XÁC ĐỊNH CHIỀU DÀI COC THEO THỰC TẾ TRƯỚC KHI GIA CÔNG HÀNG LOẠT.
- SỨC CHỊU TẢI CỦA COC DÀI 24m : (P) = 50 (T)
- LỰC ÉP TRÊN ĐẦU COC : Pmin = 85 (T); Pmax = 100 (T)
- CHIỀU DÀI ÉP COC : Lmin = 22 (m)
- ĐIỀU KIỆN DỪNG ÉP :
+ KHI CHIỀU SÂU COC ĐẠT CHIỀU SÂU THIẾT KẾ & LỰC ÉP ĐẦU COC >= Pmin
+ KHI LỰC ÉP ĐẦU COC ĐẠT Pmax & CHIỀU SÂU COC >= Lmin
+ KHI LỰC ÉP ĐẦU COC = Pmax MÀ CHIỀU SÂU COC CHƯA ĐẠT Lmin PHẢI BÁO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ XỬ LÝ.

- TỔNG SỐ TIM COC : 469 TIMCOC
- SỐ LƯỢNG COC ÉP THỬ LÀ : 10 COC; SỐ LƯỢNG COC THÍ NGHIỆM NÉN TĨNH LÀ : 10 COC.
- VỊ TRÍ COC THỬ : XEM BẢN VẼ "KC : 04/54"

* CÁC ĐIỀU KIỆN VỀ NGHIỆM THU COC :
COC CHỈ ĐƯỢC ĐƯA VÀO SỬ DỤNG KHI ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TRA VÀ THỎA CÁC ĐIỀU KIỆN NÊU TRÊN.
- PHẢI CÓ NHẬT KÝ ÉP COC ĐẦY ĐỦ VÀ ĐÚNG TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT HIỆN HÀNH.
- KHI ÉP COC KHÔNG ĐẠT CHIỀU DÀI THIẾT KẾ TỐI THIỂU (COC BỊ VỠ, BỊ TRƯỢT...) ĐỀU PHẢI BÁO CÁO VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐỂ XỬ LÝ.

b - NHẬT KÝ ÉP COC :

- GIÁM SÁT A & B PHẢI GHI THẬT CHI TIẾT VÀ ĐẦY ĐỦ NHẬT KÝ CHO TỪNG COC.
- SAU KHI ÉP MỖI COC, NẾU KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU THIẾT KẾ THÌ PHẢI BÁO NGAY VỚI ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐỂ KỊP THỜI XỬ LÝ.
- CÁC THÍ NGHIỆM NÉN TĨNH COC PHẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN SAU 10 NGÀY KỂ TỪ KHI ÉP COC XUỐNG ĐỘ SÂU THIẾT KẾ VÀ PHẢI TUÂN THEO CÁC TIÊU CHUẨN VỀ COC ÉP HIỆN HÀNH TCXDVN 9393 - 2012
_ SỨC CHỊU TẢI COC THÍ NGHIỆM KIỂM TRA: (P) = 100 (T)

- Đất san lấp.
- Sét rất dẻo, màu xám xanh, trạng thái chảy.
- Cát lẫn bụi, cát lẫn sét, màu xám xanh, kết cấu chặt vừa
- Cát lẫn sét, màu xám xanh
- Sét ít dẻo, màu xám xanh, trạng thái nửa cứng
- Cát lẫn bụi, cát lẫn sét, màu nâu vàng - xám xanh - xám vàng, kết cấu chặt vừa
- Cát lẫn sét, màu xám trắng - nâu đỏ

CÔNG TRÌNH ĐÃ ĐƯỢC THẨM TRA THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ KẾT CẤU THEO QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04.KC.TT
Ngày 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01/QĐ-BQLKVT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

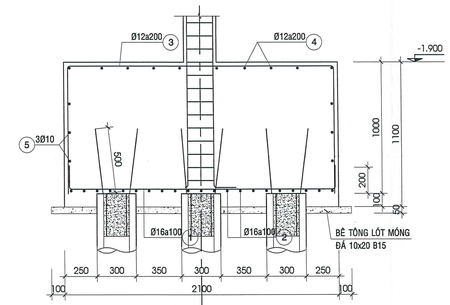
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH (CŨ) P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH)
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

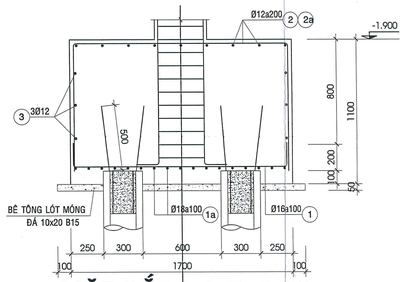
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT COC - MÓNG

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 02	TỔNG SỐ: 57

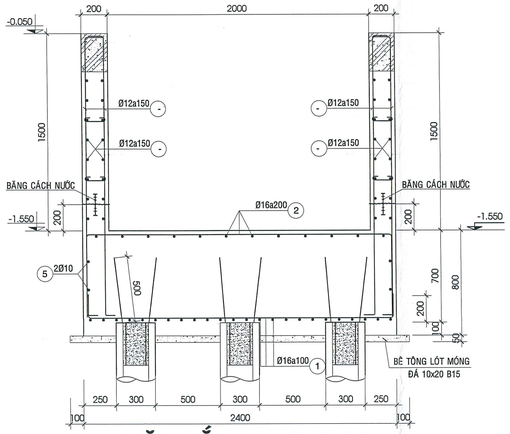
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



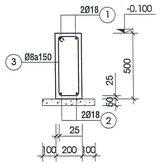
MẶT CẮT 5-5 TL:1/20



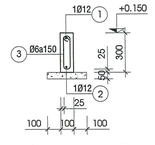
MẶT CẮT 6-6 TL:1/20



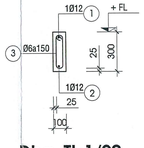
MẶT CẮT 9-9 TL:1/20



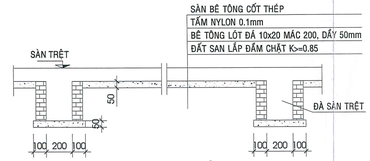
GM TL:1/20
(200 x 500)



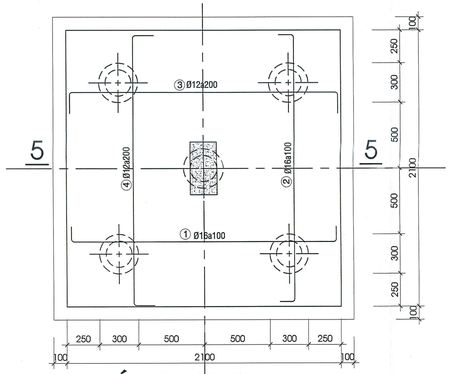
Dbh TL:1/20
(100 x 300)



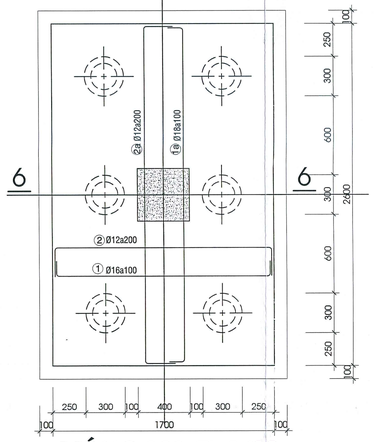
Dhg TL:1/20
(100 x 300)



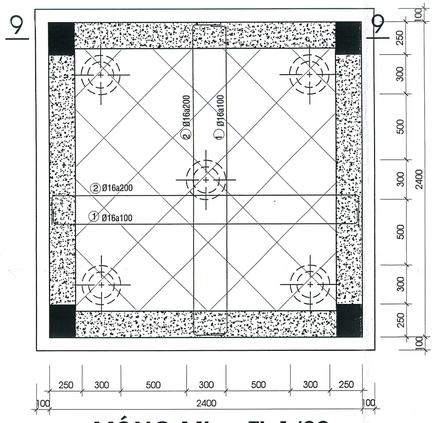
MC ĐÀ SÀN TẦNG TRỆT ĐIỂN HÌNH TL:1/20



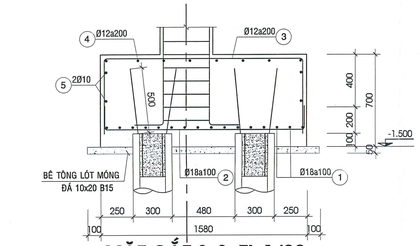
MÓNG M5 TL:1/20



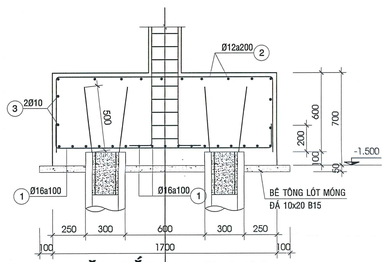
MÓNG M6 TL:1/20



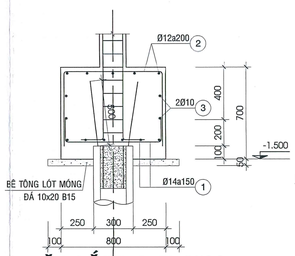
MÓNG Mtm TL:1/20



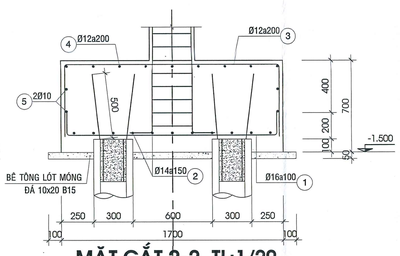
MẶT CẮT 3-3 TL:1/20



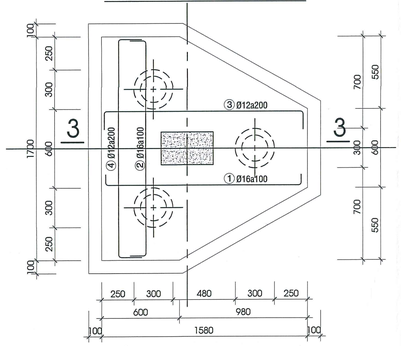
MẶT CẮT 4-4 TL:1/20



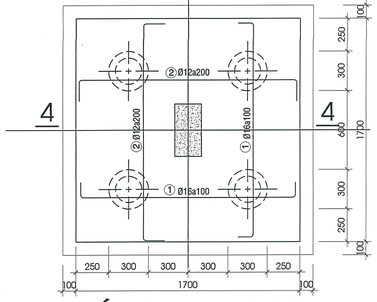
MẶT CẮT 1-1 TL:1/20



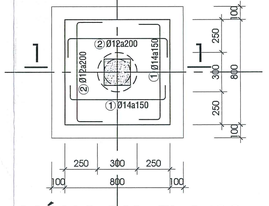
MẶT CẮT 2-2 TL:1/20



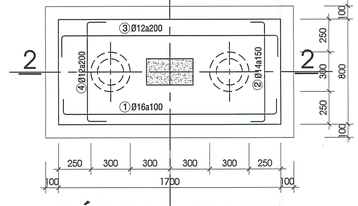
MÓNG M3 TL:1/20



MÓNG M4 TL:1/20



MÓNG M1 TL:1/20



MÓNG M2 TL:1/20

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP MÓNG

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
M1 (SL:26)	1	200 750 200	14	1150	12	312	358.8	433.58
	2	600 750 600	12	1950	10	260	507	450.12
	3	750	10	750	4	104	78	48.09
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 48.1	Ø ≤ 18 : 883.7	Ø > 18 : 0			
M2 (SL:58)	1	200 1650 200	16	2050	8	464	951.2	1501.31
	2	200 750 200	14	1150	12	696	800.4	967.21
	3	600 1650 600	12	2850	5	290	826.5	733.78
	4	600 750 600	12	1950	9	522	1017.9	903.71
	5	750	10	750	4	232	174	107.28
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 107.3	Ø ≤ 18 : 4106	Ø > 18 : 0			
M3 (SL:51)	1	200 1530 200	16	1930	18	918	1771.74	2796.40
	2	200 1650 200	16	2050	17	867	1777.35	2805.26
	3	700 1530 700	12	2930	9	459	1344.87	1193.99
	4	700 1650 700	12	3050	9	459	1399.95	1242.90
	5	1650	10	1650	4	204	336.6	207.53
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 207.5	Ø ≤ 18 : 8038.6	Ø > 18 : 0			
M4 (SL:26)	1	200 1650 200	16	2050	32	640	1312	2070.78
	2	650 1650 650	12	2950	16	320	944	838.10
	3	1650	12	1650	12	240	396	351.57
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 3260.5	Ø > 18 : 0			
M5 (SL:12)	1	200 2050 200	16	2450	42	504	1234.8	1948.93
	2	950 2050 950	12	3950	26	312	1232.4	1094.14
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 3043.1	Ø > 18 : 0			
M6 (SL:4)	1	200 1650 200	16	2050	27	108	221.4	349.44
	1a	200 2650 200	18	3050	17	68	207.4	414.30
	3	2650	12	2650	3	12	31.8	28.23
	3	1650	12	1650	3	12	19.8	17.58
	2a	200 1650 200	12	2050	14	56	114.8	101.92
	2	200 2650 200	12	3050	9	36	109.8	97.48
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 1009	Ø > 18 : 0			
Mtm (SL:12)	1	200 2350 200	16	2750	48	96	264	418.88
	2	650 2350 650	16	3650	24	48	175.2	276.52
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 693.2	Ø > 18 : 0			
GM (SL:22tm)	1	450 226000 450	18	241300	2	2	482.6	964.03
	2	226000	18	240400	2	2	480.8	960.44
	3	150 450 60	8	1380	1500	1500	2040	804.95
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 805	Ø ≤ 18 : 1924.5	Ø > 18 : 0			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 1167.8	Ø ≤ 18 : 22958.4	Ø > 18 : 0			

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC XÂY DỰNG NGHI HÂN
THẨM TRA
Ngày 12 tháng 12 năm 2025
Chữ ký và họ tên: Nguyễn Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 07 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 12 Năm 2025
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN - TP. HCM)
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

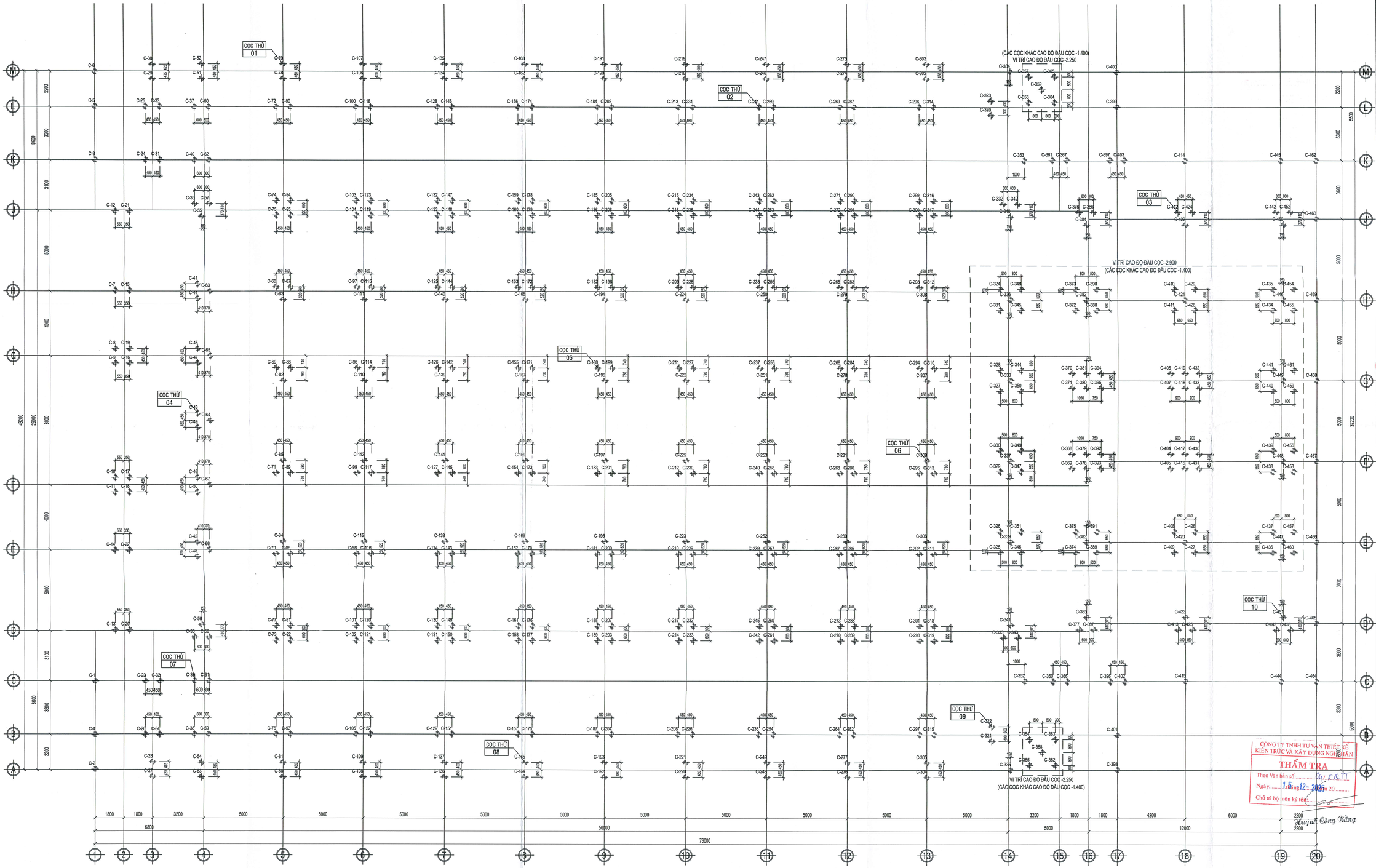
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỌC - MÓNG

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH: 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 03	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVT
Ngày 22 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - Q.PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

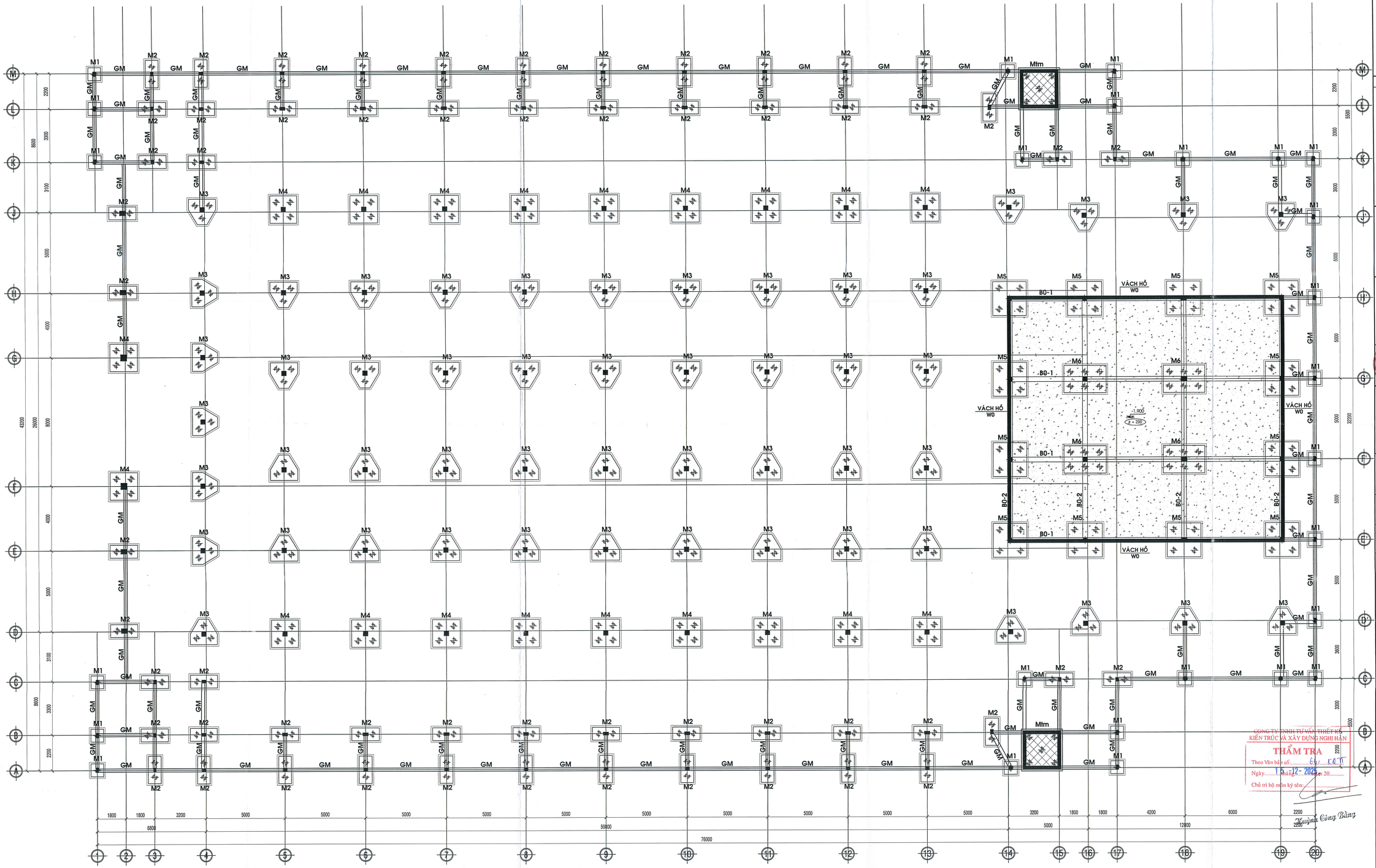
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ TIM CỌC

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 04	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỆ NHÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04/KCTT
Ngày 15 Tháng 12 Năm 2025
Chữ ký bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng



MẶT BẰNG MÓNG - GIẰNG MÓNG TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

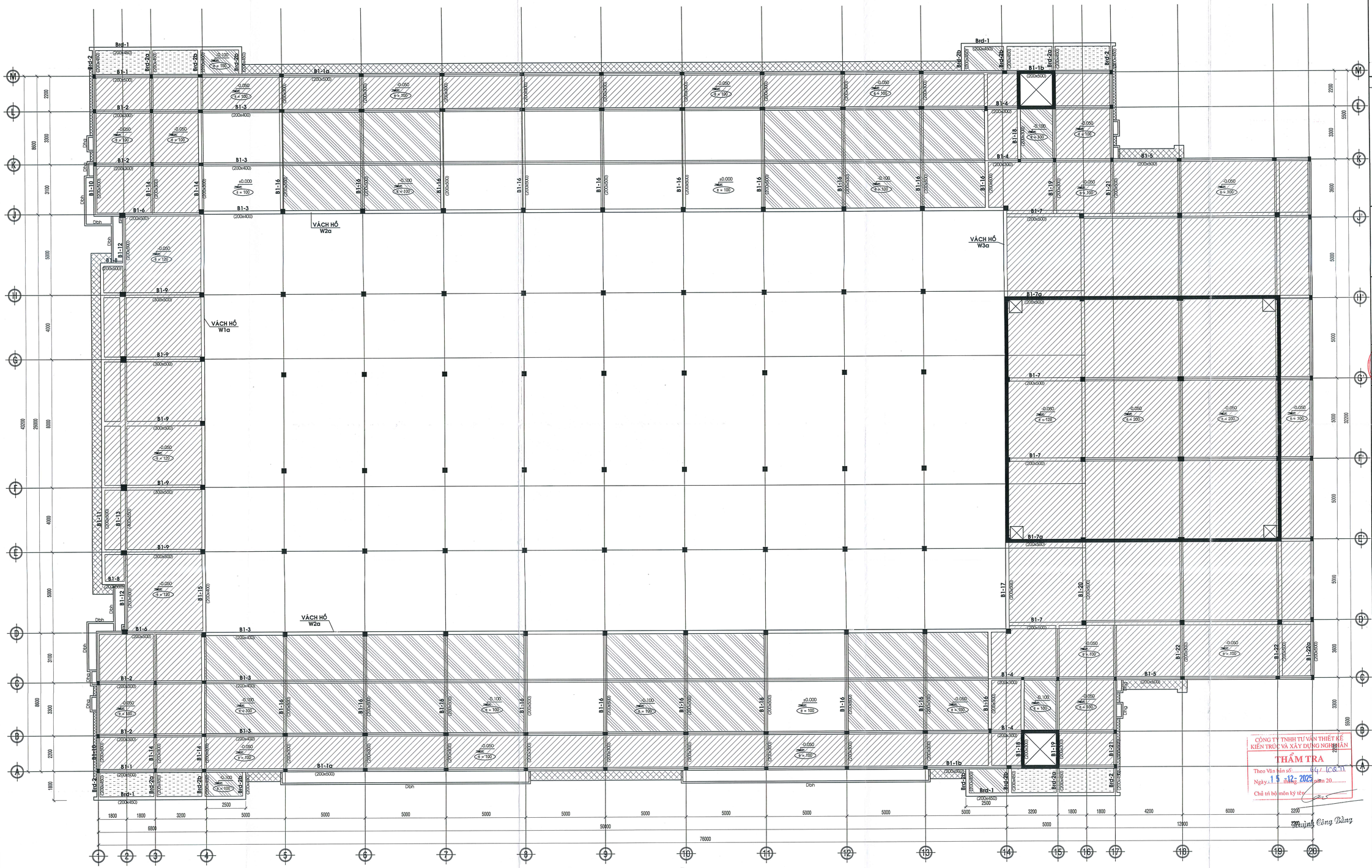
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG MÓNG

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 05	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 01/ KCTT
Ngày 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:



MẶT BẰNG ĐÀ SÀN TẦNG 1 TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN DTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 02/QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC :
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

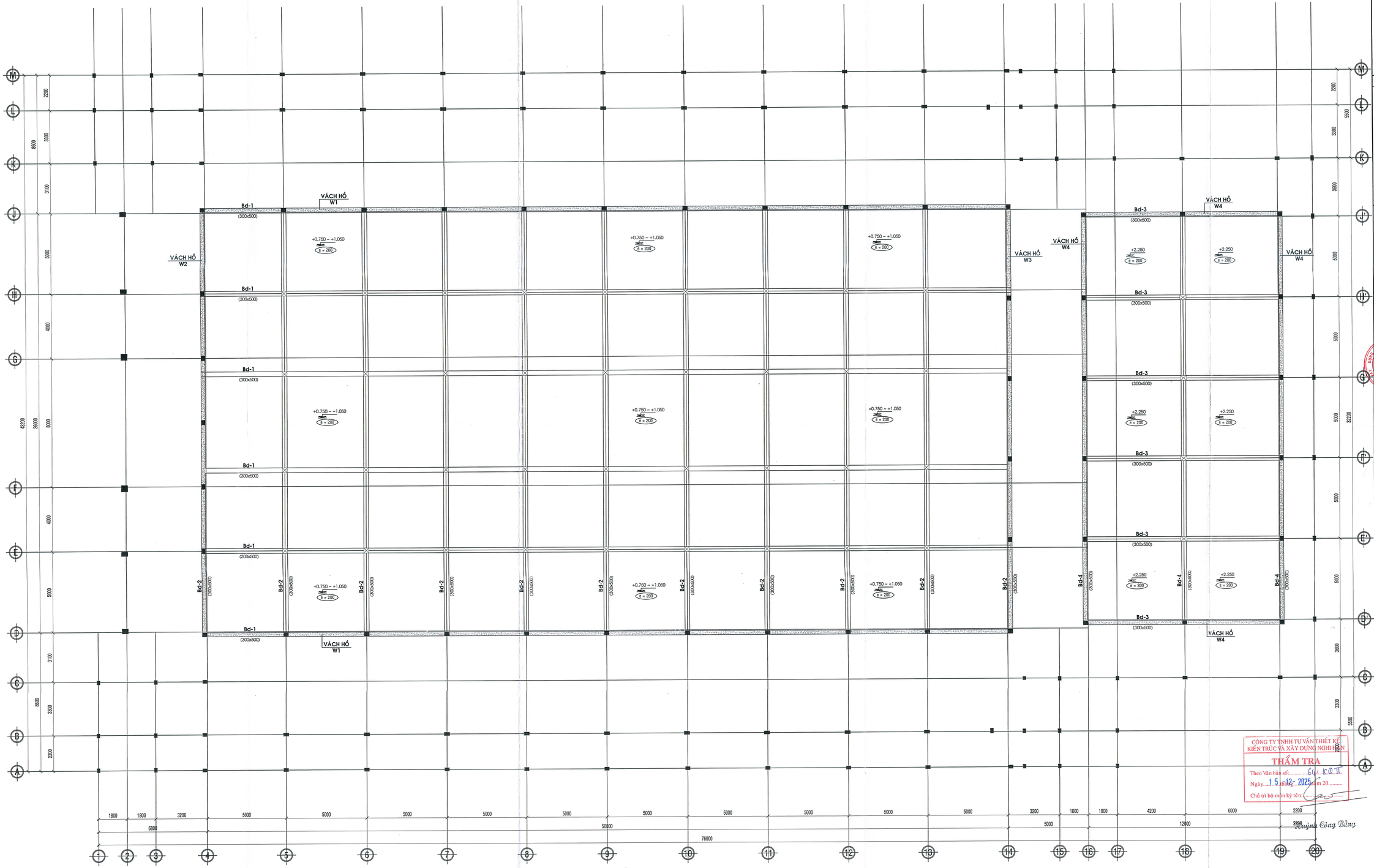
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐÀ SÀN TẦNG 1

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 06	TỔNG SỐ: 57

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỆ AN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04/..(CCT).
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



MẶT BẰNG ĐÁ SÀN ĐÁY HỒ +1.200->+1.500 & +2.250 TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVP
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 924/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN DAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

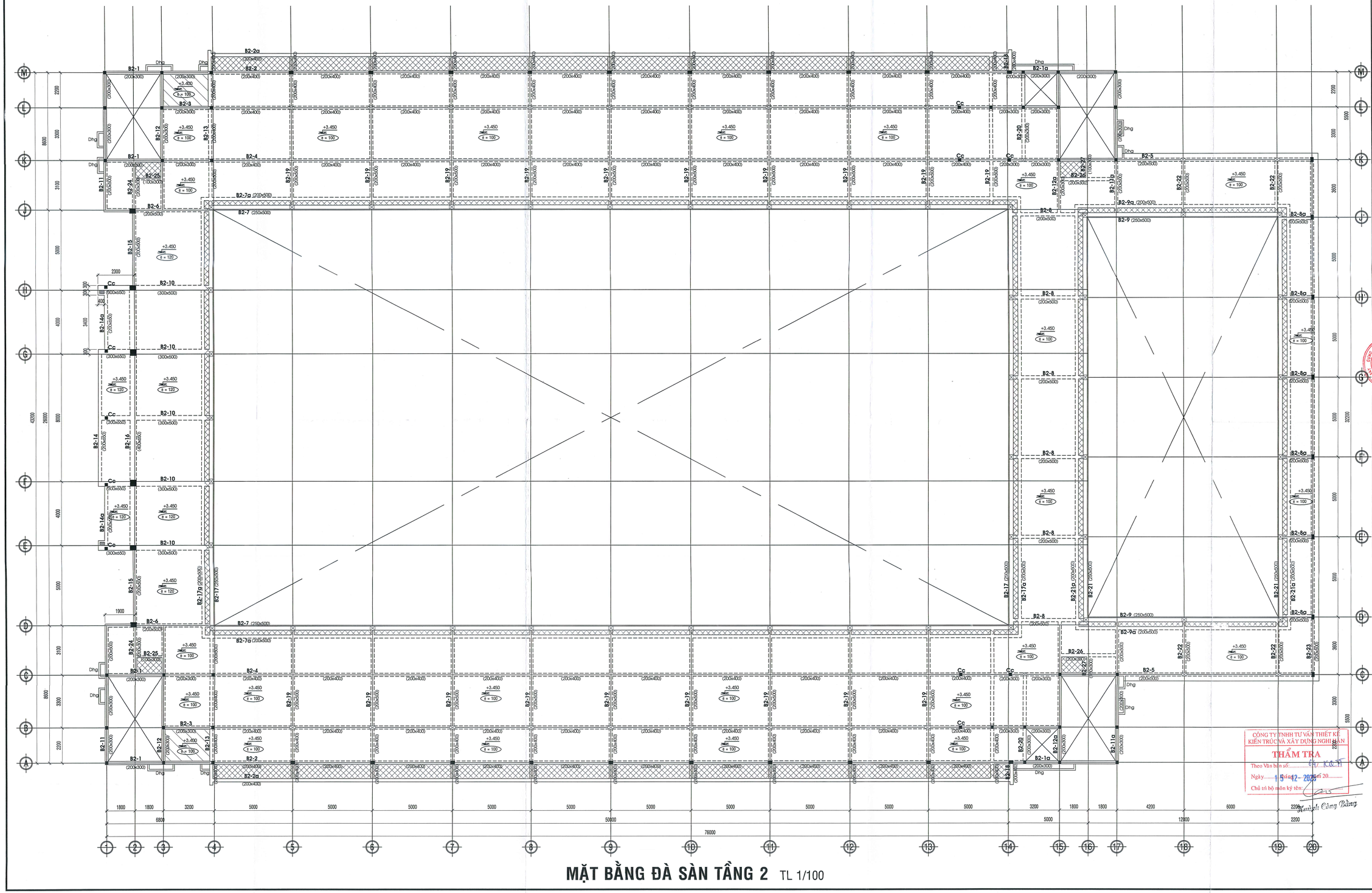
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐÁ ĐÁY HỒ

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 07	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 60/ TCT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Nguyễn Công Bằng



MẶT BẰNG ĐÀ SÀN TẦNG 2 TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

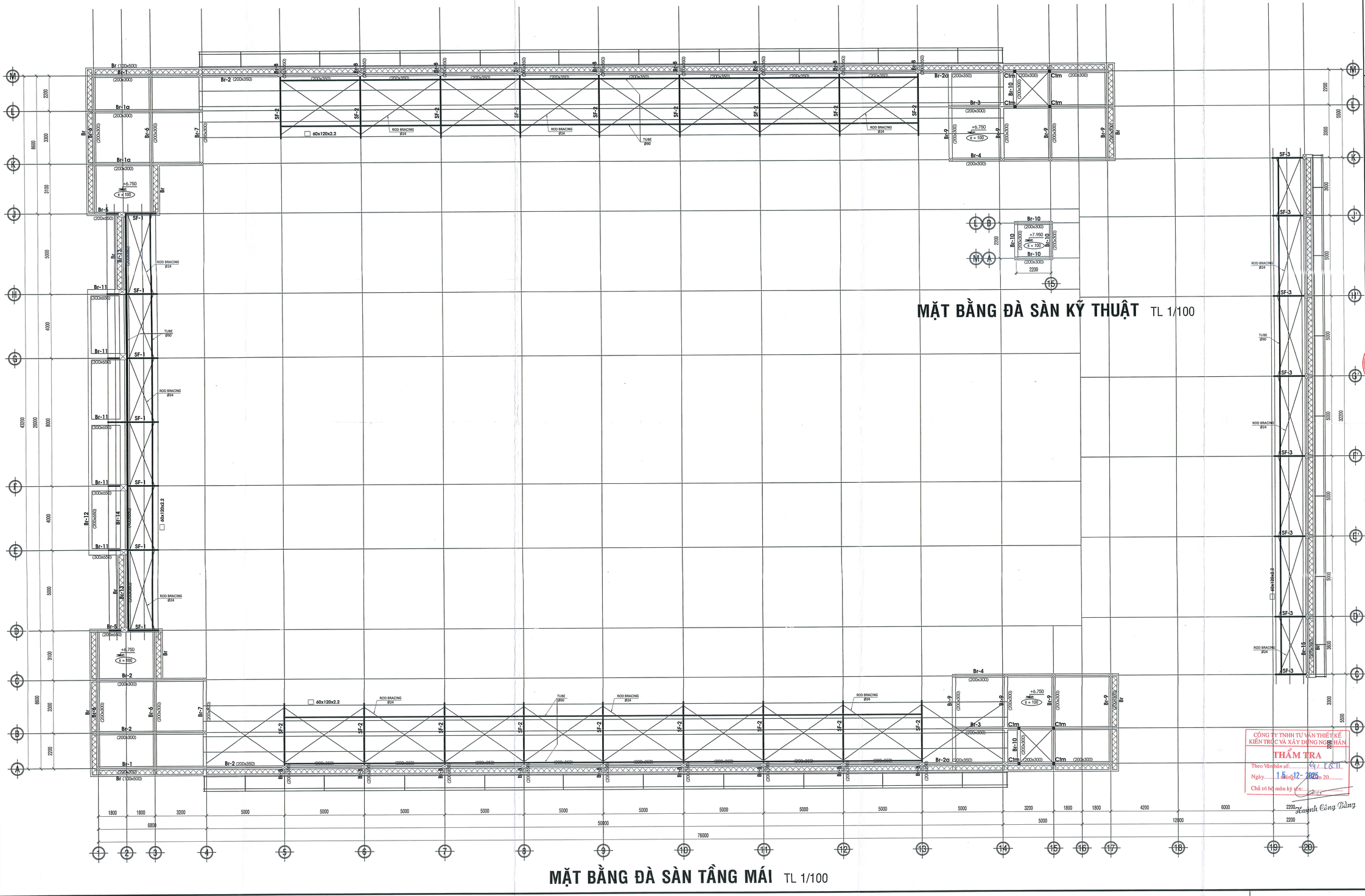
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHIỆP HẢI
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04/ KC-01
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: Nguyễn Công Bằng

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐÀ SÀN TẦNG 2

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 08	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



MẶT BẰNG ĐÀ SÀN KỸ THUẬT TL 1/100

MẶT BẰNG ĐÀ SÀN TẦNG MÁI TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03/QĐ-BQLKV
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : ĐA/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC :
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - Q.PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

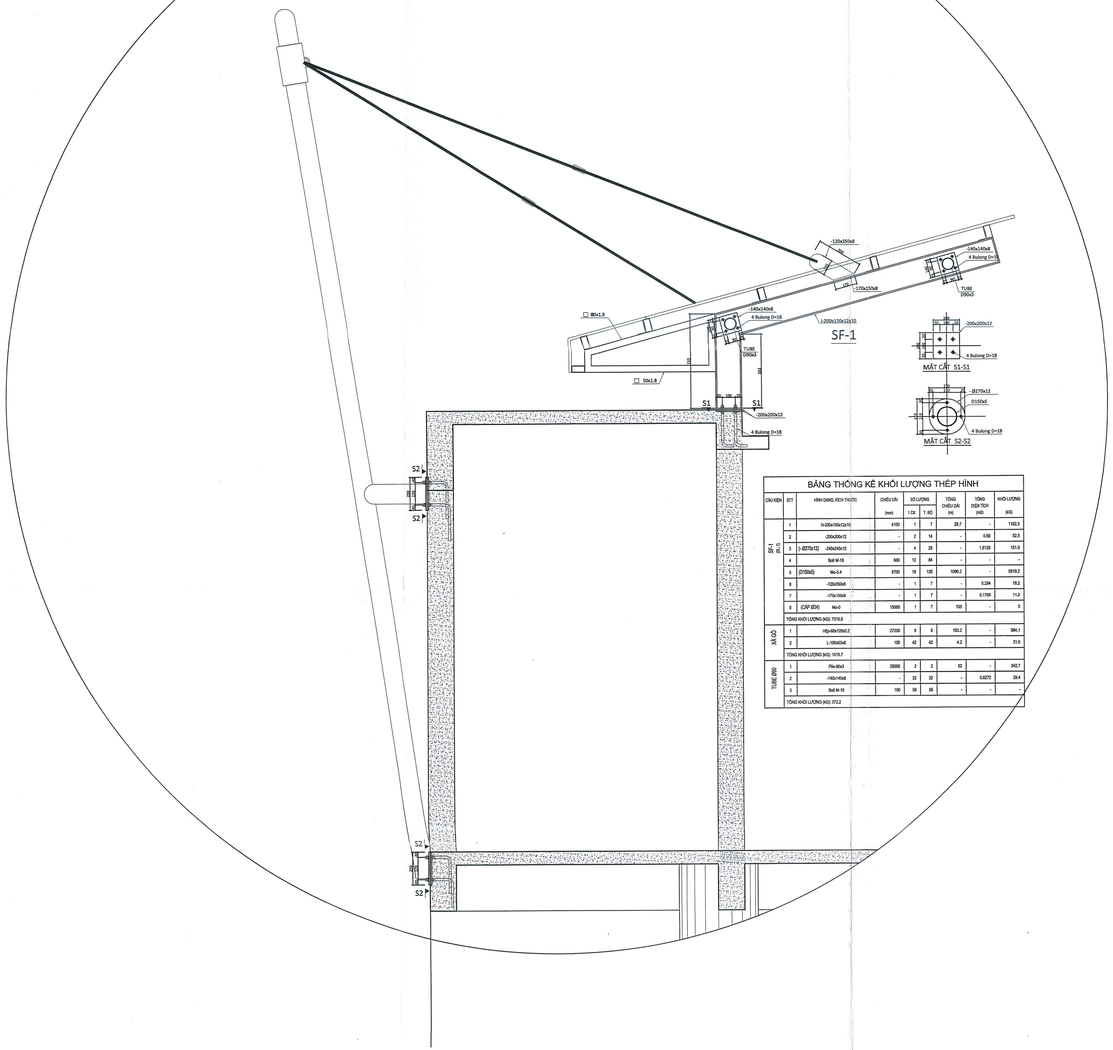
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG ĐÀ SÀN MÁI CHE THANG

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 09	TỔNG SỐ: 57

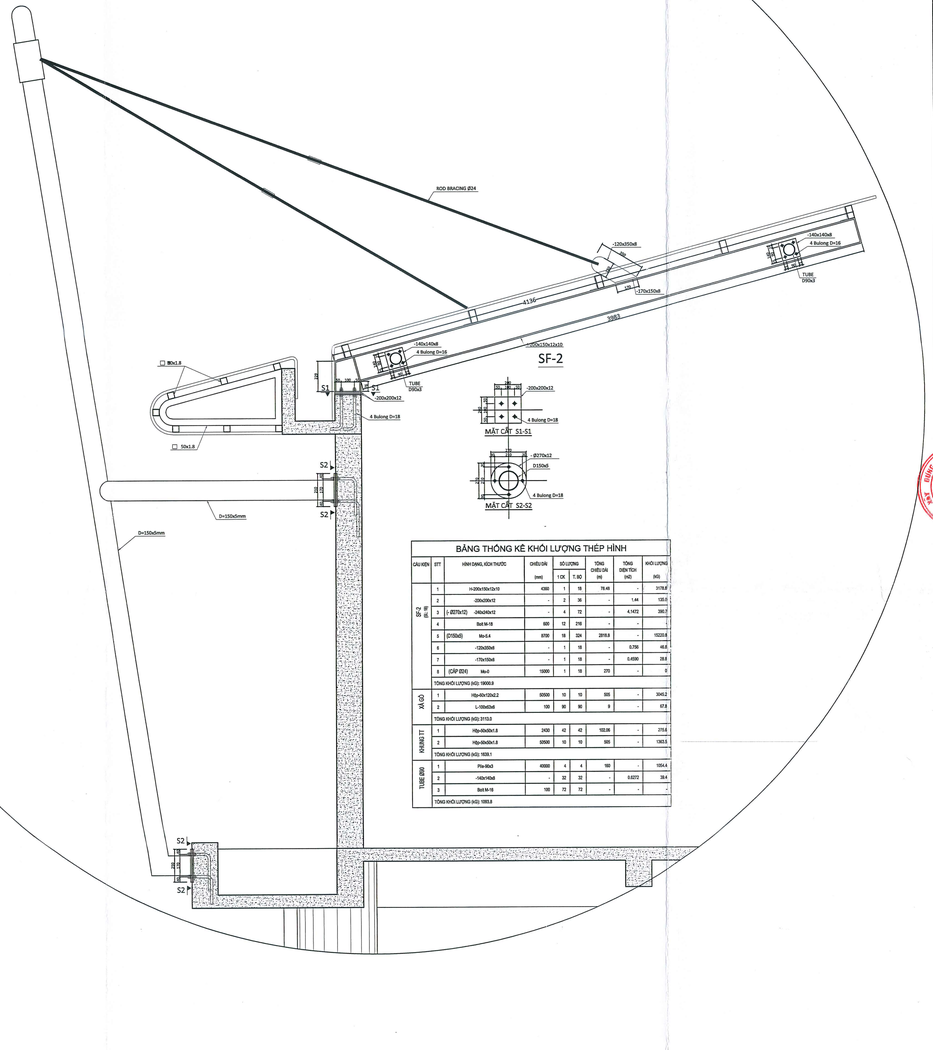
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGỌC HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 61/...LCC.11
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Trần Công Bằng



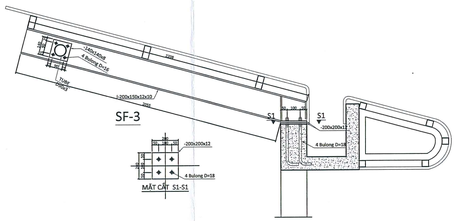
BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG DIỆN TÍCH (m2)	KHỐI LƯỢNG (KG)
SF-1 01 BỘ	1	h-200x150x12x10	4100	1	1	28.7	-	1162.4
	2	-200x200x12	-	1	1	4	0.08	62.3
	3	(-Ø270x12) -240x240x12	-	4	4	25	1.8128	181.9
	4	Bulông M-18	800	12	24	-	-	-
	5	(C150x5) Mx-5.4	8700	18	126	1096.2	-	5919.2
	6	-120x150x8	-	1	7	-	0.234	18.2
	7	-170x150x8	-	1	7	-	0.1785	11.2
	8	(CẤP Ø24) Mx-5	15000	1	7	105	-	0
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 7315.5							
XÀ GỒ	1	Hộp-60x120x2.2	27720	6	6	166.3	-	996.1
	2	L-100x63x6	100	42	42	4.2	-	31.6
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 1015.7							
THÉP ỐNG	1	Phi-90x3	28000	2	2	56	-	342.7
	2	-140x140x8	-	32	32	-	0.6272	39.4
	3	Bulông M-18	100	96	96	-	-	-
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 372.2							



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG DIỆN TÍCH (m2)	KHỐI LƯỢNG (KG)
SF-2 01 BỘ	1	h-200x150x12x10	4360	1	18	78.48	-	3178.8
	2	-200x200x12	-	2	36	-	1.44	135.5
	3	(-Ø270x12) -240x240x12	-	4	72	-	4.1472	390.2
	4	Bulông M-18	800	12	216	-	-	-
	5	(C150x5) Mx-5.4	8700	18	324	2819.4	-	15220.6
	6	-120x150x8	-	1	18	-	0.720	45.5
	7	-170x150x8	-	1	18	-	0.4590	28.8
	8	(CẤP Ø24) Mx-5	15000	1	18	270	-	0
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 19000.9							
XÀ GỒ	1	Hộp-60x120x2.2	30500	10	10	305	-	1845.2
	2	L-100x63x6	100	90	90	9	-	67.8
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 2113.0							
KHUNG ĐỠ	1	Hộp-60x120x1.8	2400	42	42	100.8	-	272.2
	2	Hộp-60x120x1.8	30500	10	10	305	-	1303.5
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 1838.1							
THÉP ỐNG	1	Phi-90x3	40000	4	4	160	-	1094.4
	2	-140x140x8	-	32	32	-	0.6272	39.4
	3	Bulông M-18	100	72	72	-	-	-
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 1133.8							



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG DIỆN TÍCH (m2)	KHỐI LƯỢNG (KG)
SF-3 01 BỘ	1	h-200x150x12x10	2200	1	8	17.6	-	742.3
	2	-200x200x12	-	2	16	-	0.64	60.0
	3	(-Ø270x12) -240x240x12	-	4	32	-	1.8432	173.6
	4	Bulông M-18	800	12	96	-	-	-
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 975.9							
XÀ GỒ	1	Hộp-60x120x2.2	33400	4	4	133.6	-	800.6
	2	L-100x63x6	100	42	42	4.2	-	31.6
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 837.2							
KHUNG ĐỠ	1	Hộp-60x60x1.8	2400	42	42	100.8	-	272.2
	2	Hộp-60x60x1.8	30500	10	10	305	-	1303.5
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 1655.1							
THÉP ỐNG	1	Phi-90x3	32200	1	1	32.2	-	220.2
	2	-140x140x8	-	16	16	-	0.3194	17.2
	3	Bulông M-18	100	32	32	-	-	-
	TỔNG KHỐI LƯỢNG (KG): 237.4							

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: Cty KCT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03/QĐ-BQLKVBT
Ngày 23 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.39974923
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT KÈO SF-1, SF-2, SF-3

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 10	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

SÀN -50 SO VỚI CAO ĐỘ KIẾN TRÚC

SÀN -100 SO VỚI SÀN LIỀN KỀ

SÀN -50 SO VỚI SÀN LIỀN KỀ

SÀN ÂM ĐÁY ĐÀ

MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ XỬ LÝ TL 1/100

MẶT BẰNG THÉP SÀN TẦNG 1 TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLDA
Ngày 13 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T.H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH, P.9, QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THÉP SÀN TẦNG 1

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 11	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGỌC THẮNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 41 /CCM
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM
VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 924/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD
GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THÉP SÀN ĐÁY HỒ

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 12	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGỌC NHÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04 / KCN
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng

MẶT BẰNG THÉP SÀN ĐÁY HỒ +1.200->+1.500 & +2.250 TL 1/100

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
thep san tầng 1 (SL:1)	1	100 750 100	10	950	1984	1984	1884.8	1162.05
	2	100 1000 100	10	1200	952	952	1142.4	704.33
	3	80 19960 80	8	20120	10	10	201.2	79.39
	4	100 2580 100	12	2780	192	192	533.76	473.88
	5	100 1550 100	10	1750	926	926	1620.5	999.10
	6	100 1800 100	10	2000	1761	1761	3522	1171.45
	7	100 2830 100	12	3030	96	96	290.88	258.26
	8	100 1850 100	12	2050	420	420	861	764.41
	9	80 8800 80	8	8960	68	68	609.28	240.41
	10	80 8700 80	8	8860	816	816	7229.76	2852.75
	11	100 1430 100	12	1630	864	864	1408.32	1250.33
	12	100 1860 100	12	2060	300	300	618	548.67
	13	0 5460 0	10	5460	160	160	1033.8	637.85
	14	100 1300 100	10	1500	286	286	429	264.49
	15	100 2550 100	12	2750	96	96	264	234.38
	16	100 2300 100	12	2500	144	144	360	319.61
	17	100 5060 100	10	5260	96	96	504.96	311.33
	18	100 9360 100	12	9560	52	52	497.12	441.35
	19	100 26160 100	10	27160	51	51	1385.16	854.00
	20	100 1180 100	12	1380	192	192	264.96	235.24

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
thep san tầng 1 (SL:1)	21	0 58000 0	8	58000	38	38	2204	869.66
	22	80 63800 80	8	63960	42	42	2686.32	1059.98
	23	0 76200 0	8	76200	46	46	3505.2	1383.10
	24	100 1900 100	10	2100	89	89	186.9	115.23
	25	100 2730 100	10	2930	13	13	38.09	23.48
	26	100 2750 100	10	2950	13	13	38.35	23.64
	27	100 3550 100	10	3750	42	42	157.5	97.10
	28	100 1100 100	10	1300	324	324	421.2	259.69
	29	100 1650 100	10	1850	110	110	203.5	125.47
	30	80 8920 80	8	7060	68	68	480.08	189.43
	31	100 3700 100	12	2900	1152	1152	3340.8	2966.01
	32	100 2000 100	10	2200	126	126	277.2	170.90
	33	100 25574 100	10	26574	171	171	4544.15	2801.64
	34	80 3760 80	8	3920	30	30	117.6	46.40
	35	80 9120 80	8	9280	68	68	629.68	248.46
	36	100 1080 100	10	1280	188	188	240.64	148.36
	37	80 3600 80	8	3760	188	188	706.88	278.92
	38	100 19280 100	10	19880	240	240	4771.2	2941.62
	39	100 2000 100	12	2200	240	240	528	466.77
	40	80 32360 80	8	32520	15	15	487.8	192.48

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG) Ø ≤ 10 : 21252.1 Ø ≤ 18 : 7960.9 Ø > 18 : 0

MẶT BẰNG THÉP SÀN TẦNG 2 TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 tháng 01 năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

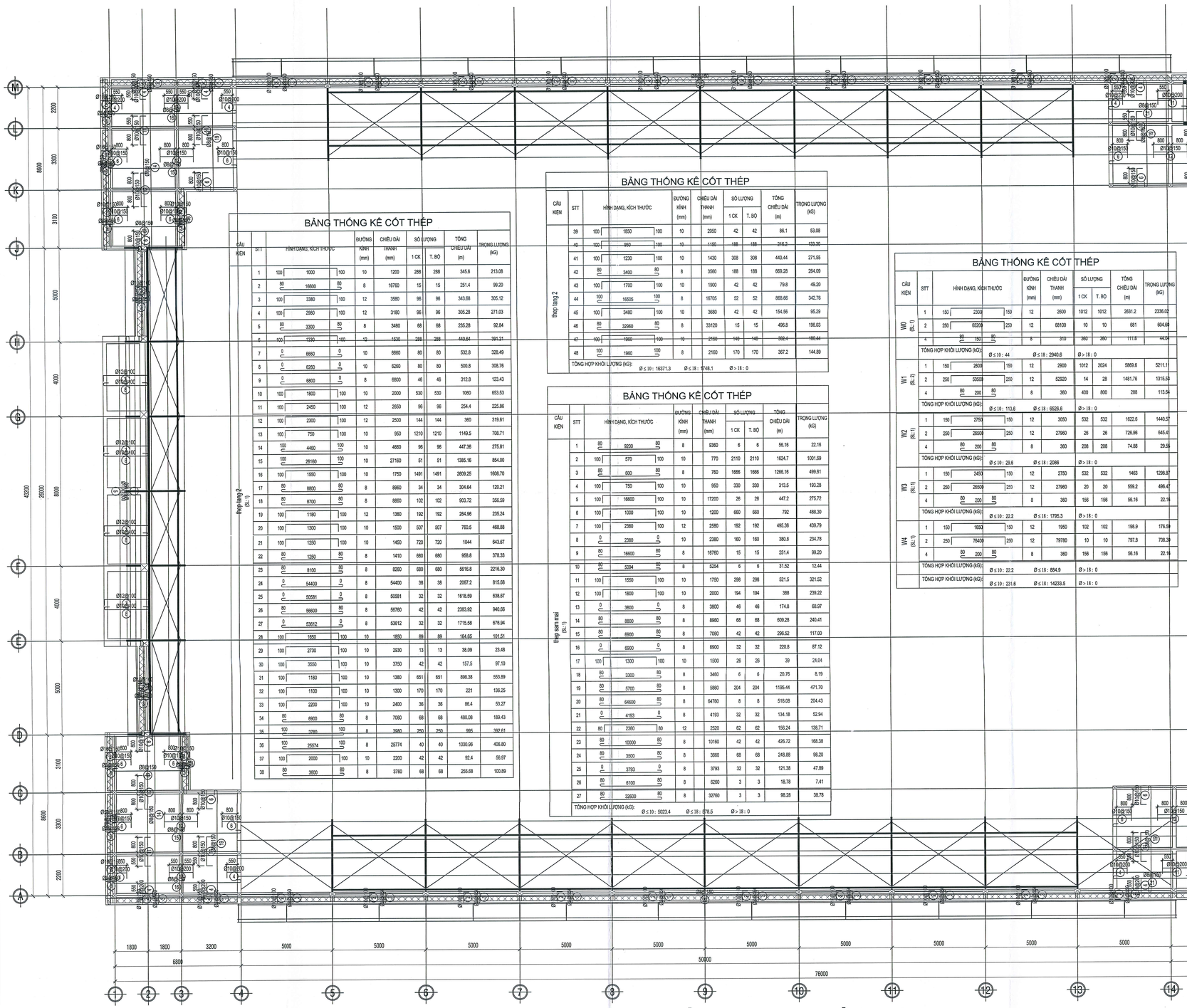
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THÉP SÀN TẦNG 2

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 13	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨA HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04/.../KS.TT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

MB THÉP SÀN KỸ THUẬT TL 1/100



BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
thep tang 2	1	100 1000 100	10	1200	288	288	345.6	213.08
	2	80 16600 80	8	16760	15	15	251.4	99.20
	3	100 3380 100	12	3580	96	96	343.68	305.12
	4	100 2960 100	12	3160	96	96	305.28	271.03
	5	80 3300 80	8	3460	68	68	235.28	92.84
	6	100 1330 100	12	1530	288	288	440.64	391.21
	7	0 6660 0	10	6660	80	80	532.8	328.49
	8	0 6260 0	10	6260	80	80	500.8	308.76
	9	0 6800 0	8	6800	46	46	312.8	123.43
	10	100 1800 100	10	2000	530	530	1060	653.53
	11	100 2450 100	12	2650	96	96	254.4	225.86
	12	100 2300 100	12	2500	144	144	360	319.61
	13	100 750 100	10	950	1210	1210	1149.5	708.71
	14	100 4460 100	10	4660	96	96	447.36	275.81
	15	100 28160 100	10	27160	51	51	1385.16	854.00
	16	100 1550 100	10	1750	1491	1491	2609.25	1608.70
	17	80 8800 80	8	8960	34	34	304.64	120.21
	18	80 8700 80	8	8860	102	102	903.72	356.59
	19	100 1180 100	12	1380	192	192	264.96	235.24
	20	100 1300 100	10	1500	507	507	760.5	468.88
	21	100 1250 100	10	1450	720	720	1044	643.67
	22	80 1250 80	8	1410	680	680	958.8	378.33
	23	80 8100 80	8	8260	680	680	5616.8	2216.30
	24	0 54400 0	8	54400	38	38	2067.2	815.68
	25	0 50581 0	8	50581	32	32	1618.59	638.67
	26	80 56760 80	8	56760	42	42	2383.92	940.66
	27	0 53812 0	8	53812	32	32	1715.58	676.94
	28	100 1650 100	10	1850	89	89	164.65	101.51
	29	100 2730 100	10	2930	13	13	38.09	23.48
	30	100 3550 100	10	3750	42	42	157.5	97.10
	31	100 1180 100	10	1380	651	651	898.38	553.89
	32	100 1100 100	10	1300	170	170	221	136.25
	33	100 2200 100	10	2400	36	36	86.4	53.27
	34	80 6900 80	8	7060	68	68	480.08	189.43
	35	100 3780 100	8	3980	250	250	995	392.61
	36	100 25574 100	8	25774	40	40	1030.96	406.80
	37	100 2000 100	10	2200	42	42	92.4	56.97
	38	80 3600 80	8	3760	68	68	255.68	100.89

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
thep tang 2	39	100 1850 100	10	2050	42	42	86.1	53.08
	40	100 950 100	10	1150	188	188	216.2	133.30
	41	100 1230 100	10	1430	308	308	440.44	271.55
	42	80 3400 80	8	3560	188	188	669.28	264.09
	43	100 1700 100	10	1900	42	42	79.8	49.20
	44	100 16505 100	8	16705	52	52	868.66	342.76
	45	100 3480 100	10	3680	42	42	154.56	95.29
	46	80 32960 80	8	33120	15	15	496.8	196.03
	47	100 1660 100	10	2160	145	145	2624	1616.44
	48	100 1960 100	8	2160	170	170	367.2	144.89
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 16371.3	Ø ≤ 18 : 1748.1	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
thep sam mai (SL:1)	1	80 9200 80	8	9360	6	6	56.16	22.16
	2	100 570 100	10	770	2110	2110	1624.7	1001.69
	3	80 600 80	8	760	1666	1666	1266.16	499.61
	4	100 750 100	10	950	330	330	313.5	193.28
	5	100 16600 100	10	17200	26	26	447.2	275.72
	6	100 1000 100	10	1200	660	660	792	488.30
	7	100 2380 100	12	2580	192	192	495.36	439.79
	8	0 2380 0	10	2380	160	160	380.8	234.78
	9	80 16600 80	8	16760	15	15	251.4	99.20
	10	80 5094 80	8	5254	6	6	31.52	12.44
	11	100 1550 100	10	1750	298	298	521.5	321.52
	12	100 1800 100	10	2000	194	194	388	239.22
	13	0 3800 0	8	3800	46	46	174.8	68.97
	14	80 8800 80	8	8960	68	68	609.28	240.41
	15	80 6900 80	8	7060	42	42	296.52	117.00
	16	0 6900 0	8	6900	32	32	220.8	87.12
	17	100 1300 100	10	1500	26	26	39	24.04
	18	80 3300 80	8	3460	6	6	20.76	8.19
	19	80 5700 80	8	5860	204	204	1195.44	471.70
	20	80 64600 80	8	64760	8	8	518.08	204.43
	21	0 4193 0	8	4193	32	32	134.18	52.94
	22	80 2360 80	12	2520	62	62	156.24	138.71
	23	80 10000 80	8	10160	42	42	426.72	168.38
	24	80 3500 80	8	3660	68	68	248.88	98.20
	25	0 3793 0	8	3793	32	32	121.38	47.89
	26	80 6100 80	8	6260	3	3	18.78	7.41
	27	80 32600 80	8	32760	3	3	98.28	38.78
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 5023.4	Ø ≤ 18 : 578.5	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
W0 (SL:1)	1	150 2300 150	12	2600	1012	1012	2631.2	2336.02
	2	250 65200 250	12	68100	10	10	681	604.69
	4	80 150 80	8	310	360	360	111.6	44.04
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 44	Ø ≤ 18 : 2940.6	Ø > 18 : 0			
W1 (SL:2)	1	150 2600 150	12	2900	1012	2024	5869.8	5211.1
	2	250 50500 250	12	52920	14	28	1481.76	1315.53
	4	80 200 80	8	360	400	800	288	113.64
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 113.6	Ø ≤ 18 : 6526.6	Ø > 18 : 0			
W2 (SL:1)	1	150 2750 150	12	3050	532	532	1622.6	1440.57
	2	250 26500 250	12	27960	26	26	726.96	645.4
	4	80 200 80	8	360	208	208	74.88	29.56
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 29.6	Ø ≤ 18 : 2066	Ø > 18 : 0			
W3 (SL:1)	1	150 2450 150	12	2750	532	532	1463	1298.87
	2	250 26500 250	12	27960	20	20	559.2	496.41
	4	80 200 80	8	360	156	156	56.16	22.16
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 22.2	Ø ≤ 18 : 1795.3	Ø > 18 : 0			
W4 (SL:1)	1	150 1650 150	12	1950	102	102	198.9	176.59
	2	250 76400 250	12	79780	10	10	797.8	708.38
	4	80 200 80	8	360	156	156	56.16	22.16
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 22.2	Ø ≤ 18 : 884.9	Ø > 18 : 0			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 231.6	Ø ≤ 18 : 14233.5	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
W1a (SL:2)	1	150 1500 150	12	1800	506	1012	1821.6	1617.24
	2	250 50500 250	12	52920	8	16	846.72	751.73
	4	80 200 80	8	360	200	400	144	56.82
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 56.8	Ø ≤ 18 : 2369	Ø > 18 : 0			
W2a (SL:1)	1	150 1700 150	12	2000	270	270	540	479.42
	2	250 26500 250	12	27960	12	12	335.52	297.88
	4	80 200 80	8	360	105	105	37.8	14.92
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 14.9	Ø ≤ 18 : 777.3	Ø > 18 : 0			
W3a (SL:1)	1	150 2000 150	12	2300	270	270	621	551.33
	2	250 26500 250	12	27960	14	14	391.44	347.53
	4	80 200 80	8	360	80	80	28.8	11.36
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 11.4	Ø ≤ 18 : 898.9	Ø > 18 : 0			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 83.1	Ø ≤ 18 : 4045.1	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
BẢY ĐỆM ĐIỀU HÒA (SL:1)	1	180 15280 180	12	16120	372	372	5996.64	5323.90
	2	180 17240 180	12	18080	228	228	4122.24	3659.78
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 8983.7	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
BẢY ĐỆ ĐỢI (SL:1)	1	180 26560 180	12	27880	1120	1120	31225.6	27722.53
	2	180 50560 180	12	52840	380	380	20079.2	17826.60
	3	180 25550 180	12	26870	248	248	6663.76	5916.18
	4	180 12550 180	12	13390	380	380	5088.2	4517.38
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 55982.7	Ø > 18 : 0			

MẶT BẰNG THÉP SÀN TẦNG MÁI TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày: 22 Tháng: 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T-H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU: KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU: KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

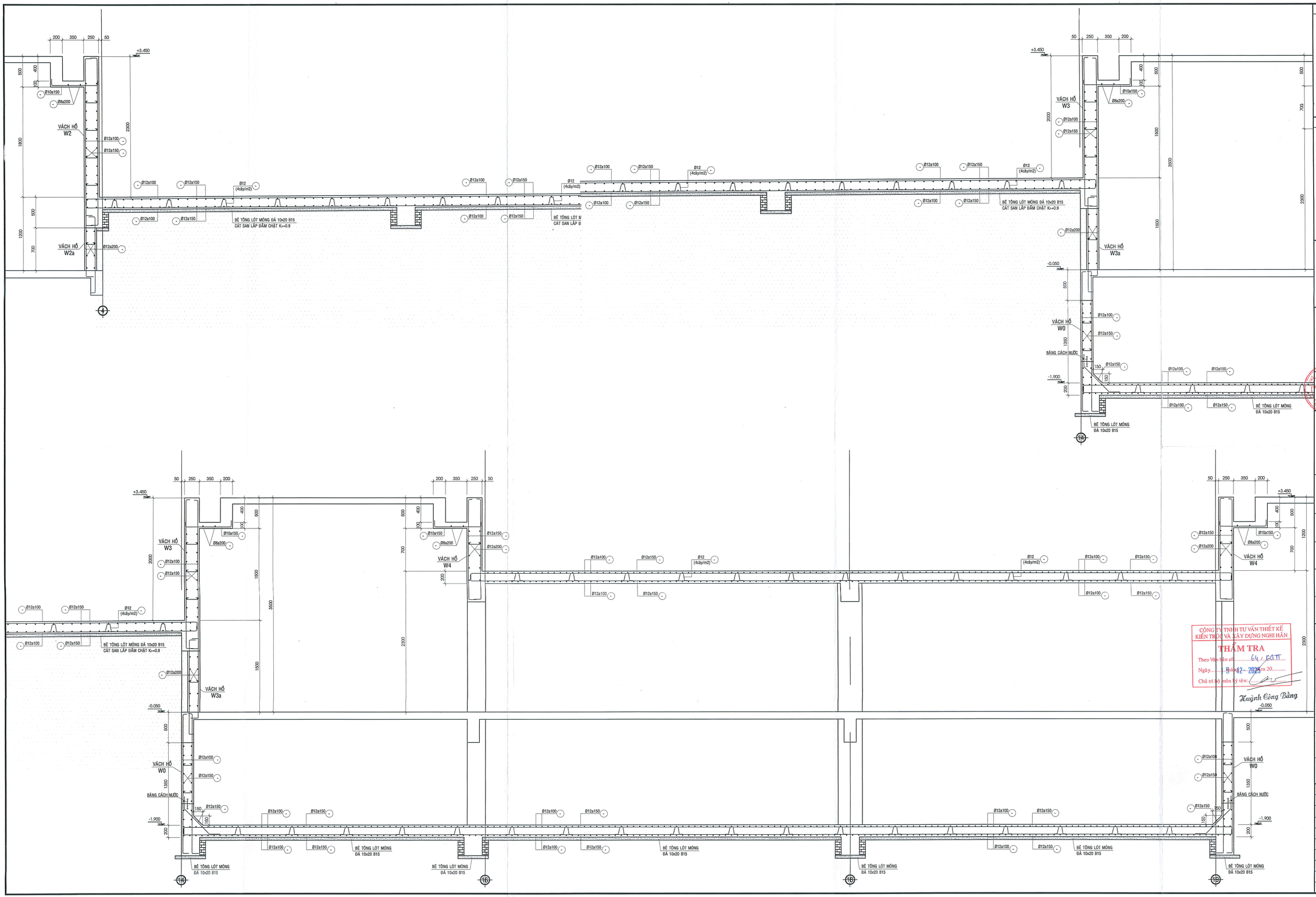
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG THÉP SÀN TẦNG MÁI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨ HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ JC & TT
Ngày 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH: 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 14	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH, P.9, Q.PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / GCTT
Ngày 12 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: Huỳnh Công Bằng

HẠNG MỤC:

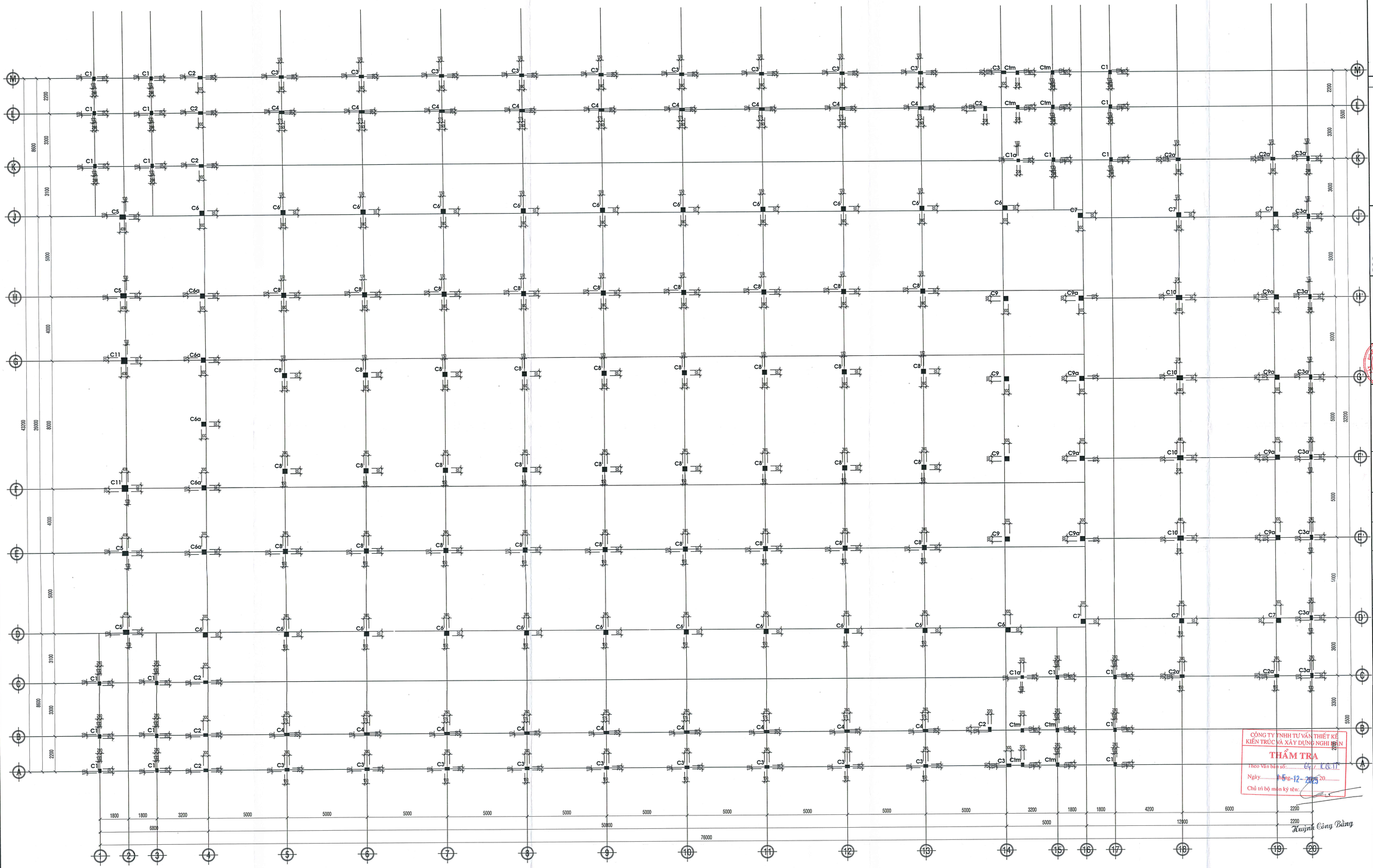
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐÁ ĐÁY HỒ

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 15	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD
GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM.
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

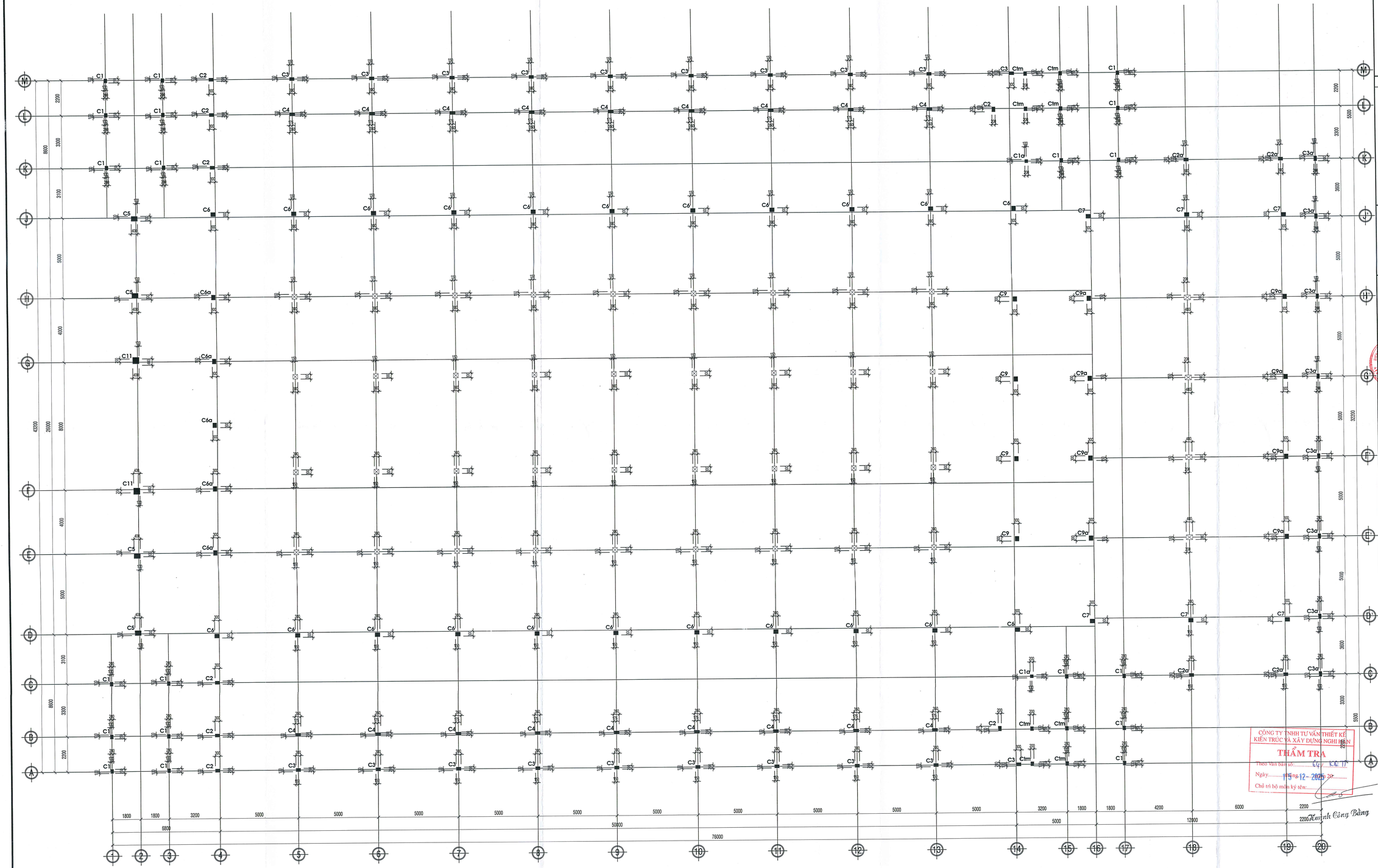
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CỘT MÓNG->TẦNG 1

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 16	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ LỰC
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04/ /CCT
Ngày 09 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Khương Công Bằng



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03/QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.5974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

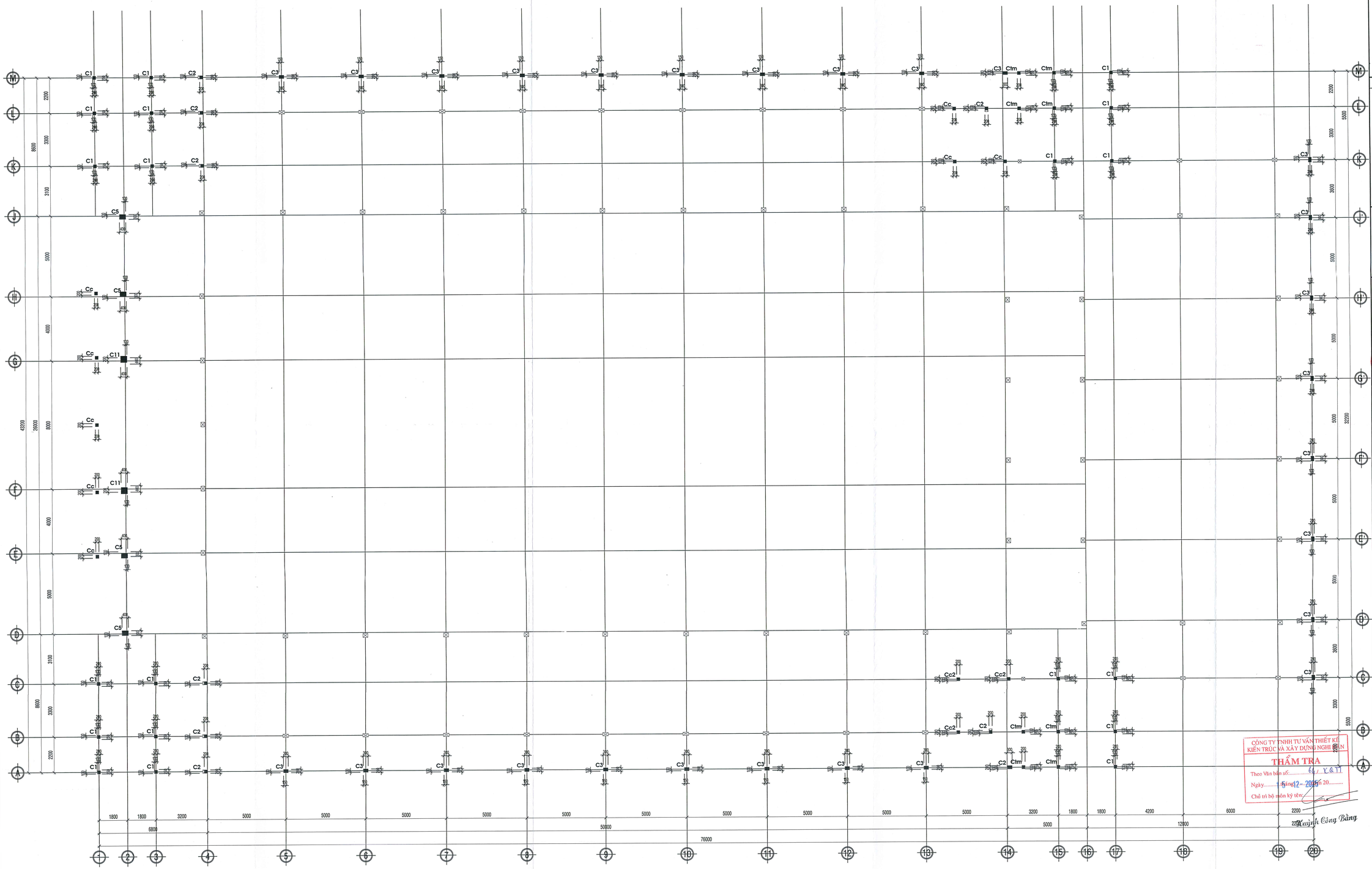
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CỘT
TẦNG 1 -> +1.200,+1.500,+2.300

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 17	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ LỰC
THẨM TRA
Theo văn bản số: CV/ KC 17
Ngày 19 Tháng 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên: Huỳnh Công Bằng



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM
VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 524/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

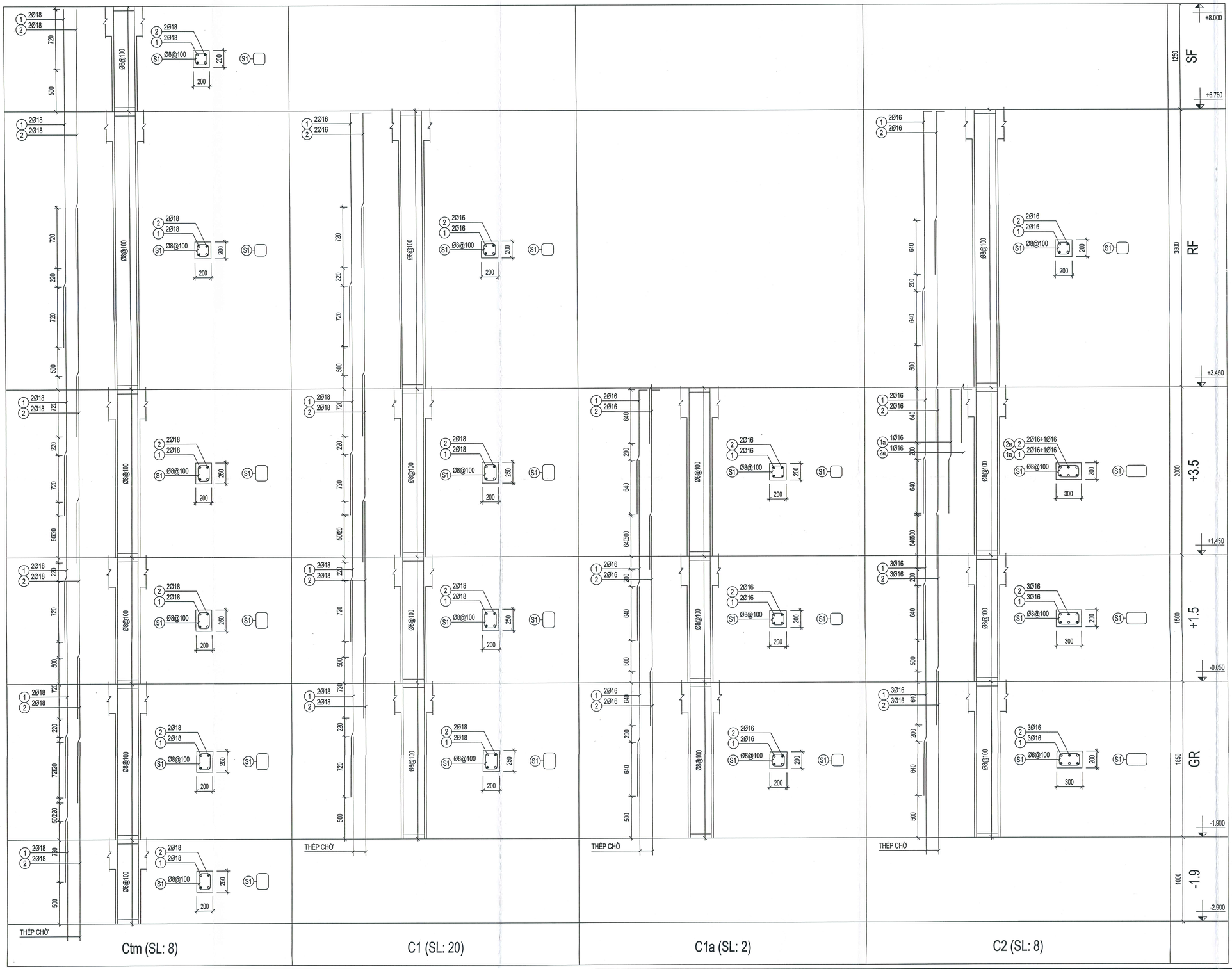
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CỘT MÓNG->TẦNG 1

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 18	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI SƠN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 60 / XDTT
Ngày 12 tháng 2 năm 2026
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T.H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

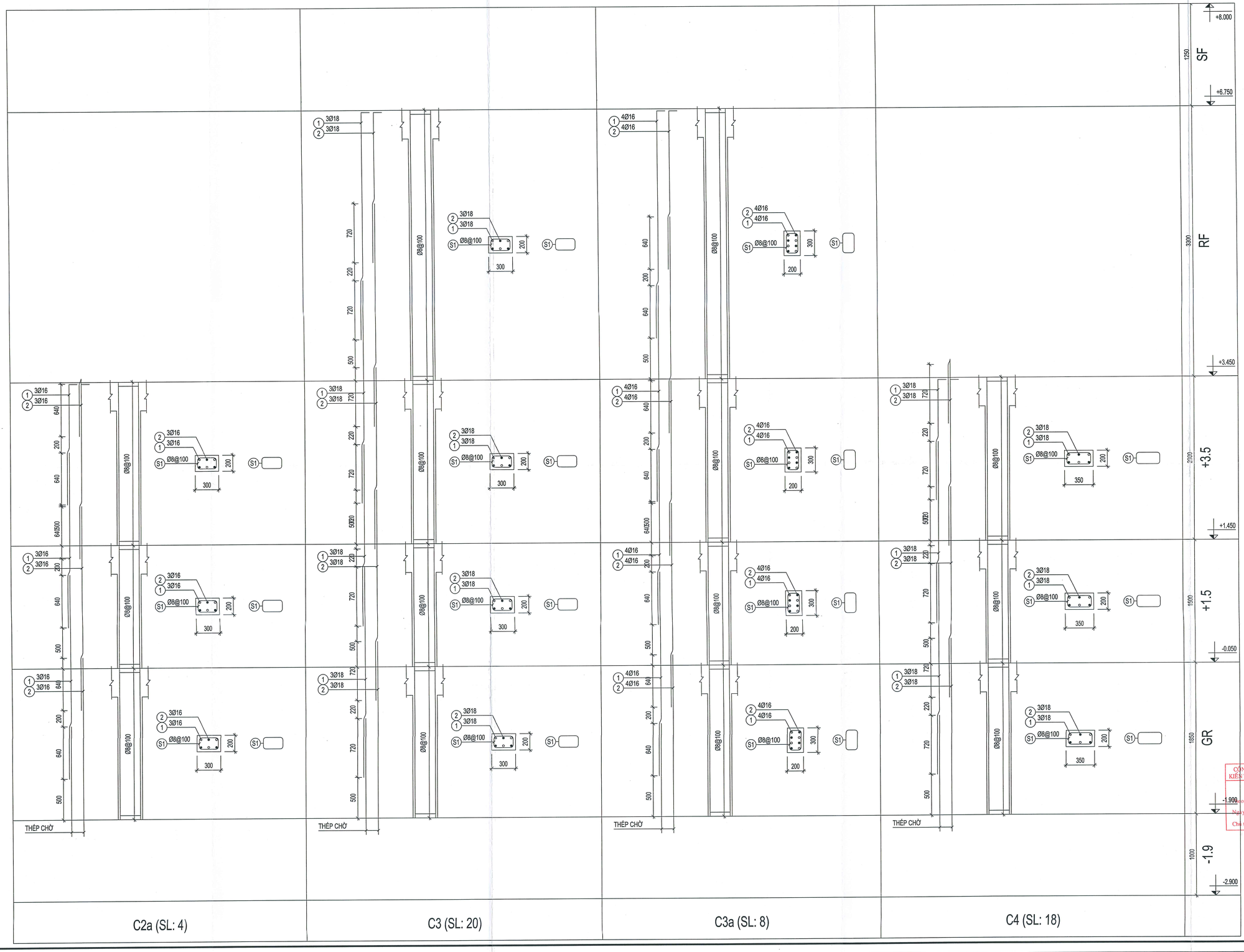
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 /...KC-TT
Ngày 1 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỘT (01/06)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 19	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 05 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 22 Tháng 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

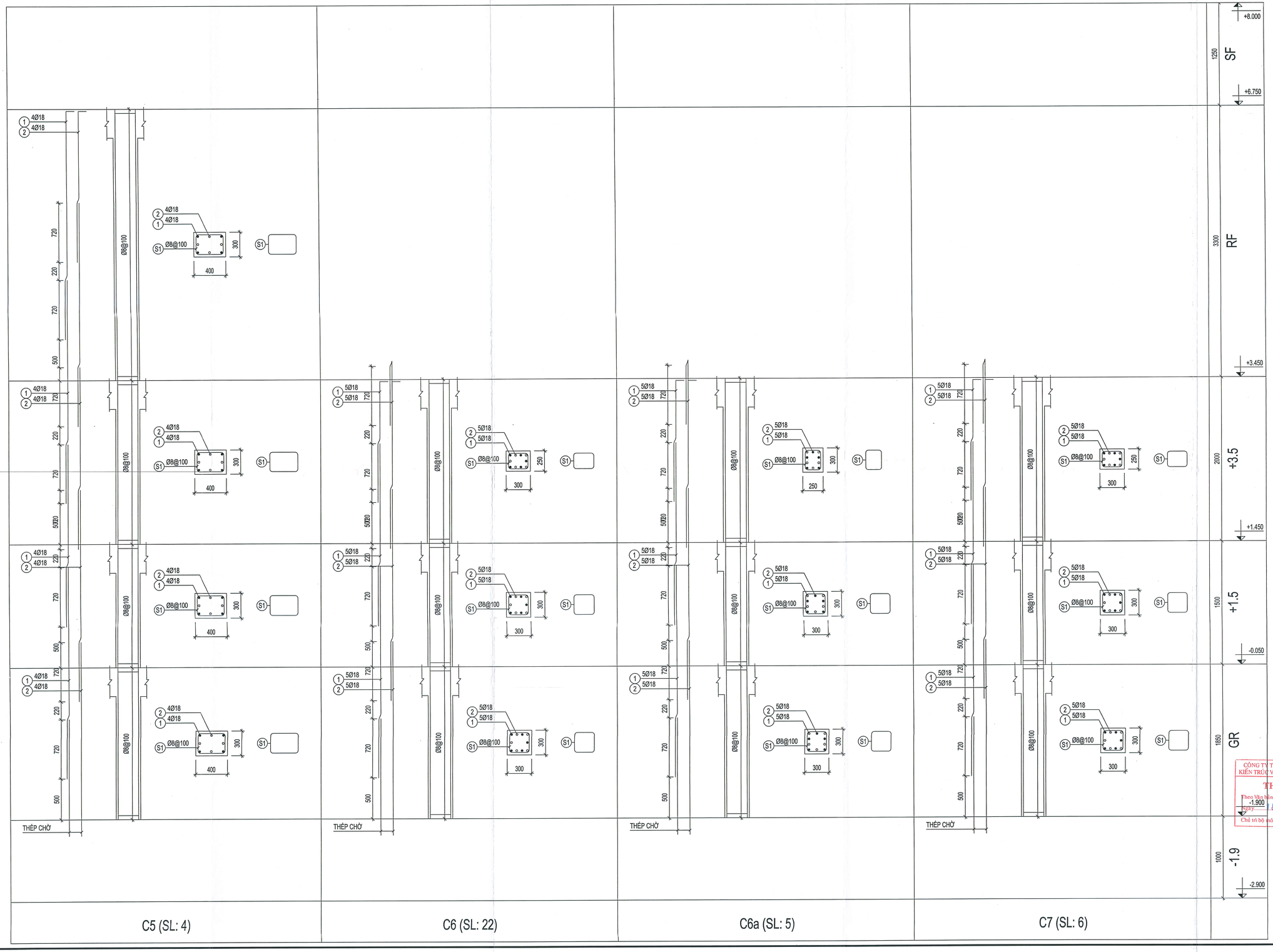
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỘT (02/06)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 20	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÂN
THẨM TRA
Công văn bản số: 64/ KCTT
Ngày 15 tháng 12 - 2025 Năm 20
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03/QĐ-HĐLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

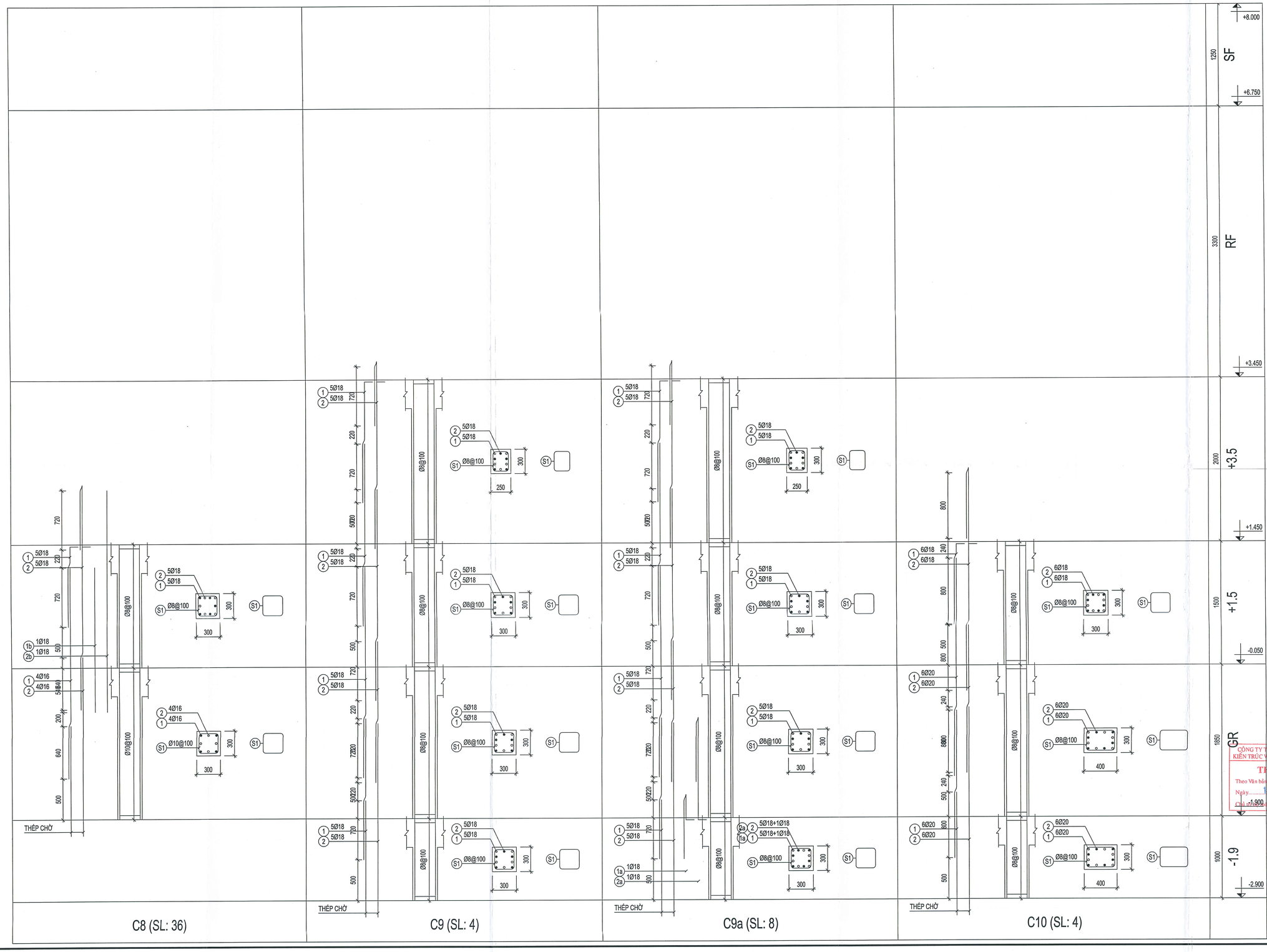
CHI TIẾT CỘT (03/06)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẦN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/... K.S.T.T
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 21	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03/QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.5974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

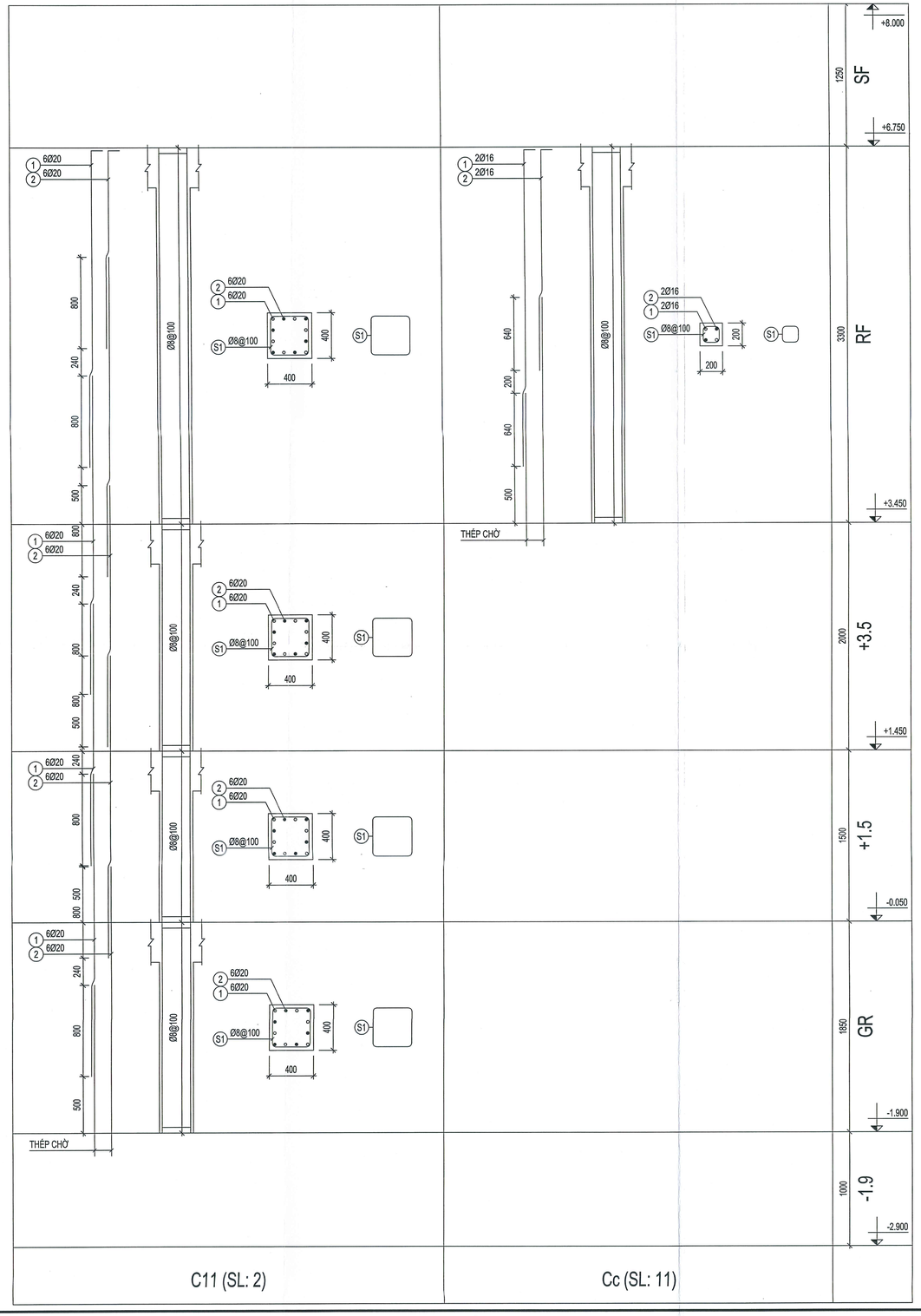
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỘT (04/06)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04/ KCT
Ngày 12 tháng 12 năm 2025
Chủ trì thẩm tra ký tên:
Huỳnh Công Bằng

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC – 22	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM
VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỘT (05/06)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 23	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ
KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / KC TT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
C1m (-1.9) (SL-9)	1	1720	18	1720	2	16	27.52	54.97
	2	1720	18	1720	2	16	27.52	54.97
	S1	200 150 80	8	860	10	80	68.8	27.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 27.1 Ø ≤ 18 : 109.9 Ø > 18 : 0							
C1m (GR) (SL-9)	1	2570	18	2570	2	16	41.12	82.14
	2	2570	18	2570	2	16	41.12	82.14
	S1	200 150 80	8	860	19	152	130.72	51.59
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 51.6 Ø ≤ 18 : 164.3 Ø > 18 : 0							
C1m (+1.5) (SL-9)	1	2220	18	2220	2	16	35.52	70.95
	2	2220	18	2220	2	16	35.52	70.95
	S1	200 150 80	8	860	15	120	103.2	40.72
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 40.7 Ø ≤ 18 : 141.9 Ø > 18 : 0							
C1m (+3.5) (SL-9)	1	2720	18	2720	2	16	43.52	86.93
	2	2720	18	2720	2	16	43.52	86.93
	S1	200 150 80	8	860	20	160	137.6	54.29
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 54.3 Ø ≤ 18 : 173.9 Ø > 18 : 0							
C1m (RF) (SL-9)	1	4020	18	4020	2	16	64.32	128.48
	2	4020	18	4020	2	16	64.32	128.48
	S1	150 150 80	8	760	33	264	200.64	79.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 79.2 Ø ≤ 18 : 257 Ø > 18 : 0							
C1m (SF) (SL-9)	1	150 725	18	875	2	16	14	27.97
	2	150 -215	18	-65	2	16	-1.04	-2.08
	S1	150 150 80	8	760	13	104	79.04	31.19
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 31.2 Ø ≤ 18 : 25.9 Ø > 18 : 0							
C1 (GR) (SL-29)	1	2570	18	2570	2	40	102.8	205.35
	2	2570	18	2570	2	40	102.8	205.35
	S1	200 150 80	8	860	19	380	326.8	128.95
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 129 Ø ≤ 18 : 410.7 Ø > 18 : 0							
C1 (+1.5) (SL-29)	1	2220	18	2220	2	40	88.8	177.39
	2	2220	18	2220	2	40	88.8	177.39
	S1	200 150 80	8	860	15	300	258	101.80
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 101.8 Ø ≤ 18 : 354.8 Ø > 18 : 0							
C1 (+3.5) (SL-29)	1	2720	18	2720	2	40	108.8	217.34
	2	2720	18	2720	2	40	108.8	217.34
	S1	200 150 80	8	860	20	400	344	135.74
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 135.7 Ø ≤ 18 : 434.7 Ø > 18 : 0							
C1 (RF) (SL-29)	1	150 2775	16	2925	2	40	117	184.67
	2	150 1935	16	2085	2	40	83.4	131.63
	S1	150 150 80	8	760	33	660	501.6	197.92
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 197.9 Ø ≤ 18 : 316.3 Ø > 18 : 0							
C1a (GR) (SL-2)	1	2490	16	2490	2	4	9.96	15.72
	2	2490	16	2490	2	4	9.96	15.72
	S1	150 150 80	8	760	19	38	28.88	11.40
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 11.4 Ø ≤ 18 : 31.4 Ø > 18 : 0							
C1a (+1.5) (SL-2)	1	2140	16	2140	2	4	8.56	13.51
	2	2140	16	2140	2	4	8.56	13.51
	S1	150 150 80	8	760	15	30	22.8	9.00
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 9 Ø ≤ 18 : 27 Ø > 18 : 0							
C1a (+3.5) (SL-2)	1	150 1475	16	1625	2	4	6.5	10.26
	2	150 635	16	785	2	4	3.14	4.96
	S1	150 150 80	8	760	20	40	30.4	12.00
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 12 Ø ≤ 18 : 15.2 Ø > 18 : 0							
C2 (GR) (SL-8)	1	2490	16	2490	3	24	59.76	94.32
	2	2490	16	2490	3	24	59.76	94.32
	S1	150 250 80	8	960	19	152	145.92	57.58
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 57.6 Ø ≤ 18 : 188.6 Ø > 18 : 0							
C2 (+1.5) (SL-8)	1	2140	16	2140	3	24	51.36	81.06
	2	2140	16	2140	3	24	51.36	81.06
	S1	150 250 80	8	960	15	120	115.2	45.46
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 45.5 Ø ≤ 18 : 162.1 Ø > 18 : 0							
C2 (+3.5) (SL-8)	1	2640	16	2640	2	16	42.24	66.67
	2	2640	16	2640	2	16	42.24	66.67
	1a	150 1470	16	1620	1	8	12.96	20.46
	2a	150 630	16	780	1	8	6.24	9.85
	S1	150 250 80	8	960	20	160	153.6	60.81
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 60.6 Ø ≤ 18 : 163.6 Ø > 18 : 0							
C2 (RF) (SL-8)	1	150 2775	16	2925	2	16	46.8	73.87
	2	150 1935	16	2085	2	16	33.36	52.65
	S1	150 150 80	8	760	33	264	200.64	79.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 79.2 Ø ≤ 18 : 126.5 Ø > 18 : 0							
C2a (GR) (SL-4)	1	2490	16	2490	3	12	29.88	47.16
	2	2490	16	2490	3	12	29.88	47.16
	S1	150 250 80	8	960	19	76	72.96	28.79
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 28.8 Ø ≤ 18 : 94.3 Ø > 18 : 0							

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
C2a (+1.5) (SL-4)	1	2140	16	2140	3	12	25.68	40.53
	2	2140	16	2140	3	12	25.68	40.53
	S1	150 250 80	8	960	15	60	57.6	22.73
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 22.7 Ø ≤ 18 : 81.1 Ø > 18 : 0							
C2a (+3.5) (SL-4)	1	150 1475	16	1625	3	12	19.5	30.78
	2	150 635	16	785	3	12	9.42	14.87
	S1	150 250 80	8	960	20	80	76.8	30.30
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 30.3 Ø ≤ 18 : 45.6 Ø > 18 : 0							
C3 (GR) (SL-26)	1	2570	18	2570	3	60	154.2	308.03
	2	2570	18	2570	3	60	154.2	308.03
	S1	150 250 80	8	960	19	380	364.8	143.94
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 143.9 Ø ≤ 18 : 616.1 Ø > 18 : 0							
C3 (+1.5) (SL-26)	1	2220	18	2220	3	60	133.2	266.08
	2	2220	18	2220	3	60	133.2	266.08
	S1	150 250 80	8	960	15	300	288	113.64
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 113.6 Ø ≤ 18 : 532.2 Ø > 18 : 0							
C3 (+3.5) (SL-26)	1	2720	18	2720	3	60	163.2	326.01
	2	2720	18	2720	3	60	163.2	326.01
	S1	150 250 80	8	960	20	400	384	151.52
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 151.5 Ø ≤ 18 : 652 Ø > 18 : 0							
C3 (RF) (SL-26)	1	150 2775	18	2925	3	60	175.5	350.58
	2	150 1835	18	1985	3	60	119.1	237.91
	S1	150 250 80	8	960	33	660	633.6	250.01
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 250 Ø ≤ 18 : 588.5 Ø > 18 : 0							
C3a (GR) (SL-8)	1	2490	16	2490	4	32	79.68	125.76
	2	2490	16	2490	4	32	79.68	125.76
	S1	250 150 80	8	960	19	152	145.92	57.58
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 57.6 Ø ≤ 18 : 251.5 Ø > 18 : 0							
C3a (+1.5) (SL-8)	1	2140	16	2140	4	32	68.48	108.08
	2	2140	16	2140	4	32	68.48	108.08
	S1	250 150 80	8	960	15	120	115.2	45.46
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 45.5 Ø ≤ 18 : 216.2 Ø > 18 : 0							
C3a (+3.5) (SL-8)	1	2640	16	2640	4	32	84.48	133.34
	2	2640	16	2640	4	32	84.48	133.34
	S1	250 150 80	8	960	20	160	153.6	60.61
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 60.6 Ø ≤ 18 : 266.7 Ø > 18 : 0							
C3a (RF) (SL-8)	1	150 2775	16	2925	4	32	93.6	147.73
	2	150 1935	16	2085	4	32	66.72	105.31
	S1	250 150 80	8	960	33	264	253.44	100.00
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 100 Ø ≤ 18 : 253 Ø > 18 : 0							
C4 (GR) (SL-18)	1	2570	18	2570	3	54	138.78	277.22
	2	2570	18	2570	3	54	138.78	277.22
	S1	150 300 80	8	1060	19	342	362.52	143.04
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 143 Ø ≤ 18 : 554.4 Ø > 18 : 0							
C4 (+1.5) (SL-18)	1	2220	18	2220	3	54	119.88	239.47
	2	2220	18	2220	3	54	119.88	239.47
	S1	150 300 80	8	1060	15	270	286.2	112.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 112.9 Ø ≤ 18 : 478.9 Ø > 18 : 0							
C4 (+3.5) (SL-18)	1	150 1475	18	1625	3	54	87.75	175.29
	2	150 535	18	685	3	54	36.99	73.89
	S1	150 300 80	8	1060	20	360	381.6	150.57
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 150.6 Ø ≤ 18 : 249.2 Ø > 18 : 0							
C5 (GR) (SL-4)	1	2570	18	2570	4	16	41.12	82.14
	2	2570	18	2570	4	16	41.12	82.14
	S1	250 350 80	8	1360	19	76	103.36	40.78
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 40.8 Ø ≤ 18 : 164.3 Ø > 18 : 0							
C5 (+1.5) (SL-4)	1	2220	18	2220	4	16	35.52	70.95
	2	2220	18	2220	4	16	35.52	70.95
	S1	250 350 80	8	1360	15	60	81.6	32.20
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 32.2 Ø ≤ 18 : 141.9 Ø > 18 : 0							
C5 (+3.5) (SL-4)	1	2720	18	2720	4	16	43.52	86.93
	2	2720	18	2720	4	16	43.52	86.93
	S1	250 350 80	8	1360	20	80	108.8	42.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 42.9 Ø ≤ 18 : 173.9 Ø > 18 : 0							
C5 (RF) (SL-4)	1	150 2775	18	2925	4	16	46.8	93.49
	2	150 1935	18	1985	4	16	31.76	63.44
	S1	250 350 80	8	1360	33	132	179.52	70.84
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 70.8 Ø ≤ 18 : 158.9 Ø > 18 : 0							
C6 (GR) (SL-22)	1	2570	18	2570	5	110	282.7	564.72
	2	2570	18	2570	5	110	282.7	564.72
	S1	250 250 80	8	1160	19	418	484.88	191.33
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 191.3 Ø ≤ 18 : 1129.4 Ø > 18 : 0							

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
C6 (+1.5) (SL-22)	1	2220	18	2220	5	110	244.2	487.81
	2	2220	18	2220	5	110	244.2	487.81
	S1	250 250 80	8	1160	15	330	382.8	151.05
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 151 Ø ≤ 18 : 975.6 Ø > 18 : 0							
C6 (+3.5) (SL-22)	1	150 1475	18	1625	5	110	178.75	357.07
	2	150 535	18	685	5	110	75.35	150.52
	S1	200 250 80	8	1060	20	440	468.4	184.03
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 184 Ø ≤ 18 : 507.6 Ø > 18 : 0							
C6a (GR) (SL-9)	1	2570	18	2570	5	25	64.25	128.34
	2	2570	18	2570	5	25	64.25	128.34
	S1	250 250 80	8	1160	19	95	110.2	43.48
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 43.5 Ø ≤ 18 : 256.7 Ø > 18 : 0							
C6a (+1.5) (SL-9)	1	2220	18	2220	5	25	55.5	110.87
	2	2220	18	2220	5	25	55.5	110.87
	S1	250 250 80	8	1160	15	75	87	34.33
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 34.3 Ø ≤ 18 : 221.7 Ø > 18 : 0							
C6a (+3.5) (SL-9)	1	150 1475	18	1625	5	25	40.62	81.15
	2	150 535	18	685	5	25	17.12	34.21
	S1	250 200 80	8	1060	20	100	106	41.83
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 41.8 Ø ≤ 18 : 115.4 Ø > 18 : 0							
C7 (GR) (SL-6)	1	2570	18	2570	5	30	77.1	154.01
	2	2570	18	2570	5	30	77.1	154.01
	S1	250 250 80	8	1160	19	114	132.24	52.18
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 52.2 Ø ≤ 18 : 308 Ø > 18 : 0							
C7 (+1.5) (SL-6)	1	2220	18	2220	5	30	66.6	133.04
	2	2220	18	2220	5	30	66.6	133.04
	S1	250 250 80	8	1160	15	90	104.4	41.19
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 41.2 Ø ≤ 18 : 266.1 Ø > 18 : 0							
C7 (+3.5) (SL-6)	1	150 1475	18	1625	5	30	48.75	97.38
	2	150 535	18	685	5	30	20.55	41.05
	S1	200 250 80	8	1060	20	120	127.2	50.19
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 50.2 Ø ≤ 18 : 138.4 Ø > 18 : 0							
C8 (GR) (SL-36)	1	2490	16	2490	4	144	358.56	565.93
	2	2490	16	2490	4	144	358.56	565.93
	S1	250 250 100	10	1200	19	684	820.8	506.05
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 506.1 Ø ≤ 18 : 1131.9 Ø > 18 : 0							
C8 (+1.5) (SL-36)	1	150 975	18	1125	5	180	202.5	404.51
	2	150 35	18	185	5	180	33.3	66.52
	1b	1760	18	1760	1	36	63.36	126.57
	2b	2700	18	2700	1	36	97.2	194.16
	S1	250 250 80	8	1160	15	540	626.4	247.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 247.2 Ø ≤ 18 : 791.8 Ø > 18 : 0							
C9 (+1.9) (SL-4)	1	1720	18	1720	5	20	34.4	68.72
	2	1720	18	1720	5	20	34.4	68.72
	S1	250 250 80	8	1160	10	40	46.4	18.31
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 18.3 Ø ≤ 18 : 137.4 Ø > 18 : 0							
C9 (GR) (SL-4)	1	2570	18	2570	5	20	51.4	102.68
	2	2570	18	2570	5	20	51.4	102.68
	S1	250 250 80	8	1160	19	76	86.16	34.79
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 34.8 Ø ≤ 18 : 205.4 Ø > 18 : 0							
C9 (+1.5) (SL-4)	1	2220	18	2220	5	20	44.4	88.69
	2	2220	18	2220	5	20	44.4	88.69
	S1	250 250 80	8	1160	15	60	69.6	27.46
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 27.5 Ø ≤ 18 : 177.4 Ø > 18 : 0							
C9 (+3.5) (SL-4)	1	150 1475	18	1625	5	20	32.5	64.92
	2	150 535	18	685	5	20	13.7	27.37
	S1	250 200 80	8	1060	20	80	84.8	33.46
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 33.5 Ø ≤ 18 : 92.3 Ø > 18 : 0							
C9a (+1.9) (SL-8)	1	1720	18	1720	5	40	68.8	137.43
	2	1720	18	1720	5	40	68.8	137.43
	1a	150 470	18	620	1	8	4.96	9.91
	2a	150 -470	18	-320	1	8	-2.56	-5.11
	S1	250 250 80	8	1160	10	80	92.8	36.62
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 36.6 Ø ≤ 18 : 279.7 Ø > 18 : 0							
C9a (GR) (SL-8)	1	2570	18	2570	5	40	102.8	205.35
	2	2570	18	2570	5	40	102.8	205.35
	S1	250 250 80	8	1160	19	152	176.32	69.57
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 69.6 Ø ≤ 18 : 410.7 Ø > 18 : 0							
C9a (+1.5) (SL-8)	1	2220	18	2220	5	40	88.8	177.39
	2	2220	18	2220	5	40	88.8	177.39
	S1	250 250 80	8	1160	15	120	139.2	54.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 54.9 Ø ≤ 18 : 354.8 Ø > 18 : 0							

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
C9a (+3.5) (SL-8)	2	150 535	18	685	5	40	27.4	54.73
	S1	250 200 80	8	1060	20	160	169.6	66.92
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 66.9 Ø ≤ 18 : 184.6 Ø > 18 : 0							
C10 (-1.9) (SL-4)	1	1800	20	1800	6	24	43.2	106.54
	2	1800	20	1800	6	24	43.2	106.54
	S1	250 350 80	8	1360	10	40	54.4	21.47
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 21.5 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 213.1							
C10 (GR) (SL-4)	1	2650	20	2650	6	24	63.6	156.85
	2	2650	20	2650	6	24	63.6	156.85
	S1	250 350 80	8	1360	19	76	103.36	40.78
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 40.8 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 313.7							
C10 (+1.5) (SL-4)	1	150 975	18	1125	6	24	27	53.93
	2	150 35	18	185	6	24	4.44	8.87
	S1	250 250 80	8	1160	15	60	69.6	27.46
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 27.5 Ø ≤ 18 : 62.8 Ø > 18 : 0							
C11 (GR) (SL-2)	1	2650	20	2650	6	12	31.8	78.42
	2	2650	20	2650	6	12	31.8	78.42
	S1	350 350 80	8	1560	19	38	59.28	23.39
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 23.4 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 156.8							
C11 (+1.5) (SL-2)	1	2300	20	2300	6	12	27.6	68.07
	2	2300	20	2300	6	12	27.6	68.07
	S1	350 350 80	8	1560	15	30	46.8	18.47
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 18.5 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 136.1							
C11 (+3.5) (SL-2)	1	2800	20	2800	6	12	33.6	82.86
	2	2800	20	2800	6	12	33.6	82.86
	S1	350 350 80	8	1560	20	40	62.4	24.62
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 24.6 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 165.7							
C11 (RF) (SL-2)	1	150 2775	20	2925	6	12	35.1	86.56
	2	150 1735	20	1885	6	12	22.62	55.78
	S1	350 350 80	8	1560	33	66	102.96	40.63
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 40.6 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 142.3							
Cc (RF) (SL-11)	1	150 2775	16	2925	2	22	64.35	101.57
	2	150 1935	16	2085	2	22	45.87	72.40
	S1	150 150 80	8	760	33	363	275.88	108.86
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 108.9 Ø ≤ 18 : 174 Ø > 18 : 0							
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4912.2 Ø ≤ 18 : 16542.1 Ø > 18 : 1127.8							

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN DTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 01/QĐ-BQLKVBT

Ngày 16 Tháng 01 Năm 2026

Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO

QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC

QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỘT (06/06)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 24	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN

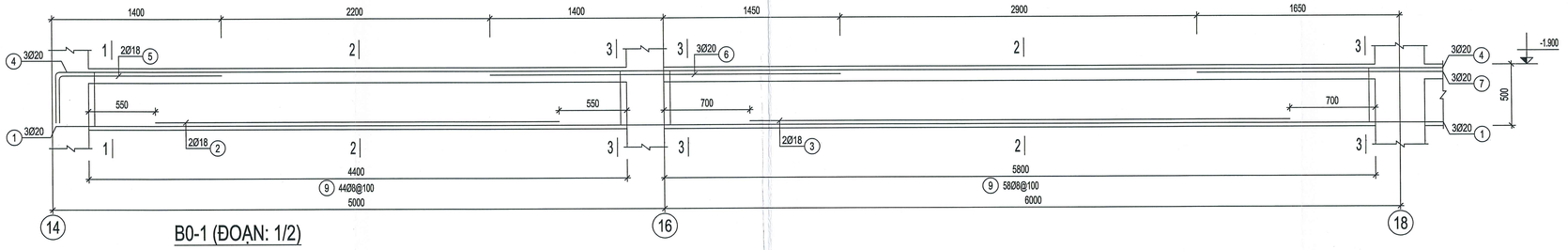
THẨM TRA

Theo Văn bản số: 64/ KC-TT

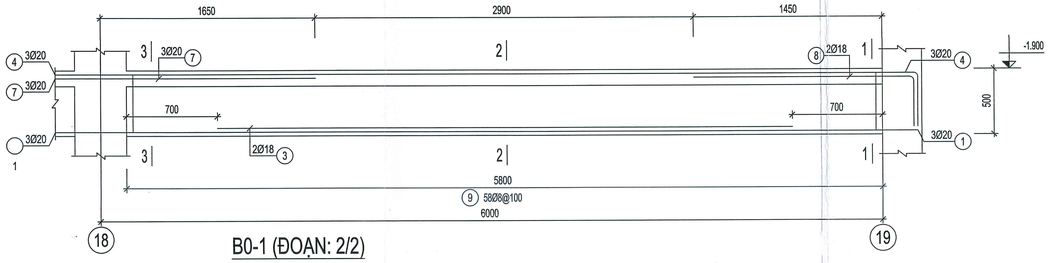
Ngày 15 tháng 12 - 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

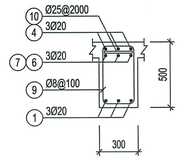
Huỳnh Công Bằng



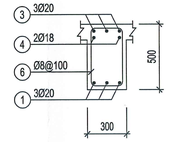
B0-1 (ĐOẠN: 1/2)



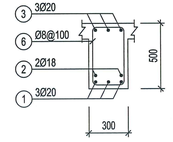
B0-1 (ĐOẠN: 2/2)



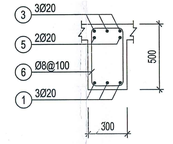
3-3



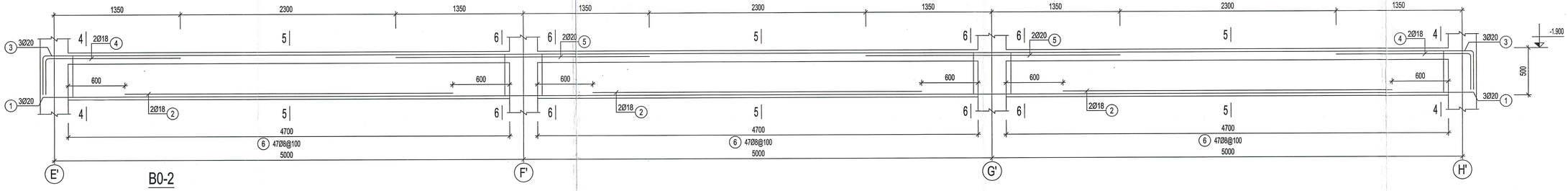
4-4



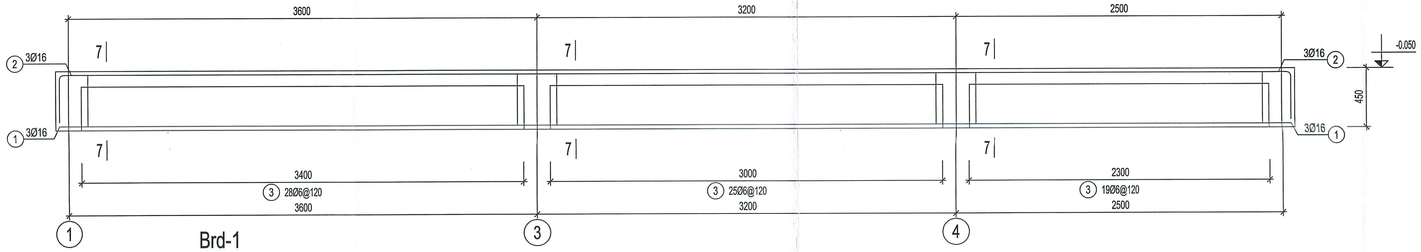
5-5



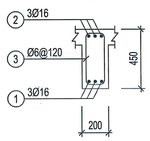
6-6



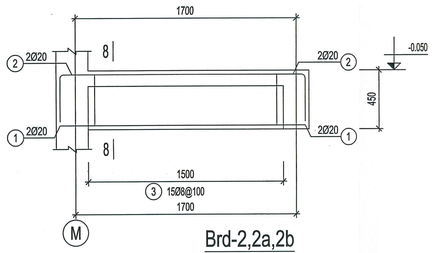
B0-2



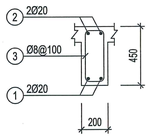
Brd-1



7-7



Brd-2,2a,2b



8-8

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨ HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 66/ K.C.T.T
Ngày 15 - 12 - 2025
Bộ phận bộ môn ký tên:

Kuijnk Công Trình

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN - TP. HCM)
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

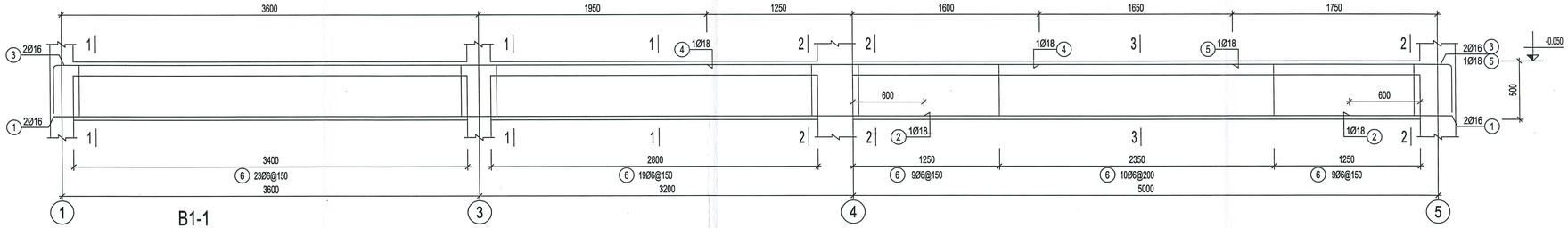
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

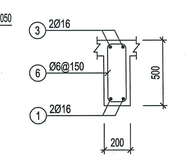
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (01/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 25	TỔNG SỐ: 57

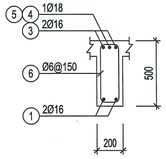
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



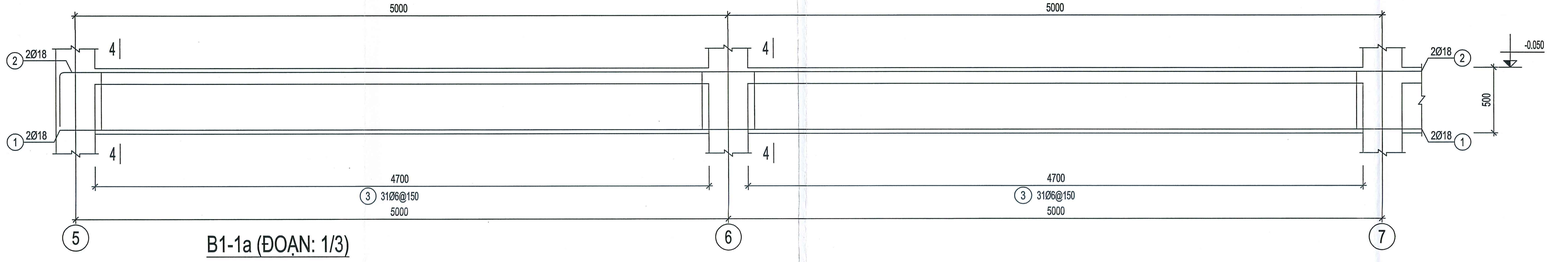
B1-1



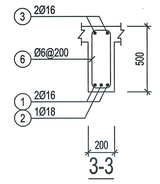
1-1



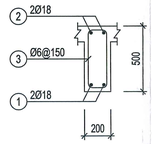
2-2



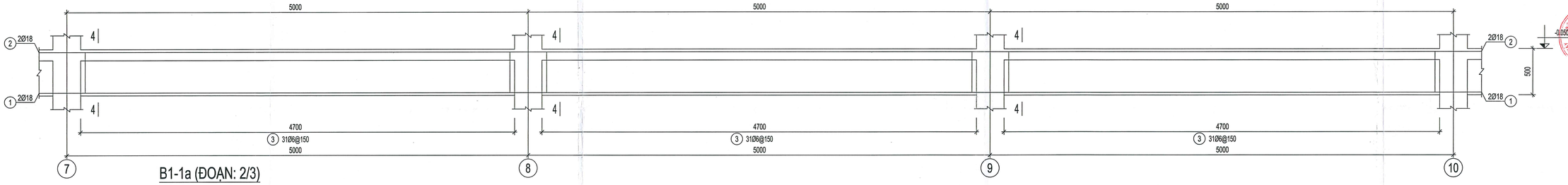
B1-1a (ĐOẠN: 1/3)



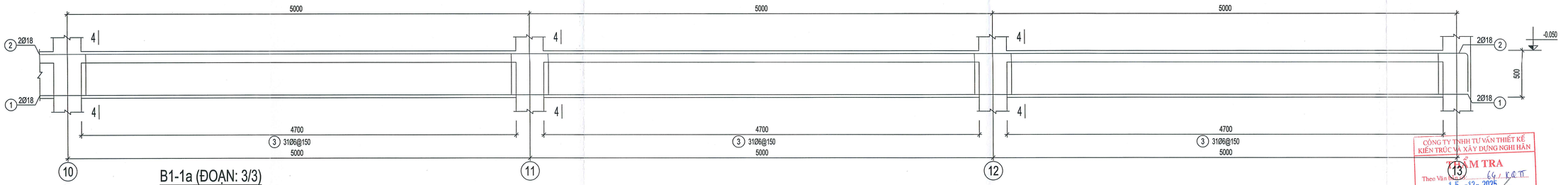
3-3



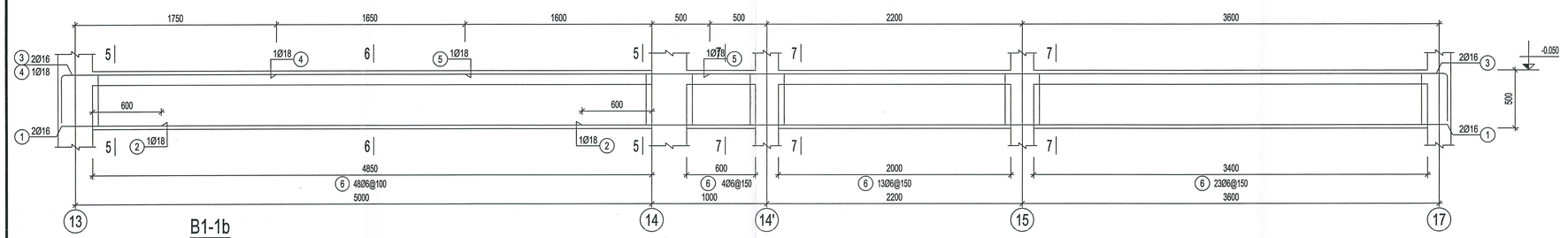
4-4



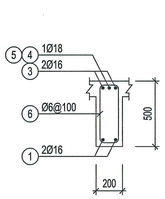
B1-1a (ĐOẠN: 2/3)



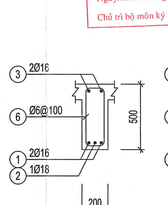
B1-1a (ĐOẠN: 3/3)



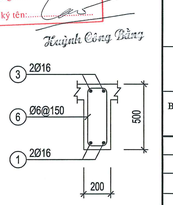
B1-1b



5-5



6-6



7-7

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 02 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD
GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

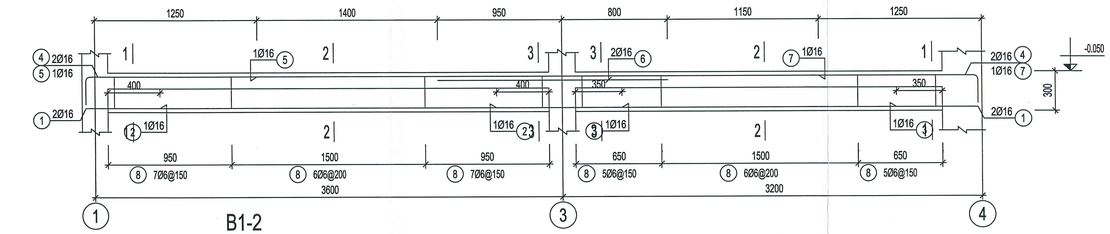
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT ĐÀ (02/20)

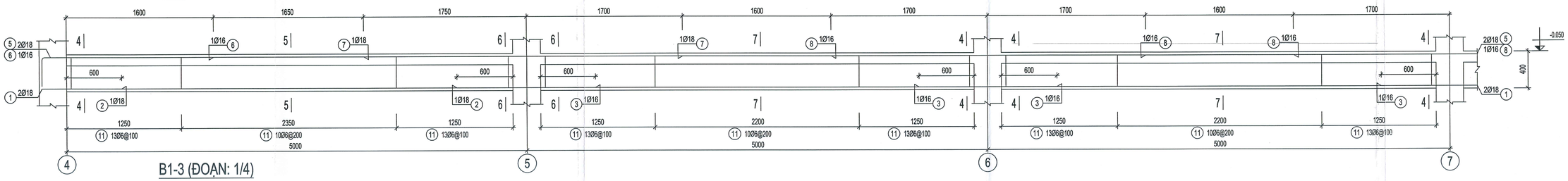
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 26	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

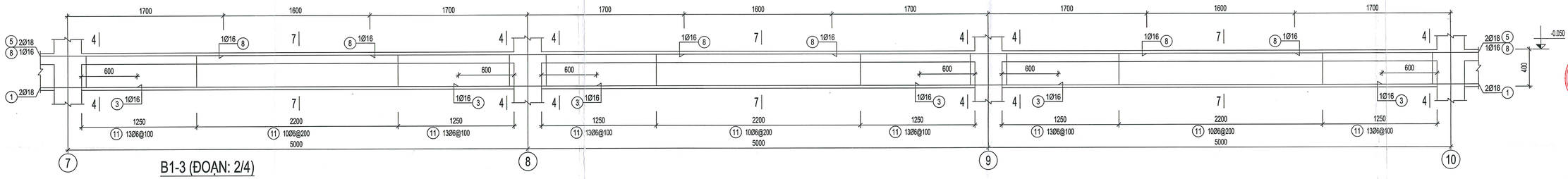
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÂN
KIỂM TRA
Theo Văn số: 66 / KCTT
Ngày 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng



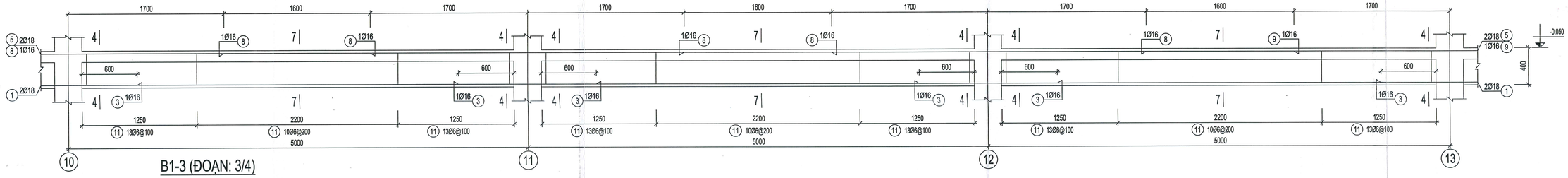
B1-2



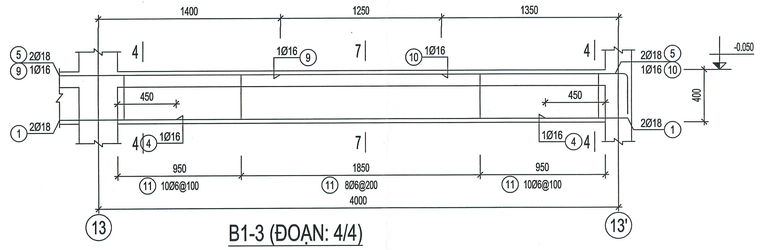
B1-3 (ĐOẠN: 1/4)



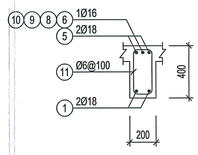
B1-3 (ĐOẠN: 2/4)



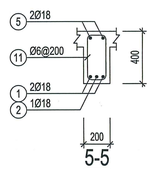
B1-3 (ĐOẠN: 3/4)



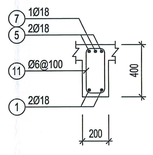
B1-3 (ĐOẠN: 4/4)



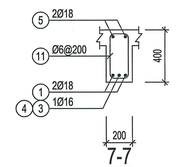
4-4



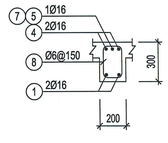
5-5



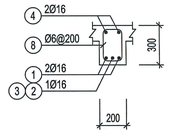
6-6



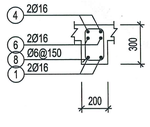
7-7



1-1



2-2



3-3

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ K.C.T.T
Ngày 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Đồng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN DTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: KÝ DUYỆT
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

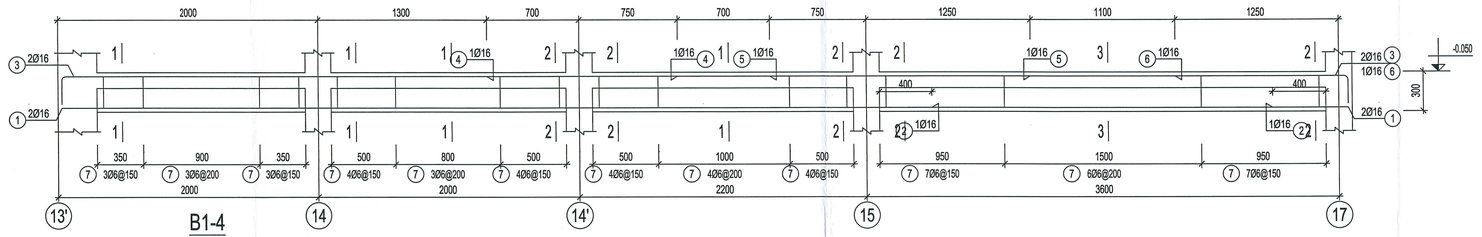
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

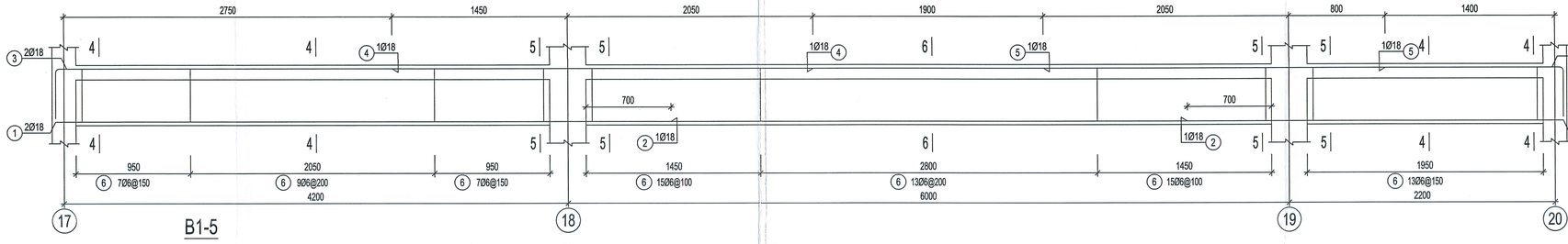
CHI TIẾT ĐÀ (03/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 27	TỔNG SỐ: 57

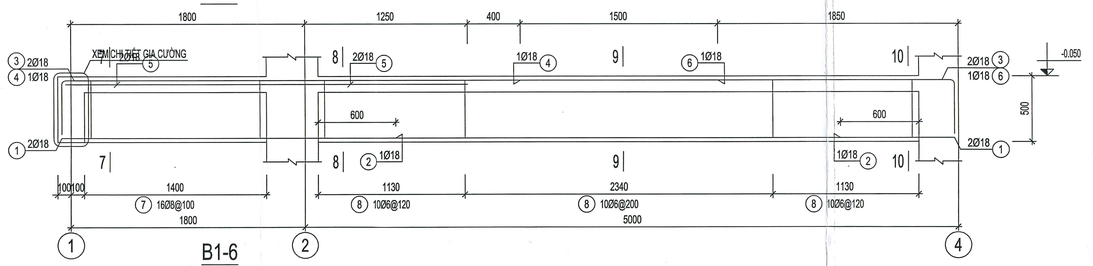
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



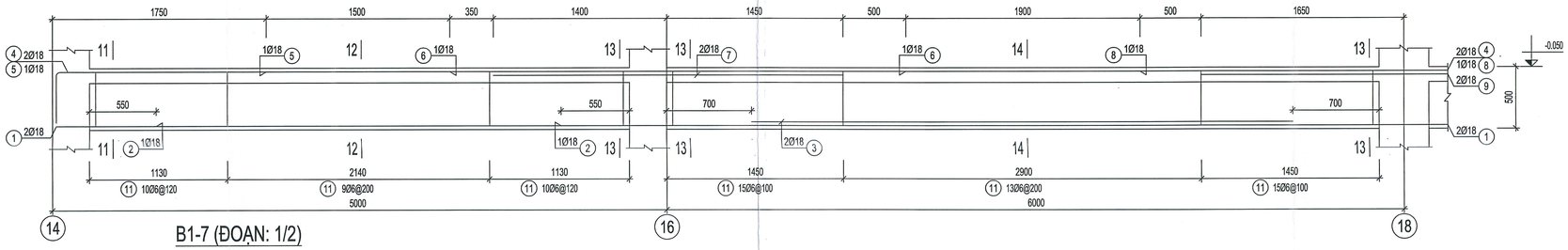
B1-4



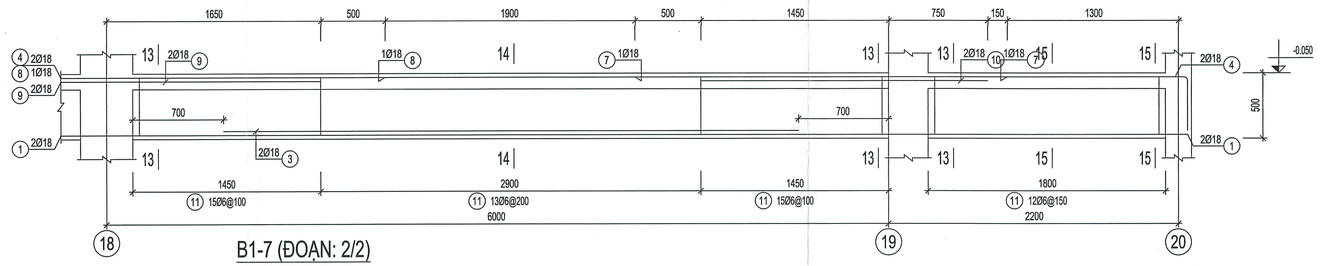
B1-5



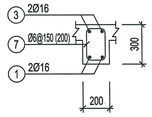
B1-6



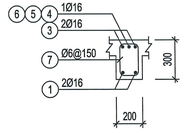
B1-7 (ĐOẠN: 1/2)



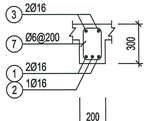
B1-7 (ĐOẠN: 2/2)



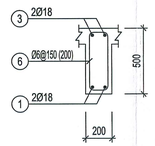
1-1



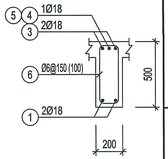
2-2



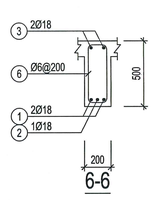
3-3



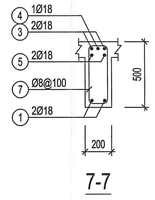
4-4



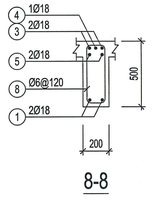
5-5



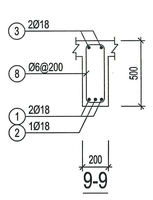
6-6



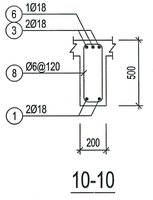
7-7



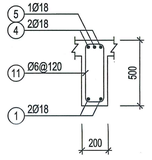
8-8



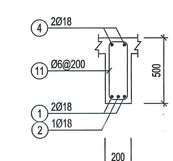
9-9



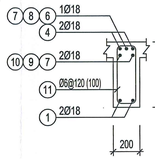
10-10



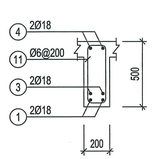
11-11



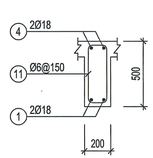
12-12



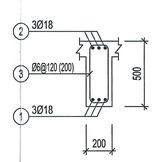
13-13



14-14



15-15



B1-7a

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01/QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20.26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.5974923
GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

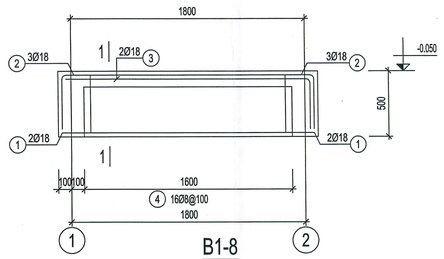
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẦN
THẨM TRA
Theo Văn bản số 64/ K.C.T.T
Ngày 15 -12- 2025 năm 20.....
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

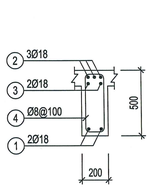
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

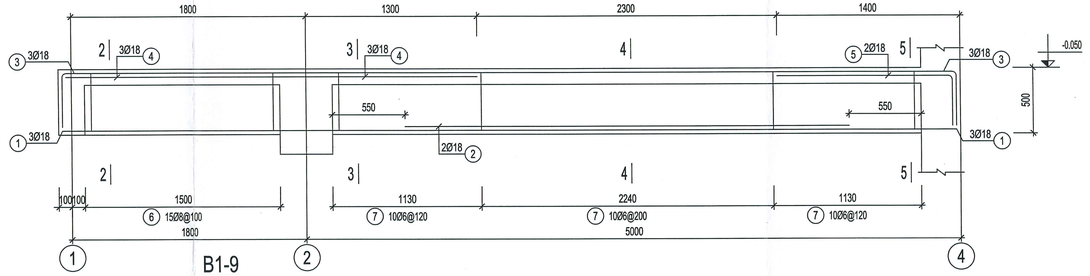
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (04/20)

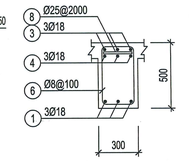
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 28	TỔNG SỐ: 57

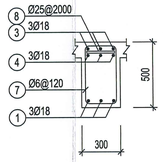
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

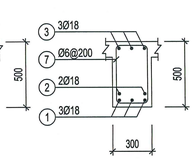


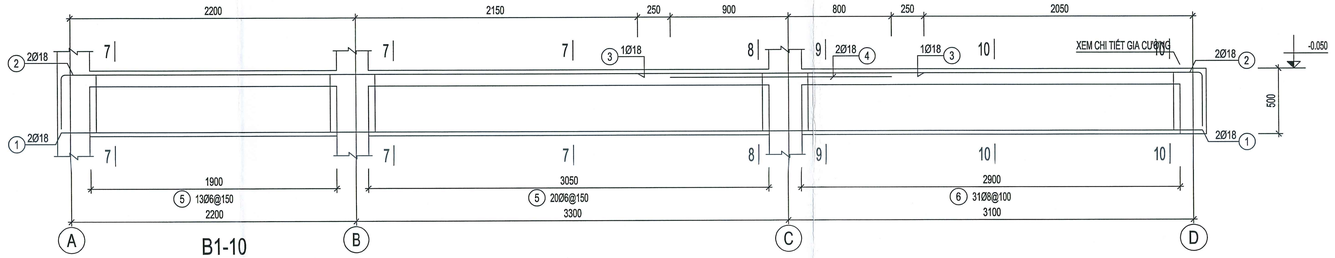


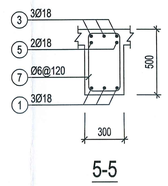


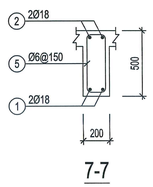


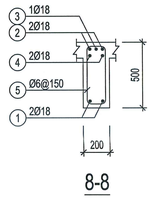


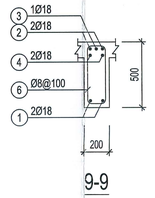


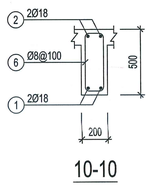


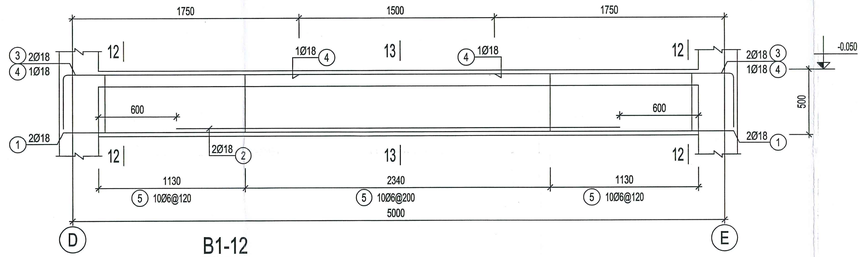


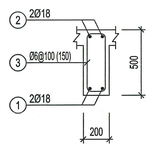


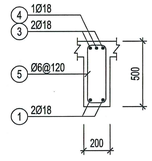


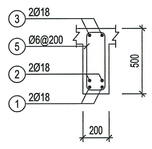


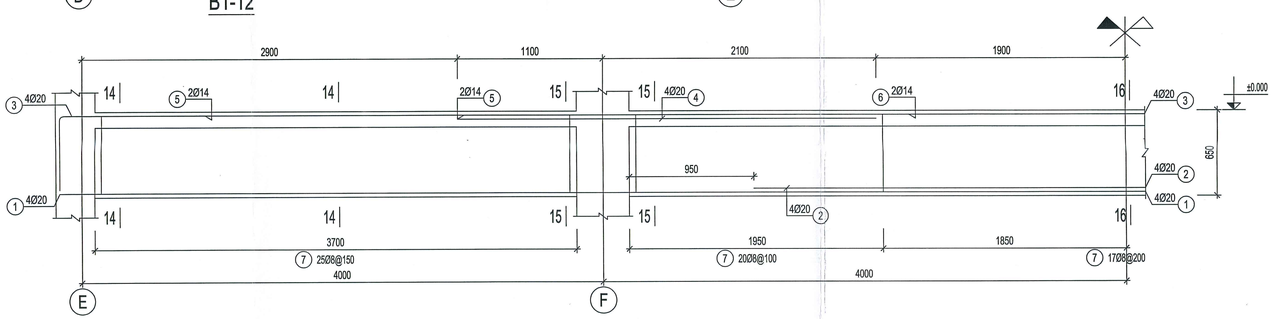


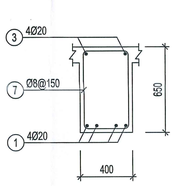


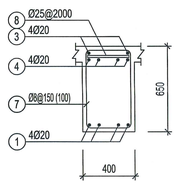


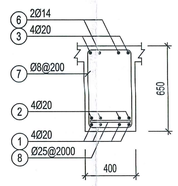


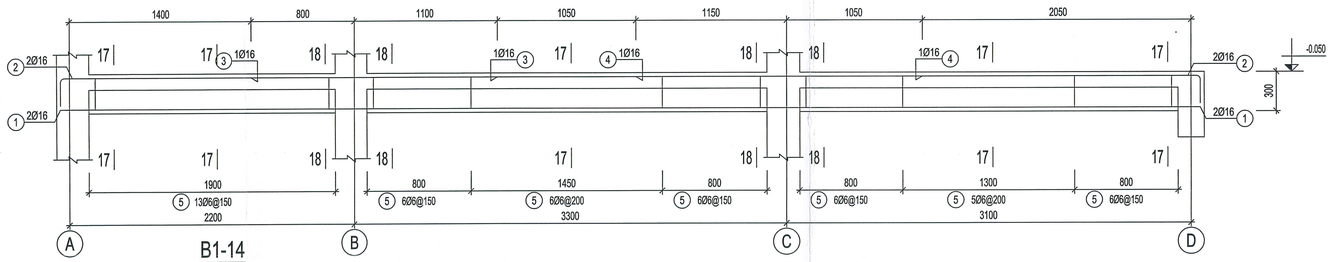


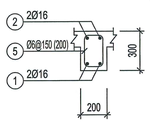


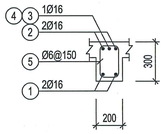












THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH, P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

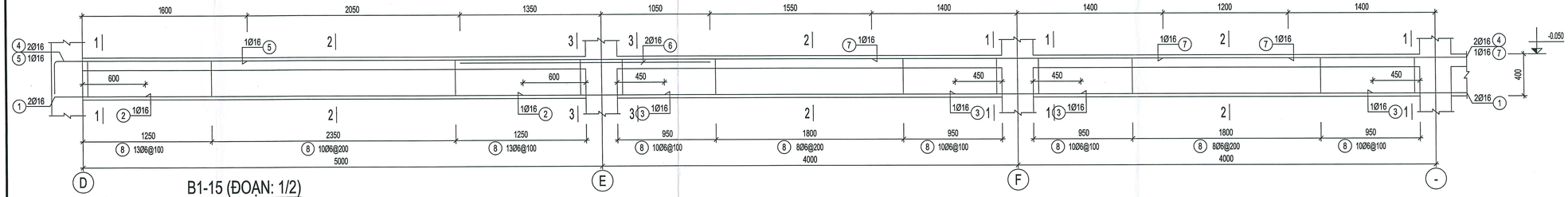
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (05/20)

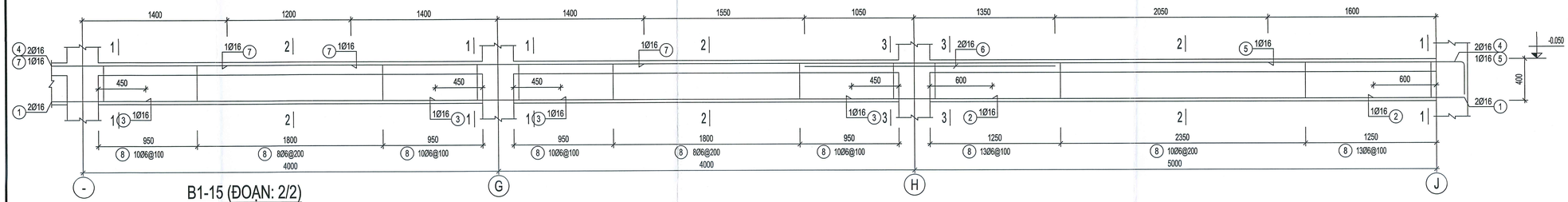
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 29	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

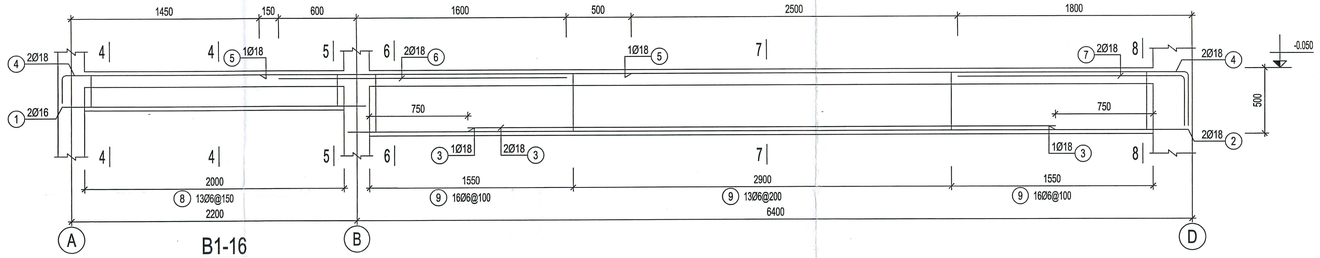
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 KCT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng



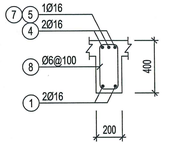
B1-15 (ĐOẠN: 1/2)



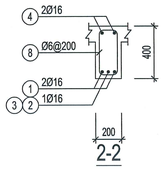
B1-15 (ĐOẠN: 2/2)



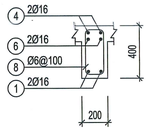
B1-16



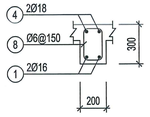
1-1



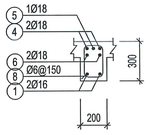
2-2



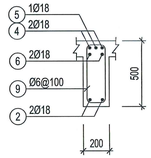
3-3



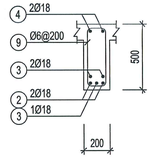
4-4



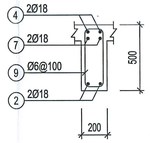
5-5



6-6



7-7



8-8

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 KCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - Q.PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

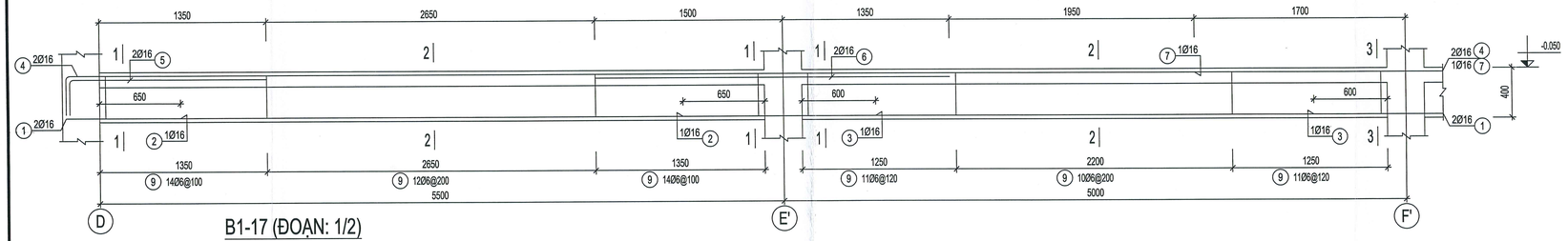
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

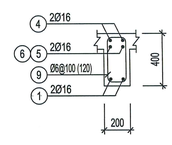
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (06/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 30	TỔNG SỐ: 57

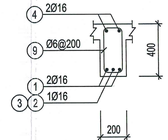
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



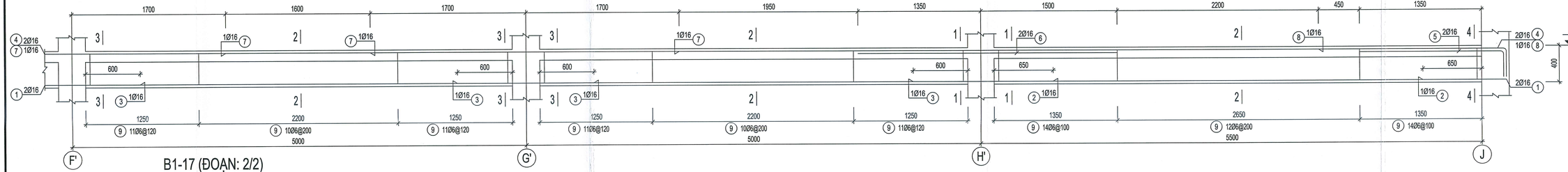
B1-17 (ĐOẠN: 1/2)



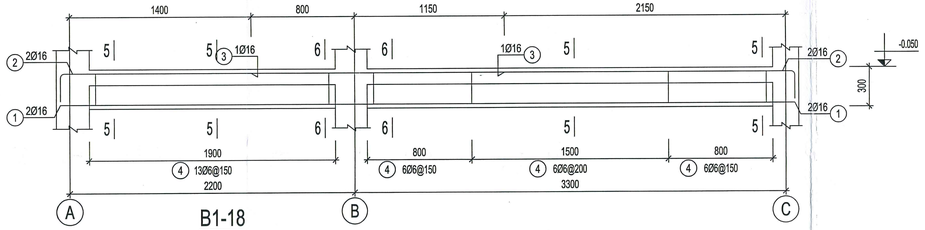
1-1



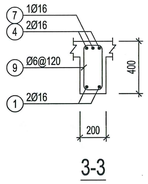
2-2



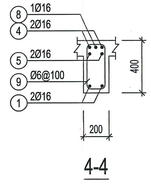
B1-17 (ĐOẠN: 2/2)



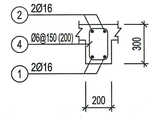
B1-18



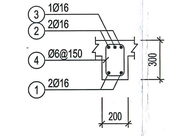
3-3



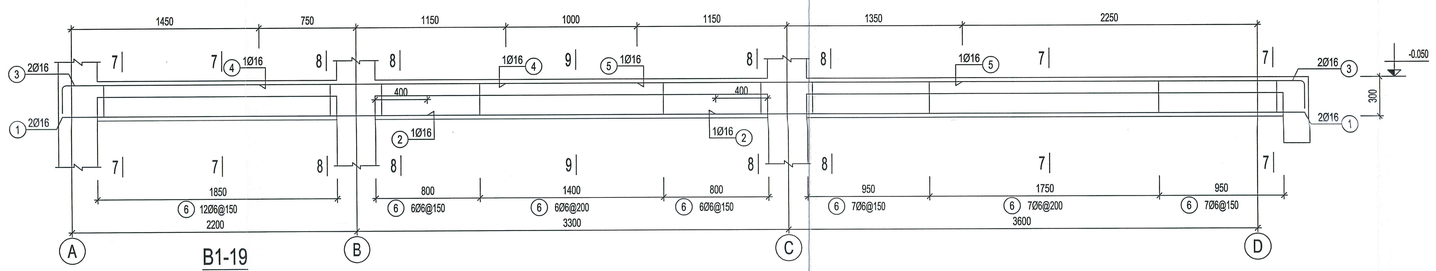
4-4



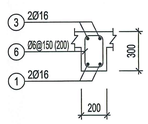
5-5



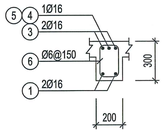
6-6



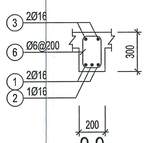
B1-19



7-7



8-8



9-9

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ KCTT
Ngày: 15-12-2025
Chủ trì bộ môn kiểm:

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20.26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - F.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

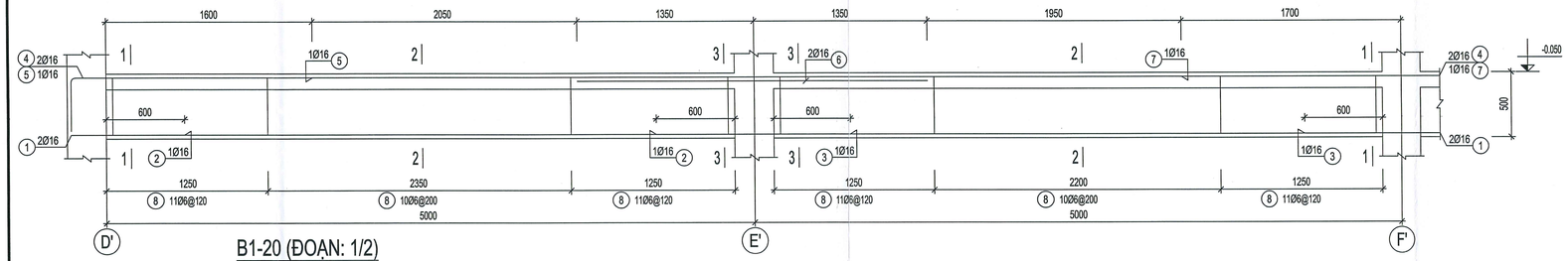
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

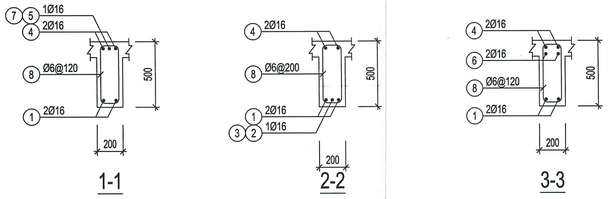
CHI TIẾT ĐÀ (07/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 31	TỔNG SỐ: 57

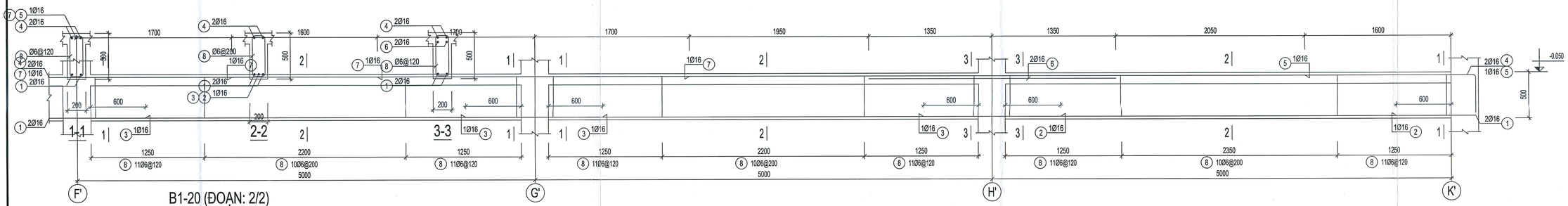
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



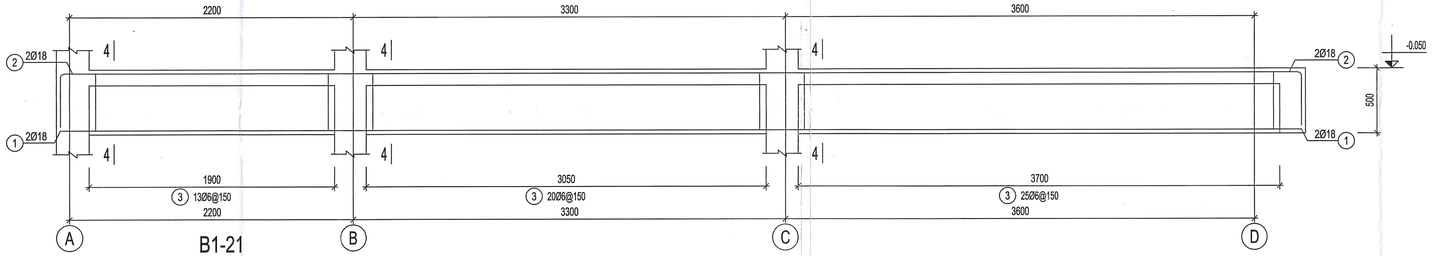
B1-20 (ĐOẠN: 1/2)



1-1 2-2 3-3

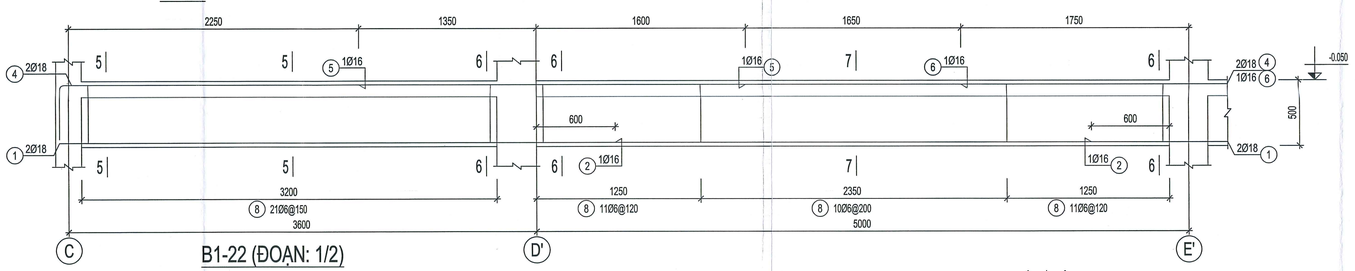


B1-20 (ĐOẠN: 2/2)

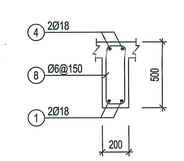


B1-21

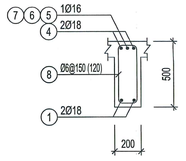
4-4



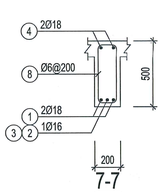
B1-22 (ĐOẠN: 1/2)



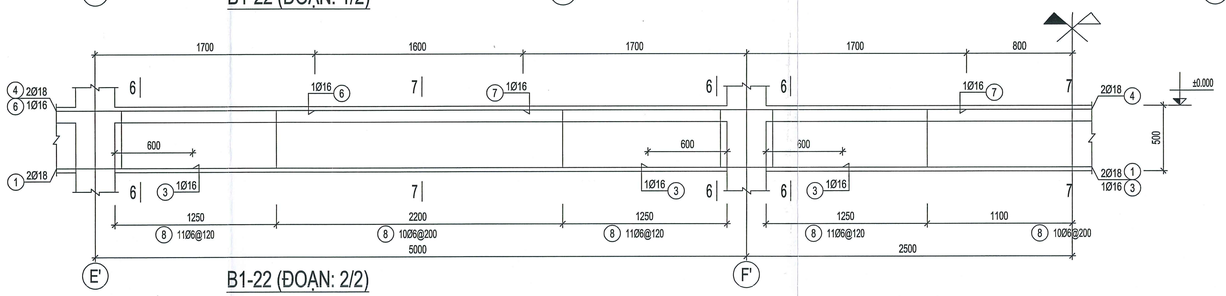
5-5



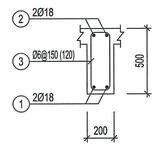
6-6



7-7



B1-22 (ĐOẠN: 2/2)



B1-22a

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

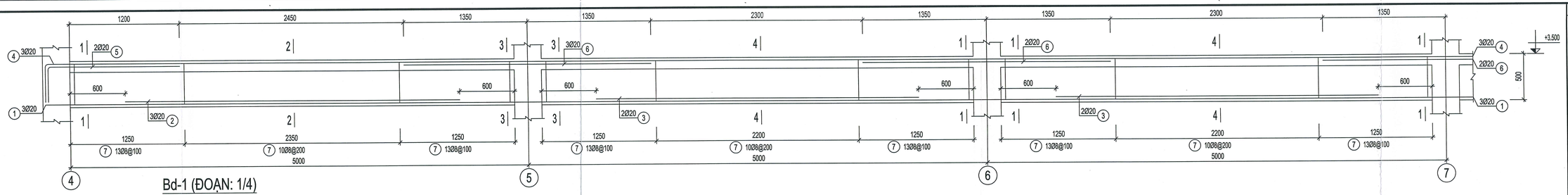
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 KCTT
Ngày 15-12-2025
Chủ trì bộ môn ký tên

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

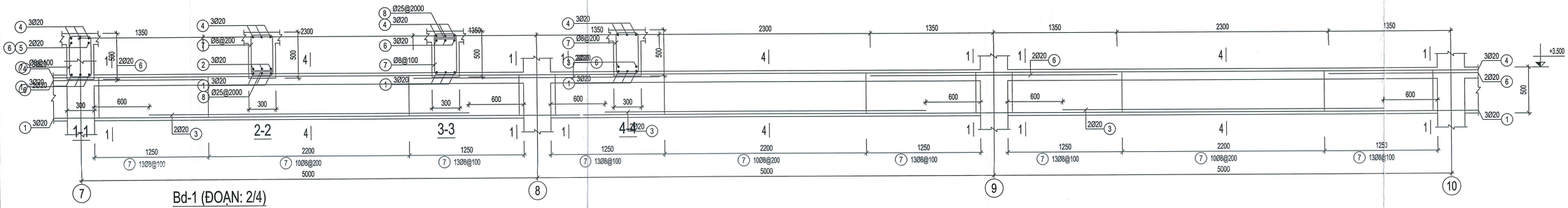
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (08/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 32	TỔNG SỐ: 57

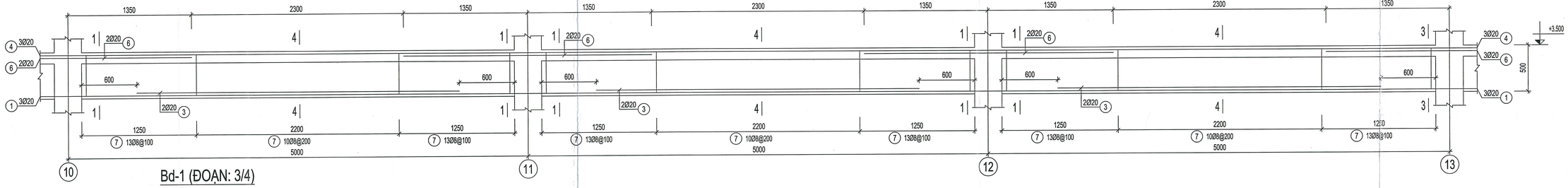
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



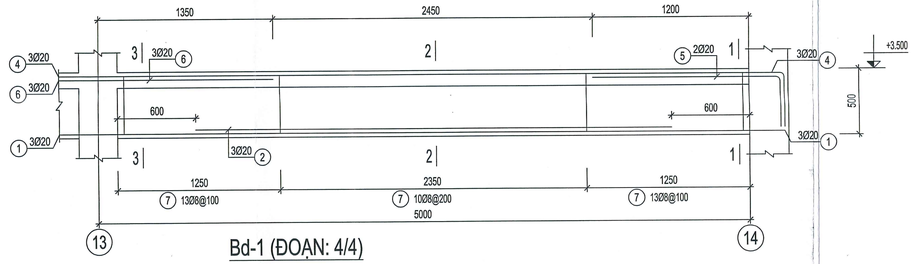
Bd-1 (ĐOẠN: 1/4)



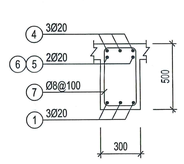
Bd-1 (ĐOẠN: 2/4)



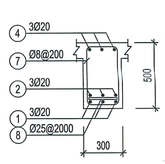
Bd-1 (ĐOẠN: 3/4)



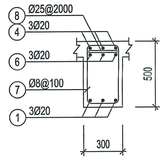
Bd-1 (ĐOẠN: 4/4)



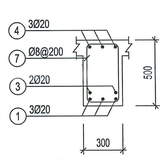
1-1



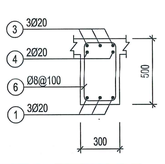
2-2

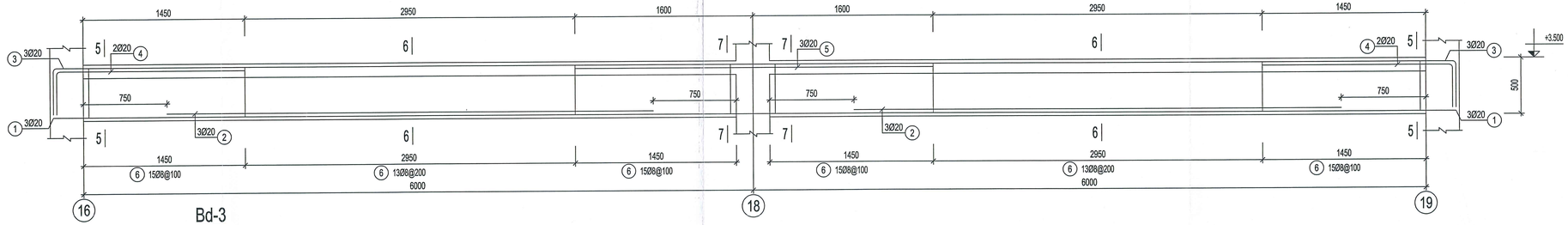


3-3

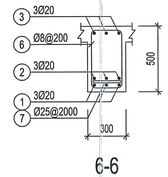


4-4

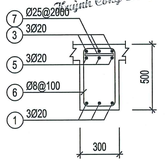




Bd-3



6-6



7-7

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG GIA HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / CCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

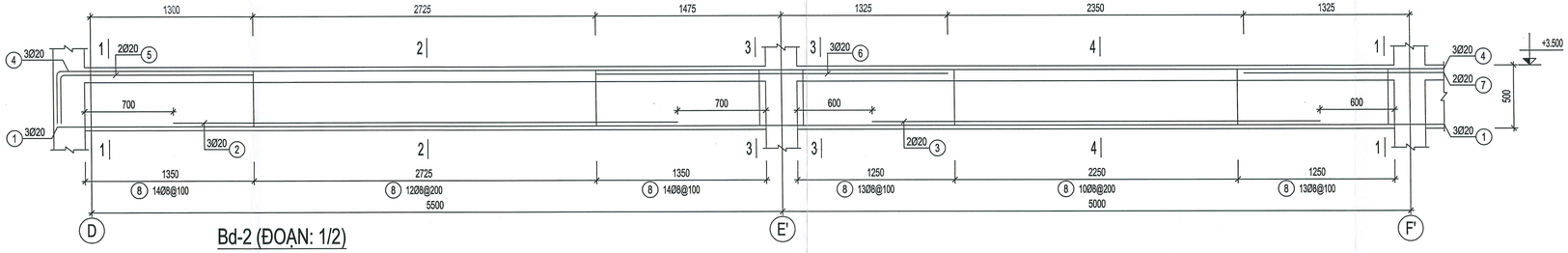
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

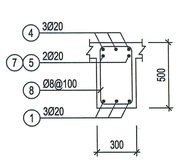
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (09/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 33	TỔNG SỐ: 57

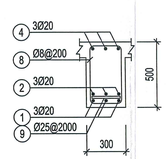
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



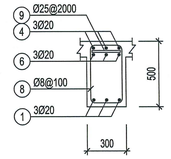
Bd-2 (ĐOẠN: 1/2)



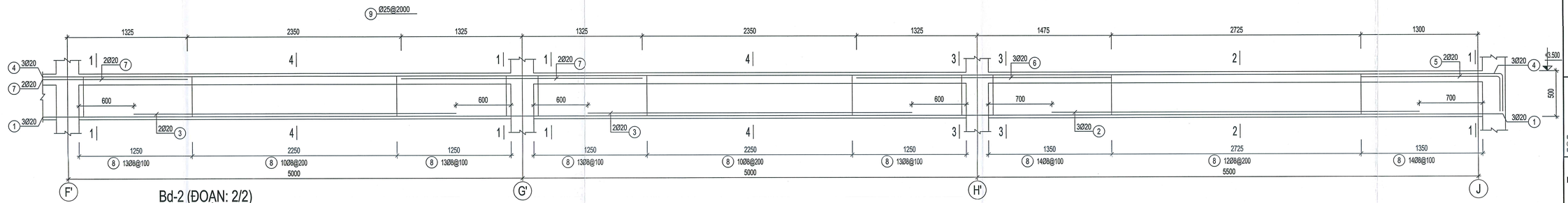
1-1



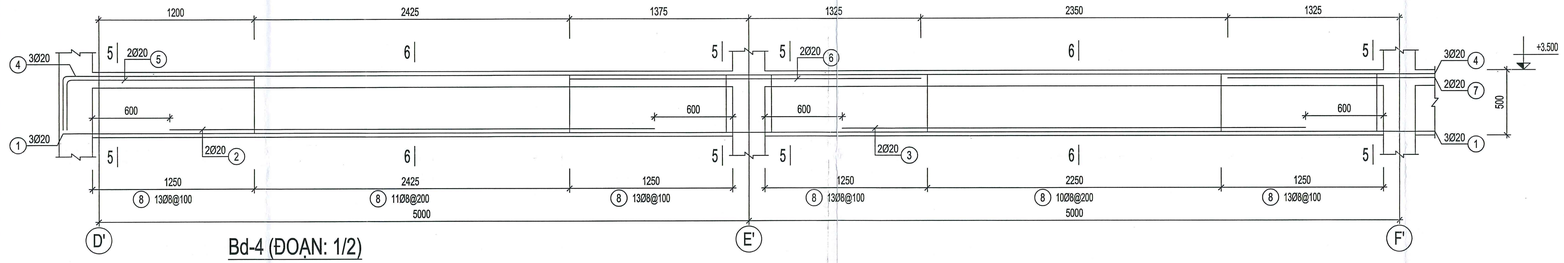
2-2



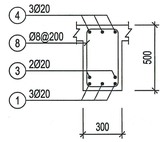
3-3



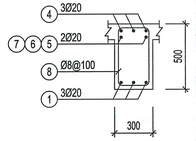
Bd-2 (ĐOẠN: 2/2)



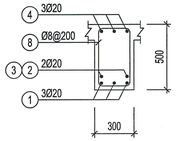
Bd-4 (ĐOẠN: 1/2)



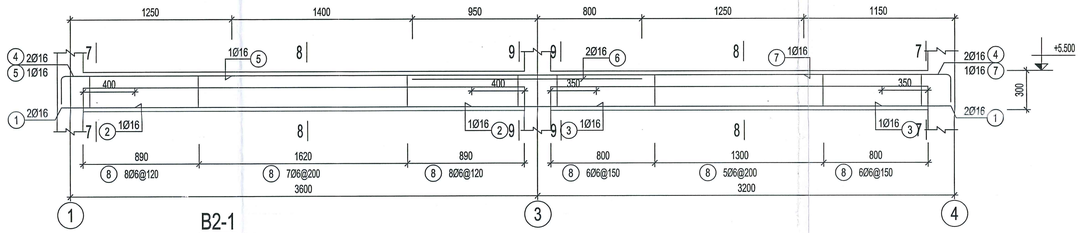
4-4



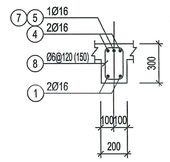
5-5



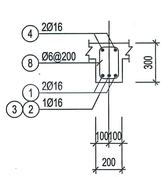
6-6



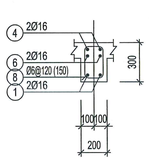
B2-1



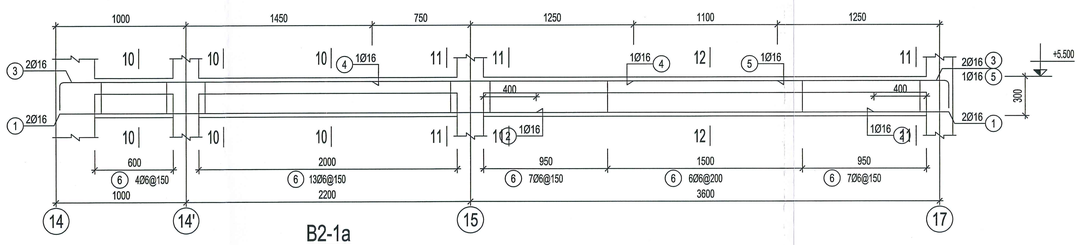
7-7



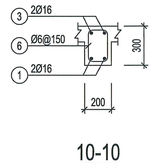
8-8



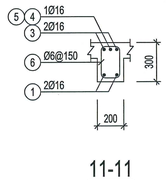
9-9



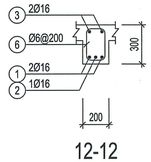
B2-1a



10-10



11-11



12-12

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ KCH
Ngày 15 - 12 - 2025
Chữ trí bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

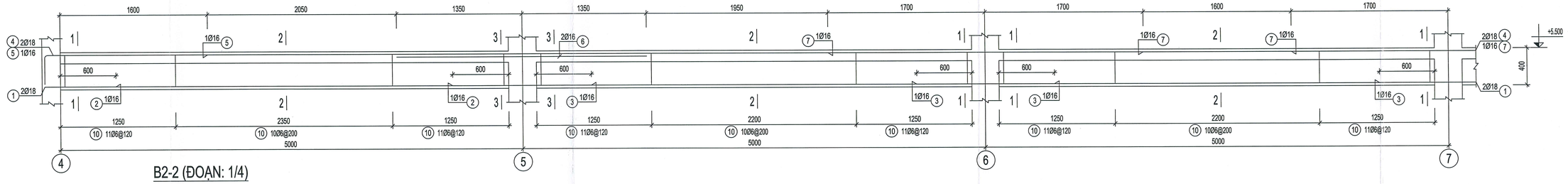
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

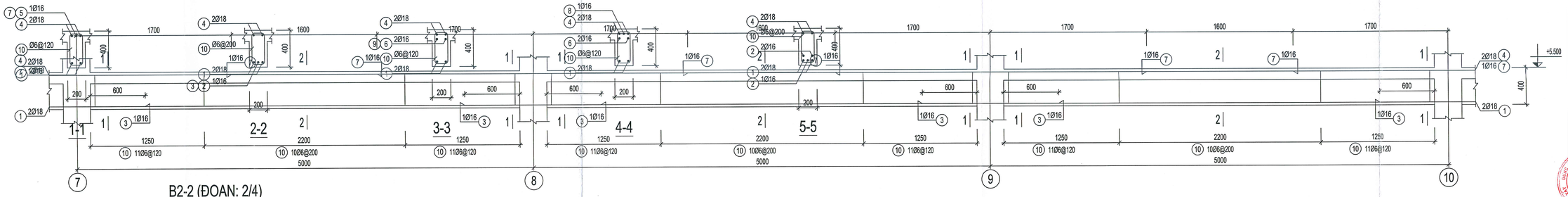
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (10/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 34	TỔNG SỐ: 57

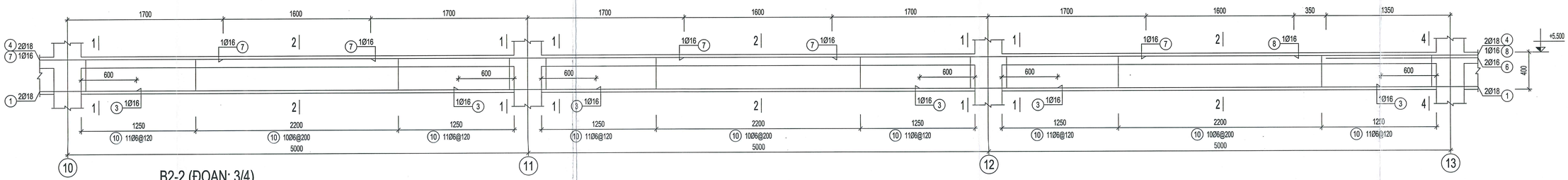
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



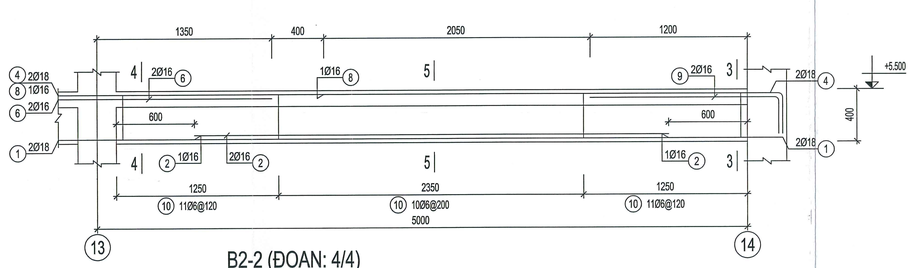
B2-2 (ĐOẠN: 1/4)



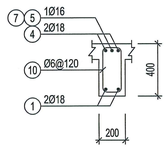
B2-2 (ĐOẠN: 2/4)



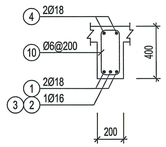
B2-2 (ĐOẠN: 3/4)



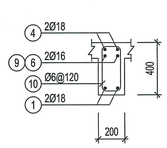
B2-2 (ĐOẠN: 4/4)



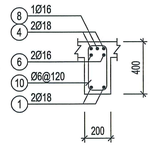
1-1



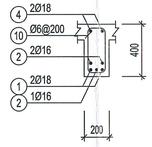
2-2



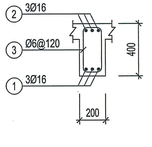
3-3



4-4



5-5



B2-2a

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD
GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẢN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / KCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

HẠNG MỤC:

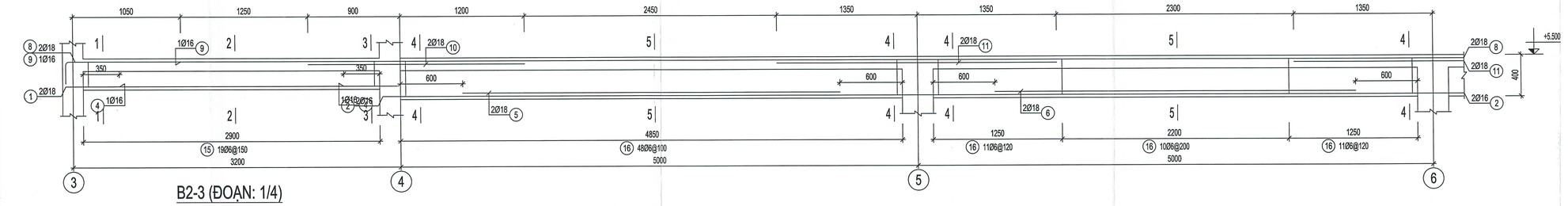
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

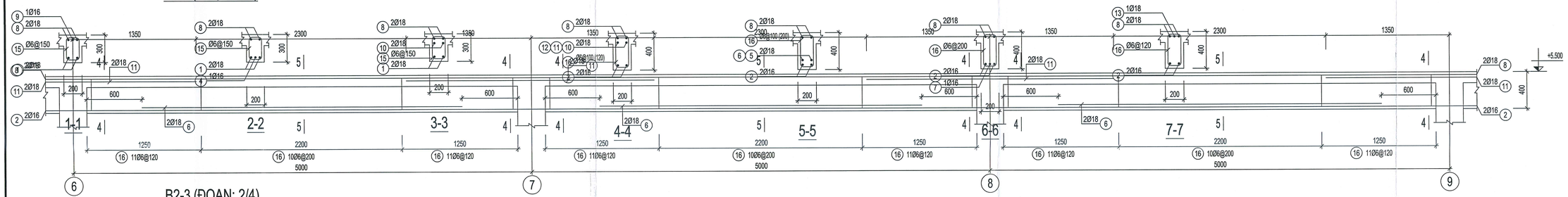
CHI TIẾT ĐÀ (11/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 35	TỔNG SỐ: 57

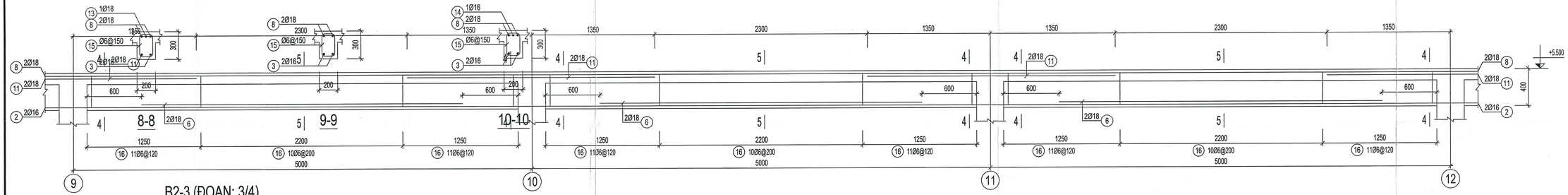
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



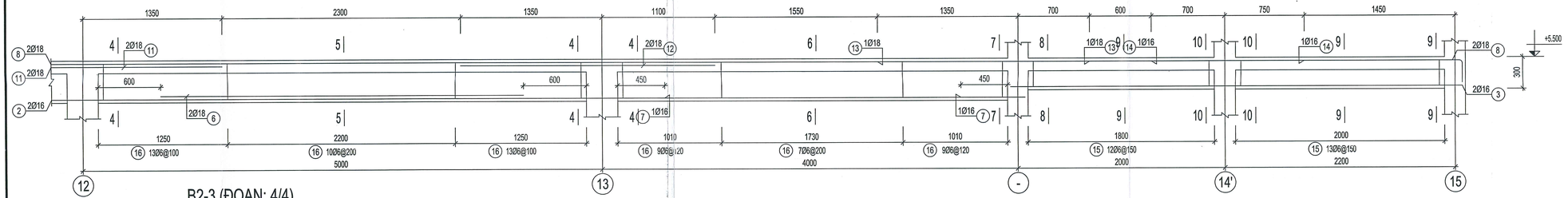
B2-3 (ĐOẠN: 1/4)



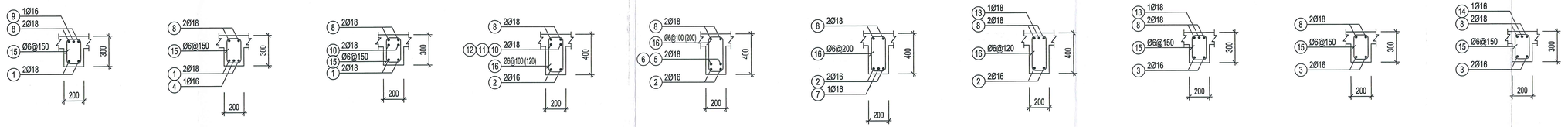
B2-3 (ĐOẠN: 2/4)



B2-3 (ĐOẠN: 3/4)



B2-3 (ĐOẠN: 4/4)



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 554/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

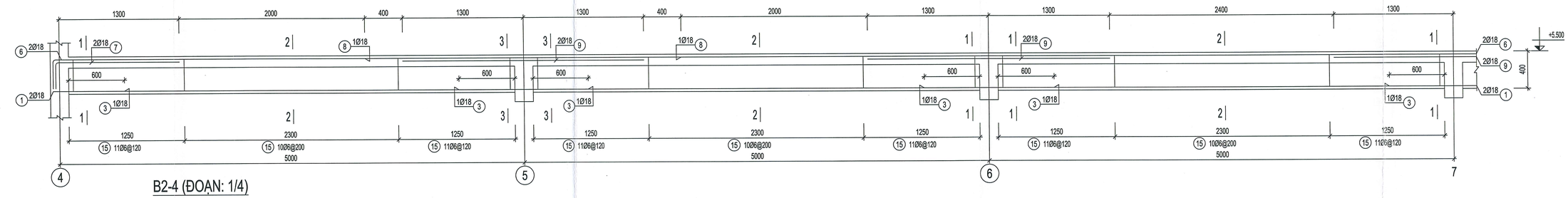
TÊN BẢN VẼ:

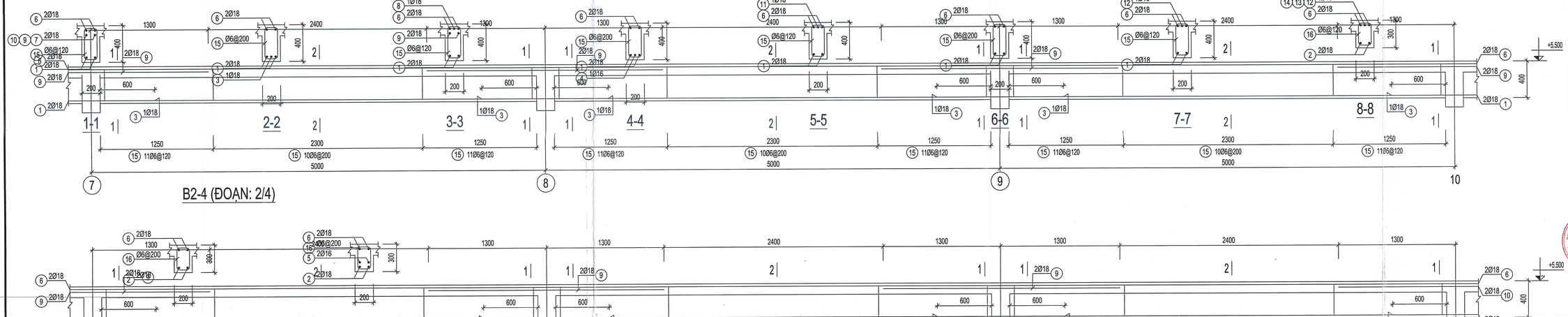
CHI TIẾT ĐÀ (12/20)

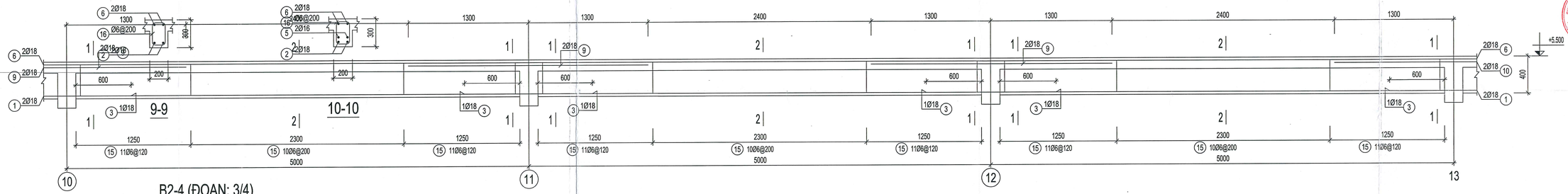
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 36	TỔNG SỐ: 57

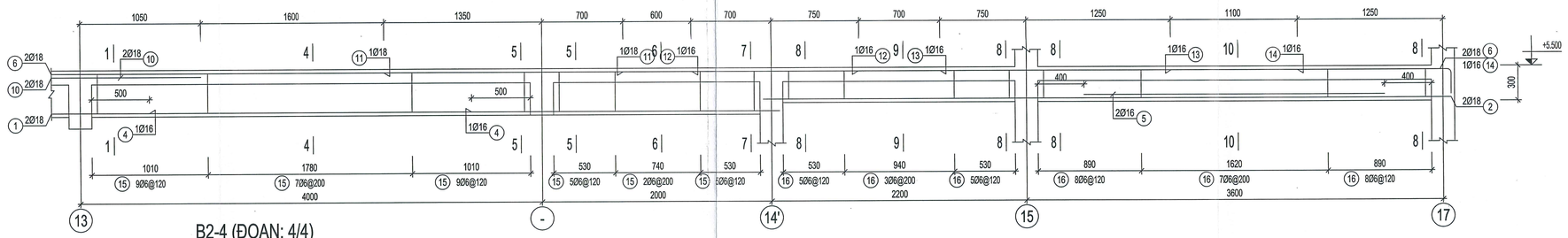
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

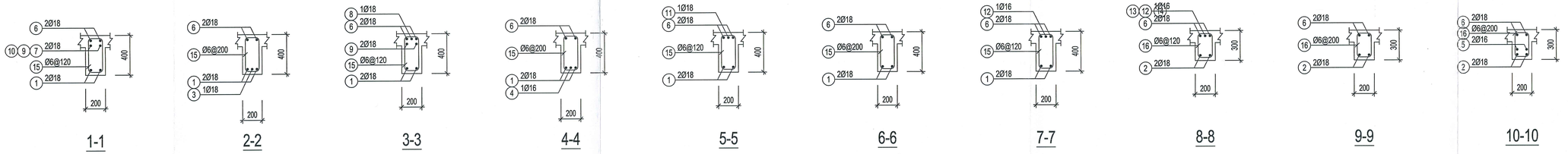
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨ HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/K.C.T.T
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng











CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ HẠN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 04 T.CTT
Ngày 15 -12- 2025 tháng năm 20
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 tháng 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH, P.9, QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN, TP. HCM)
ĐIỆN THOẠI: 08.39974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

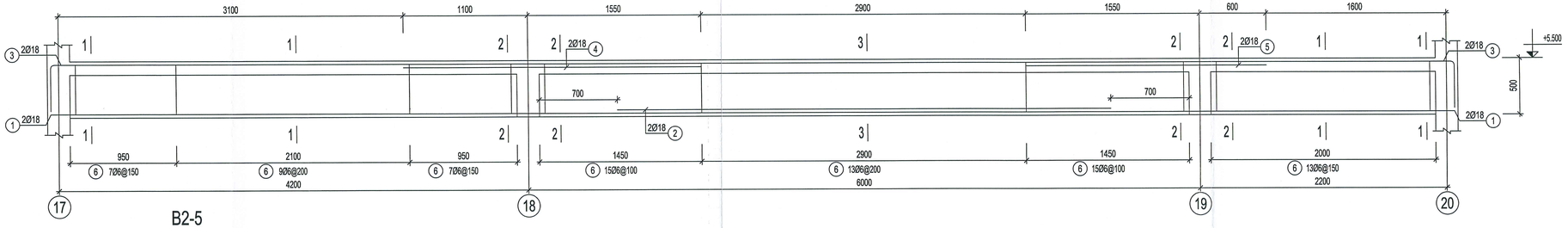
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:

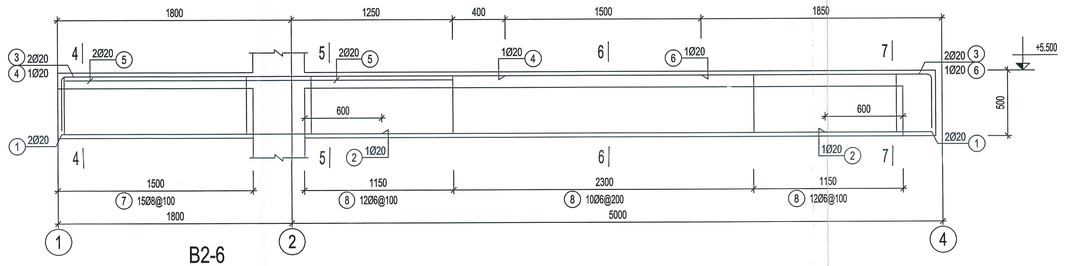
CHI TIẾT ĐÀ (13/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 37	TỔNG SỐ: 57

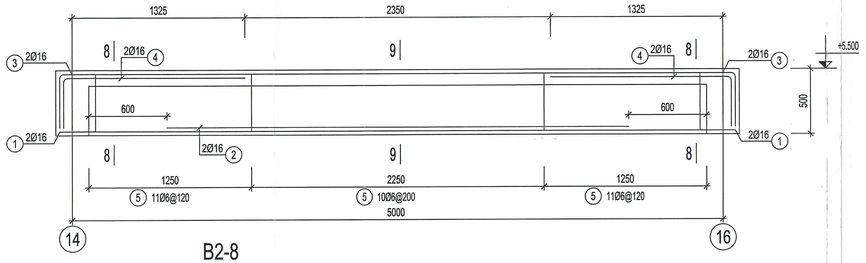
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



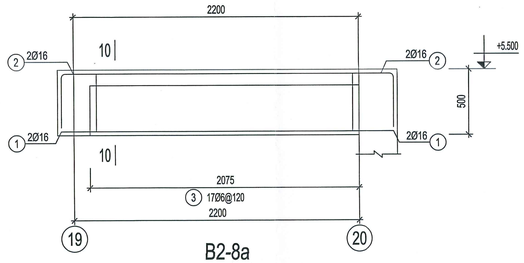
B2-5



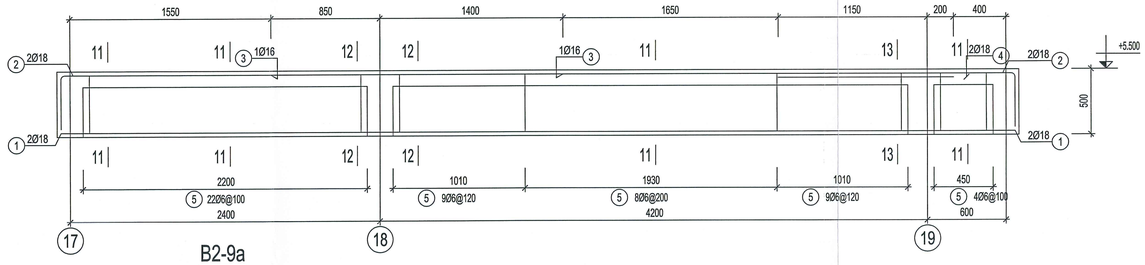
B2-6



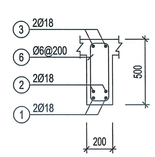
B2-8



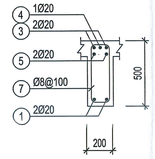
B2-8a



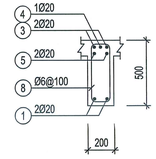
B2-9a



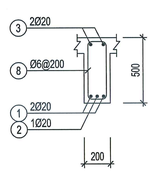
3-3



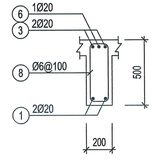
4-4



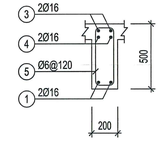
5-5



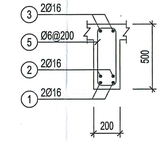
6-6



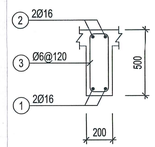
7-7



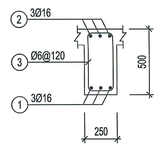
8-8



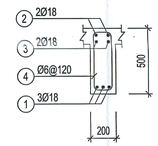
9-9



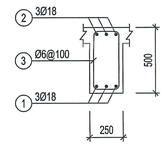
10-10



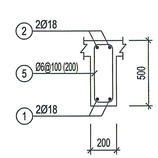
B2-7



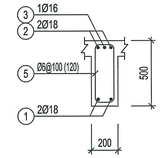
B2-7a



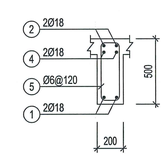
B2-9



11-11



12-12



13-13

1-1

2-2

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 05 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

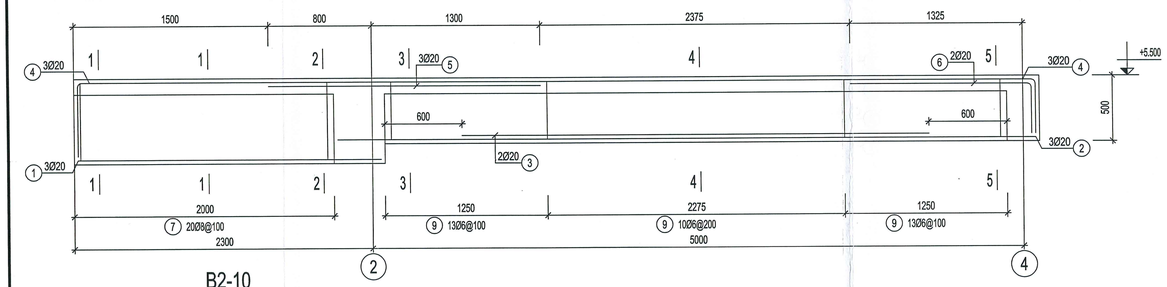
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (14/20)

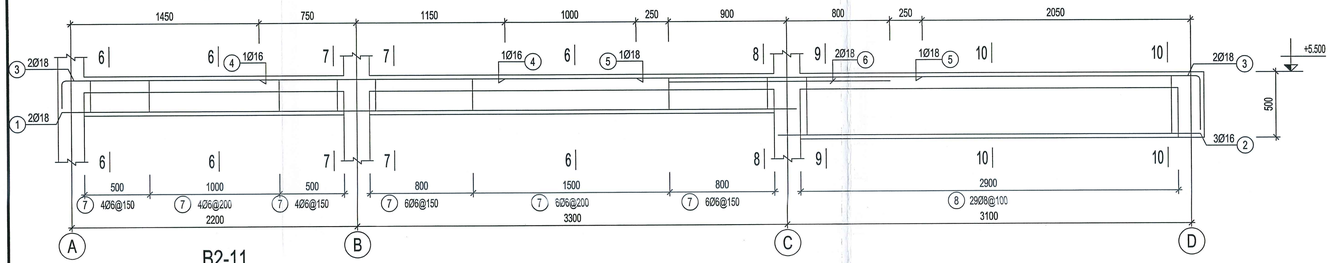
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 38	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

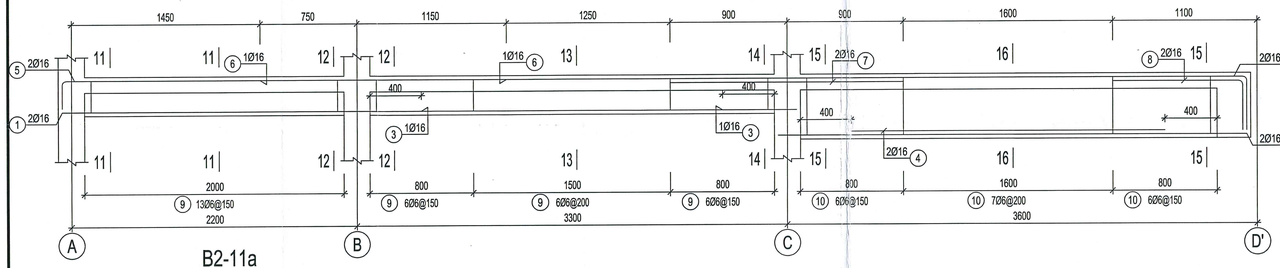
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ KCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng



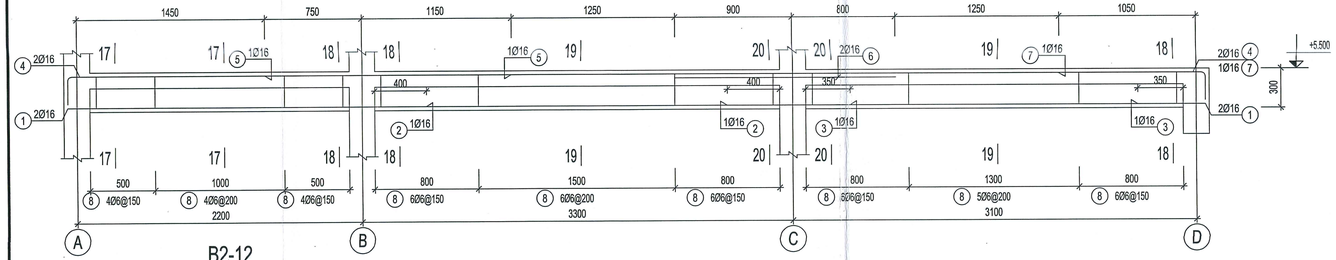
B2-10



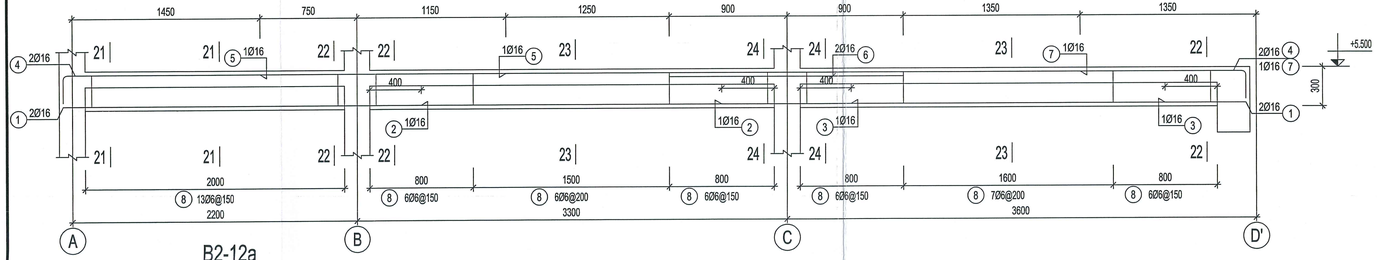
B2-11



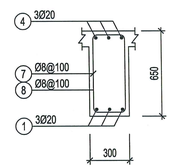
B2-11a



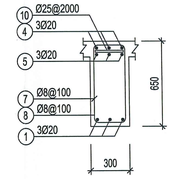
B2-12



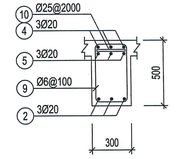
B2-12a



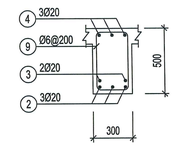
1-1



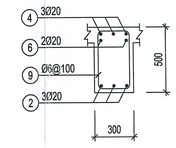
2-2



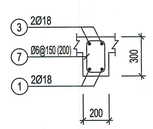
3-3



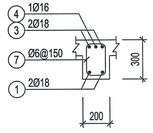
4-4



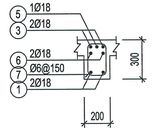
5-5



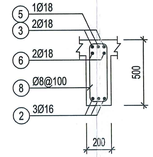
6-6



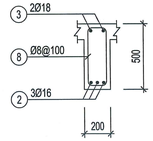
7-7



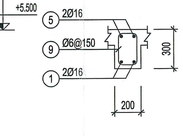
8-8



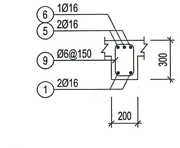
9-9



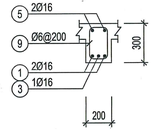
10-10



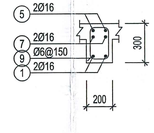
11-11



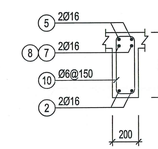
12-12



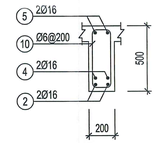
13-13



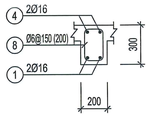
14-14



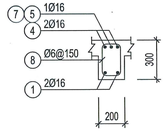
15-15



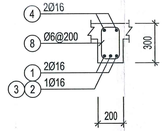
16-16



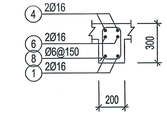
17-17



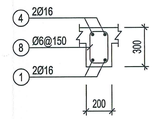
18-18



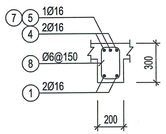
19-19



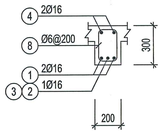
20-20



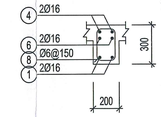
21-21



22-22



23-23



24-24

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

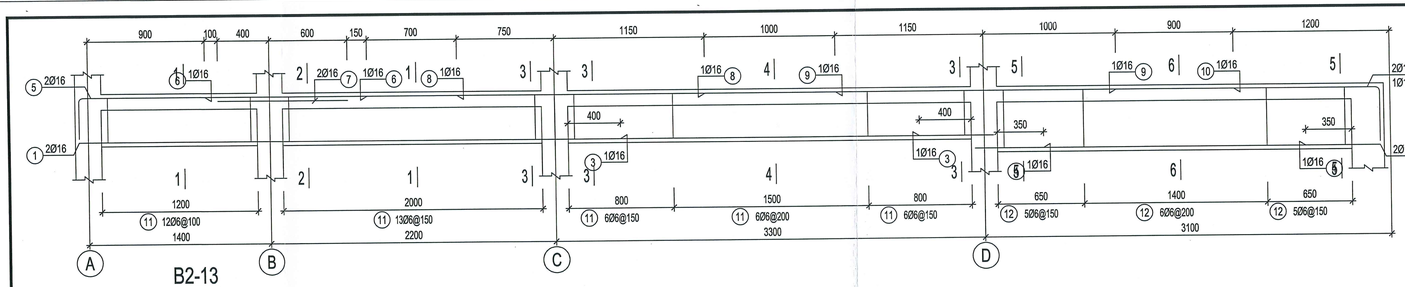
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (15/20)

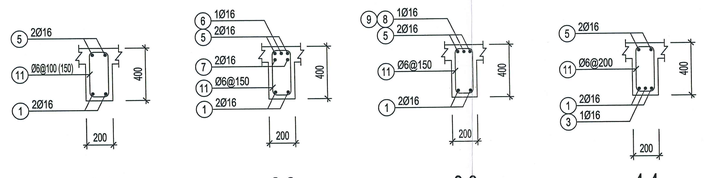
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẢN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64/ KCT
Ngày 15 - 12 - 2025 Năm 20
Chủ trì bộ môn ký tên:

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 39	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



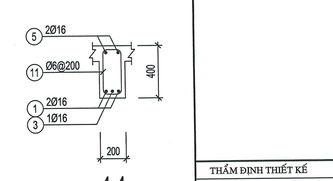
B2-13



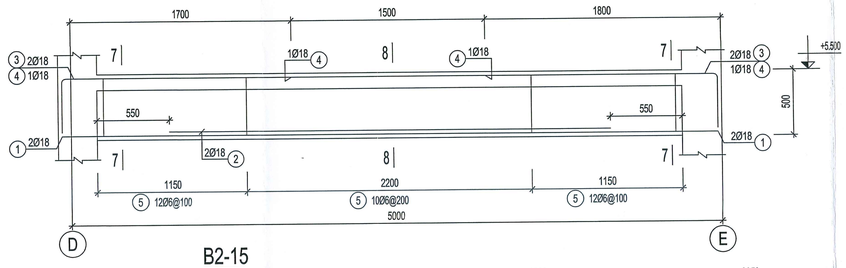
1-1

2-2

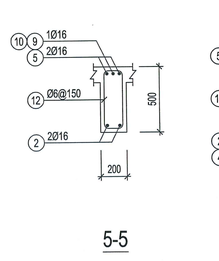
3-3



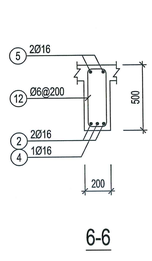
4-4



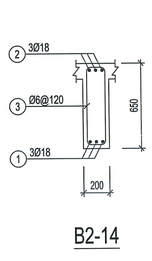
B2-15



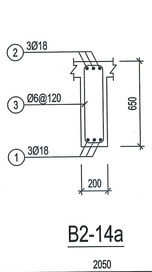
5-5



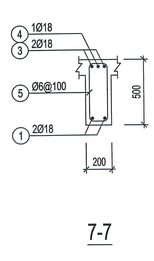
6-6



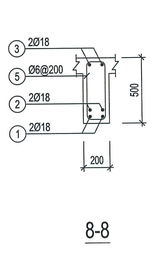
B2-14



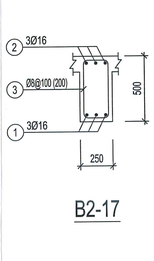
B2-14a



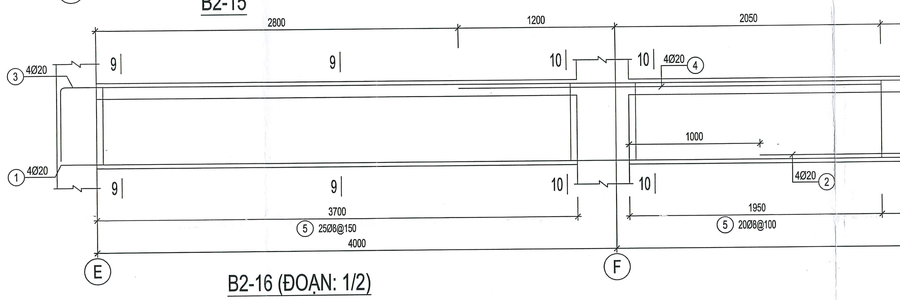
7-7



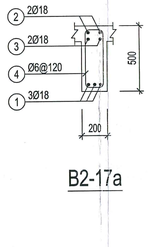
8-8



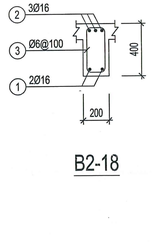
B2-17



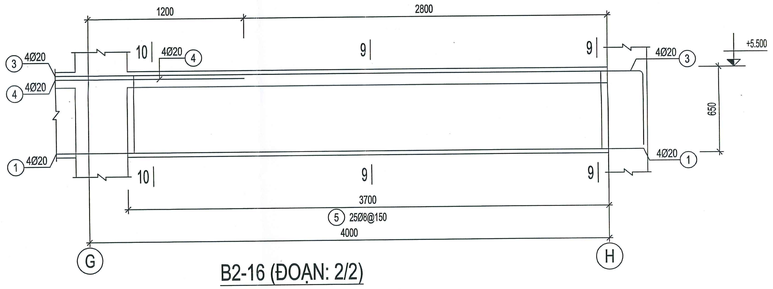
B2-16 (ĐOẠN: 1/2)



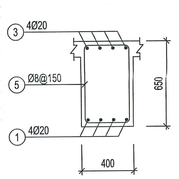
B2-17a



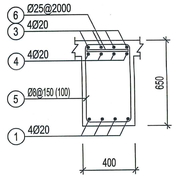
B2-18



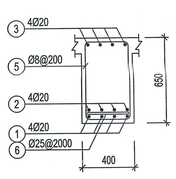
B2-16 (ĐOẠN: 2/2)



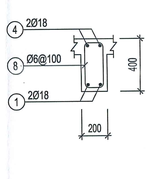
9-9



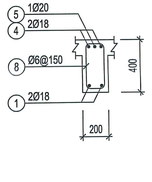
10-10



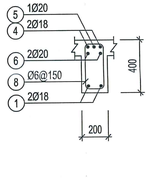
11-11



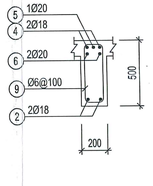
12-12



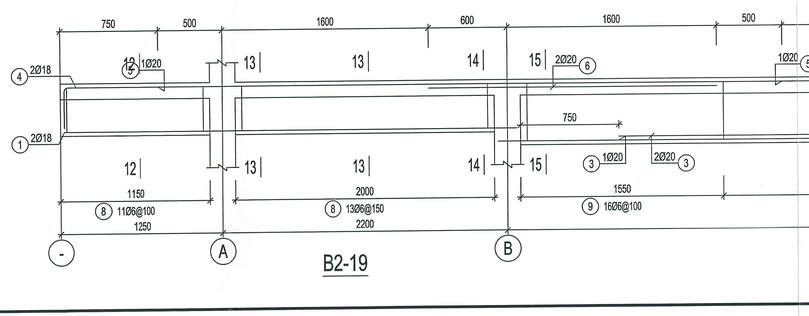
13-13



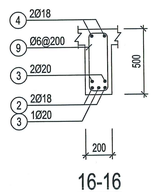
14-14



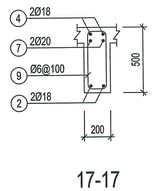
15-15



B2-19



16-16



17-17

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

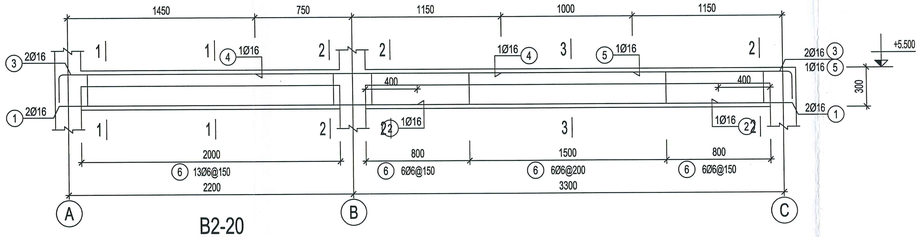
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (16/20)

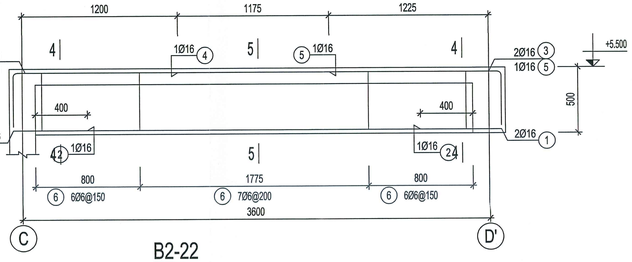
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / ICRT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 40	TỔNG SỐ: 57

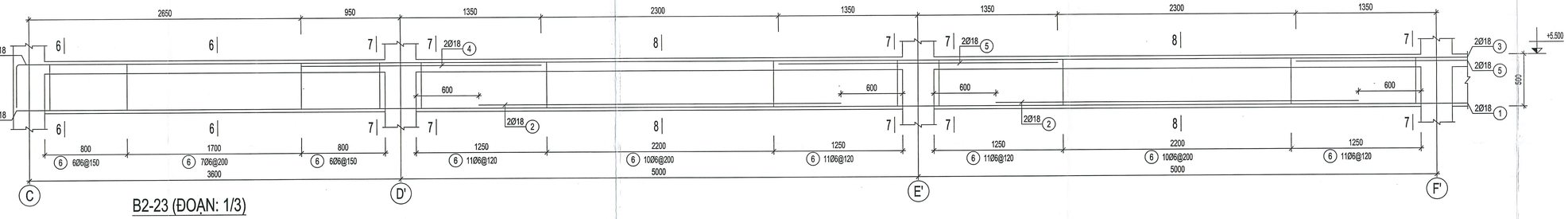
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



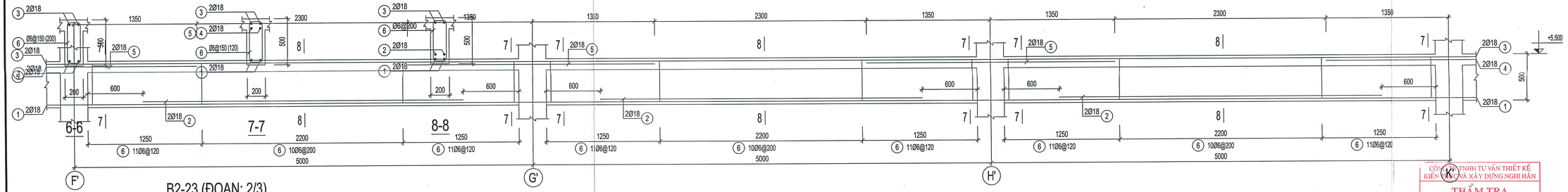
B2-20



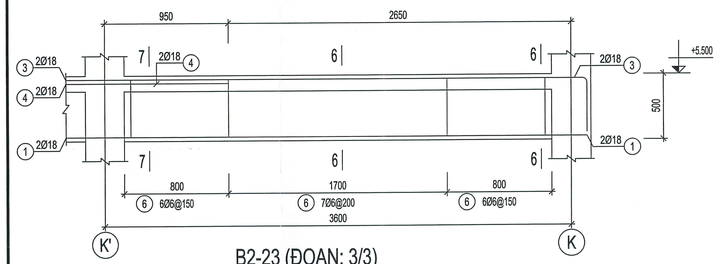
B2-22



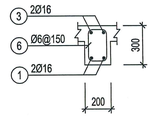
B2-23 (ĐOẠN: 1/3)



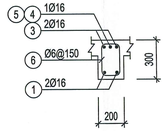
B2-23 (ĐOẠN: 2/3)



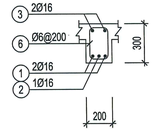
B2-23 (ĐOẠN: 3/3)



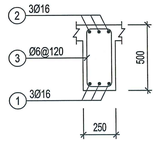
1-1



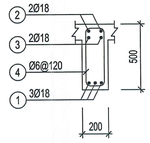
2-2



3-3



B2-21



B2-21a

4-4

5-5

6-6

7-7

8-8

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 02 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

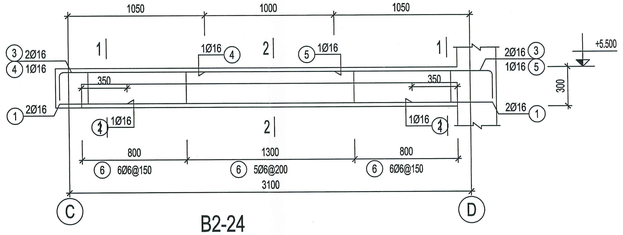
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT ĐÀ (17/20)

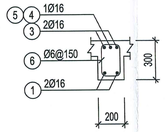
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 41	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

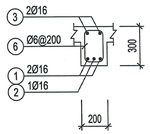
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨ HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 /K.C.T.T...
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng



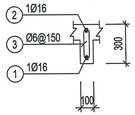
B2-24



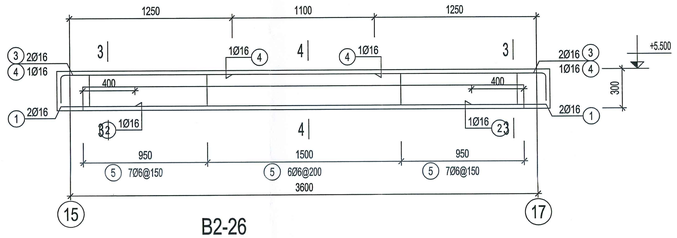
1-1



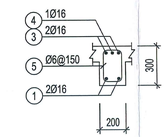
2-2



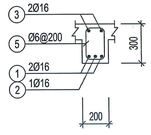
B2-25



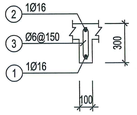
B2-26



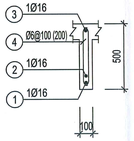
3-3



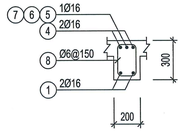
4-4



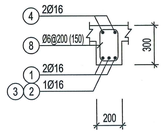
B2-27



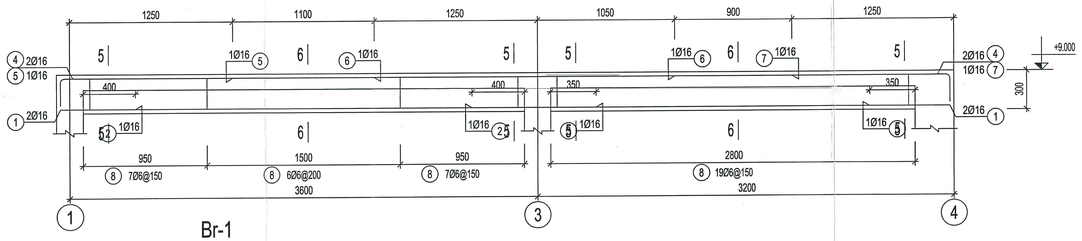
Br



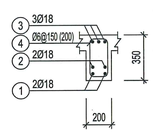
5-5



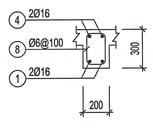
6-6



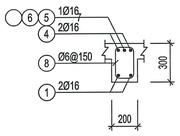
Br-1



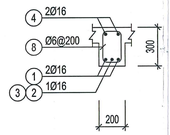
BR-2



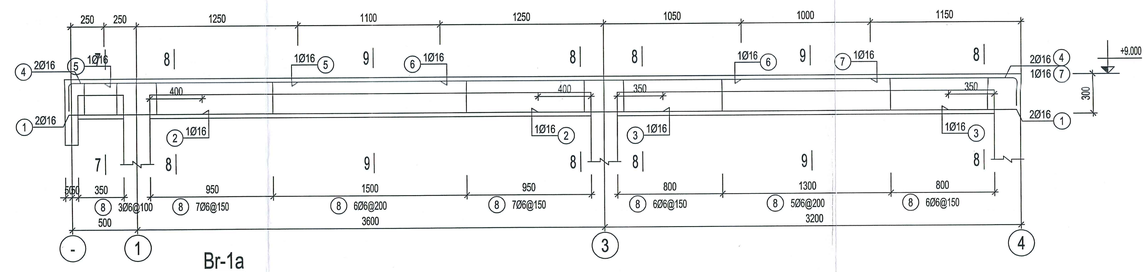
7-7



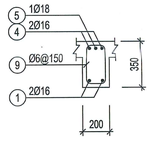
8-8



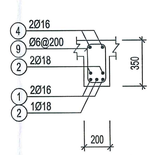
9-9



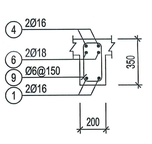
Br-1a



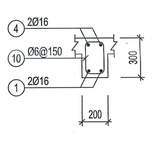
10-10



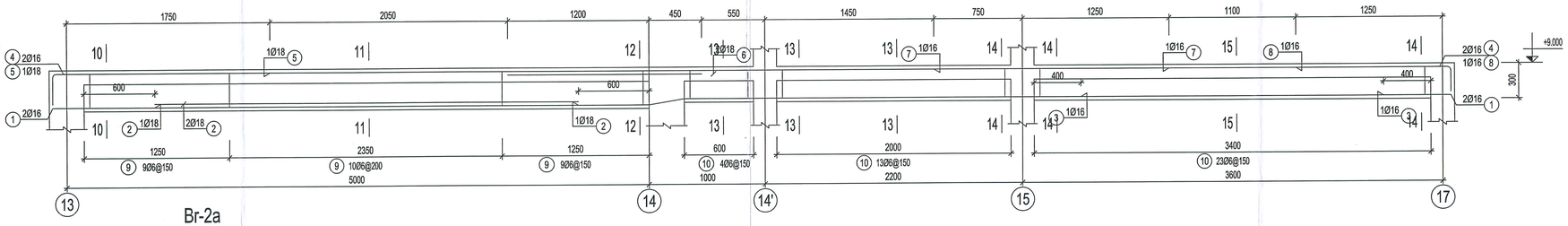
11-11



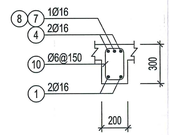
12-12



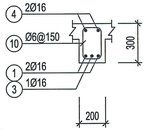
13-13



Br-2a



14-14



15-15

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / KCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

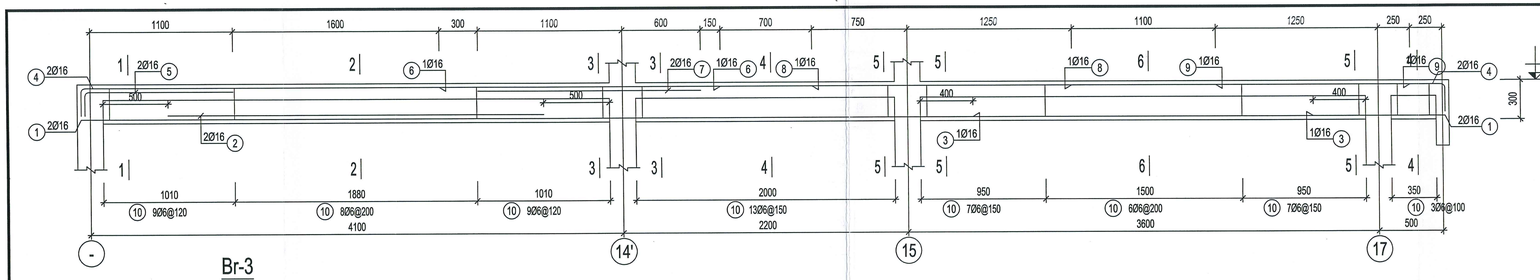
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T.H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923
GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

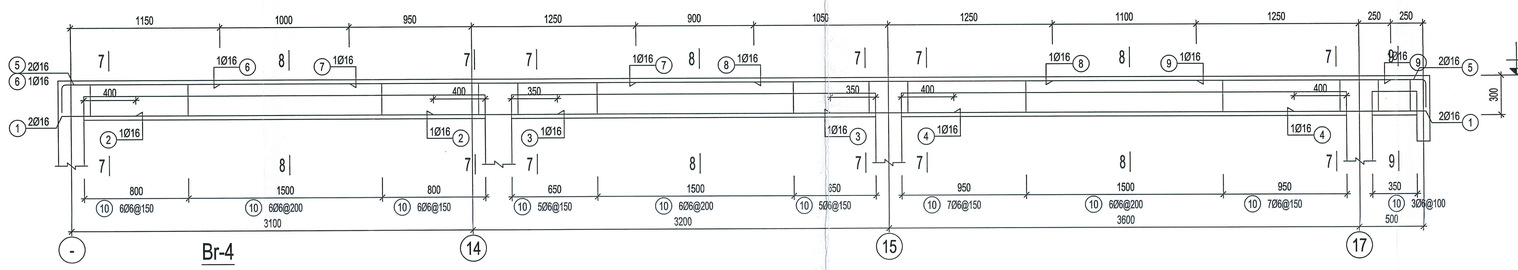
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (18/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 42	TỔNG SỐ: 57

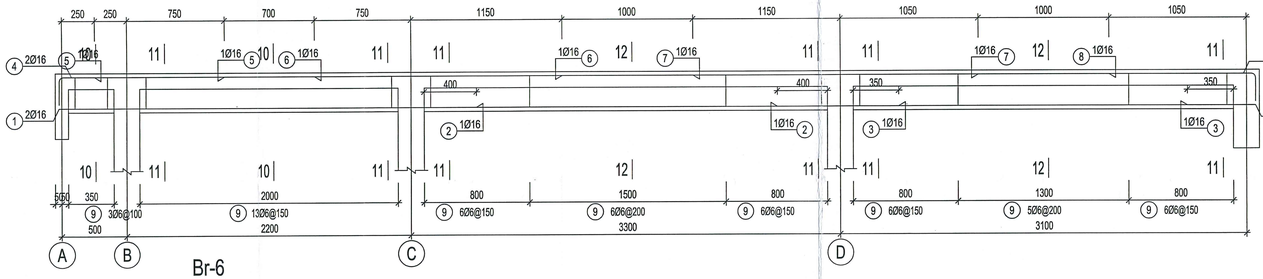
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



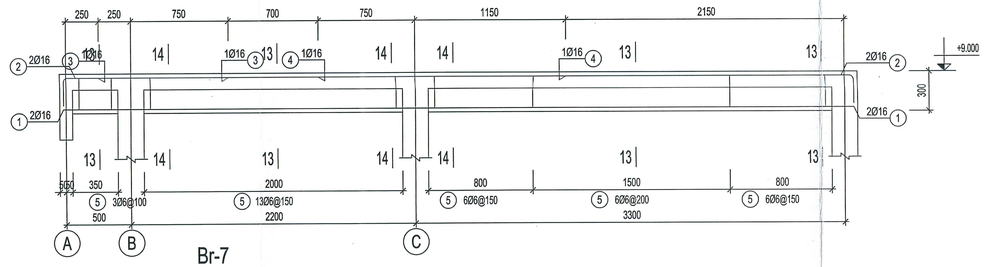
Br-3



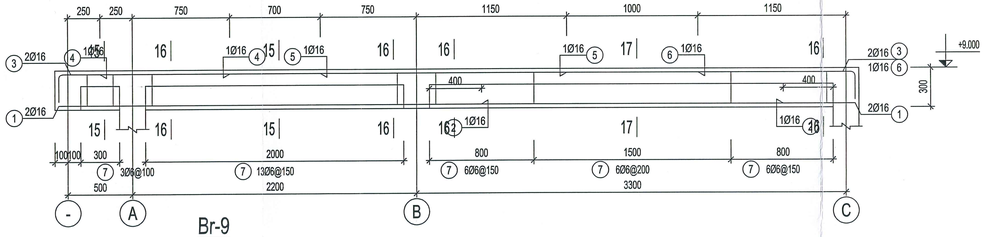
Br-4



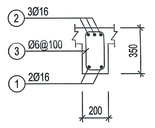
Br-6



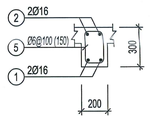
Br-7



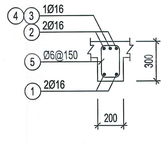
Br-9



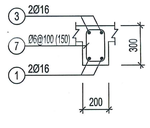
Br-8



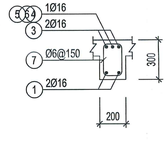
13-13



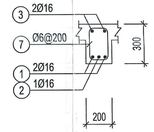
14-14



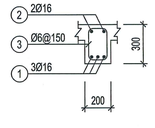
15-15



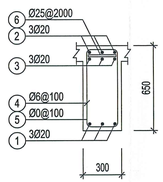
16-16



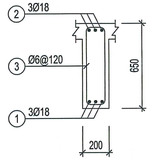
17-17



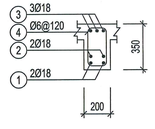
Br-10



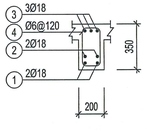
Br-11



Br-12

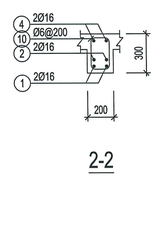


Br-13

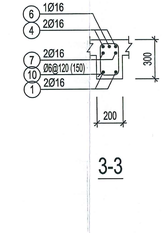


Br-15

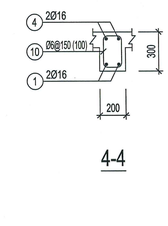
1-1



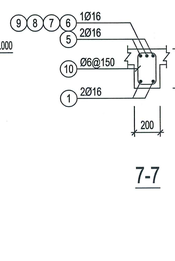
2-2



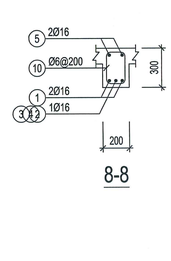
3-3



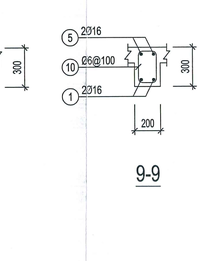
4-4



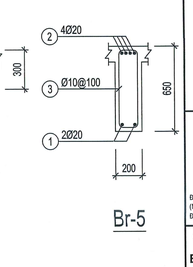
7-7



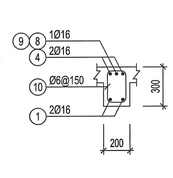
8-8



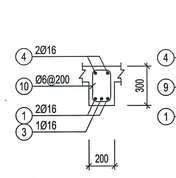
9-9



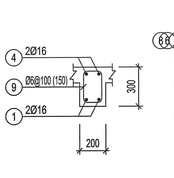
Br-5



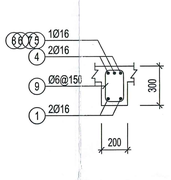
5-5



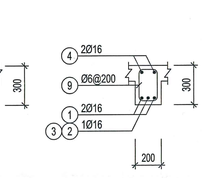
6-6



10-10



11-11



12-12

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20.26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: ỦY QUYỀN
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

CÔNG TRÌNH CHÍNH

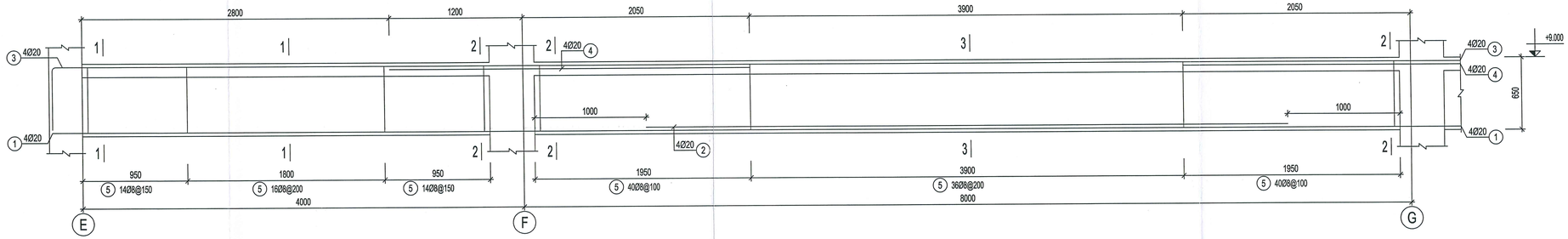
TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT ĐÀ (19/20)

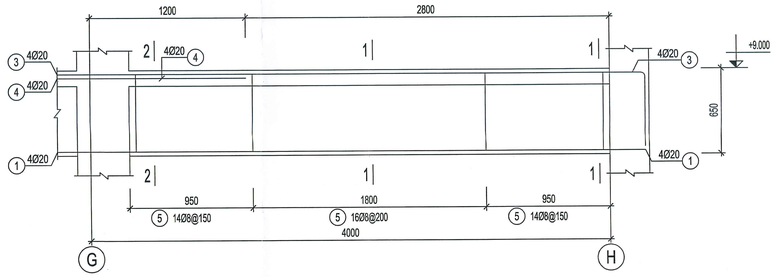
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 43	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

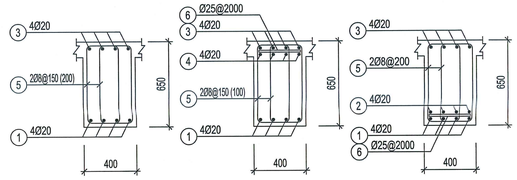
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 / CCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng



Br-14 (ĐOẠN: 1/2)



Br-14 (ĐOẠN: 2/2)



1-1 2-2 3-3

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ HẬN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 66/ CCTT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT ĐÀ (20/20)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 44	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B2-9a (SL-2)	1	13350	18	14070	2	4	56.28	112.42
	2	4400	18	4400	2	4	17.6	35.16
	3	425 13350 425	18	14920	2	4	59.68	119.22
	4	2300	16	2300	1	2	4.6	7.26
	5	2650	18	2650	2	4	10.6	21.17
	6	1800	18	1800	2	4	7.2	14.38
	7	150 450 60	6	1320	93	186	245.52	54.49
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 54.5	Ø ≤ 18 : 309.6	Ø > 18 : 0			
B2-10 (SL-9)	1	2050	20	2050	3	15	30.75	75.83
	2	5275	20	5275	3	15	79.12	195.13
	3	3475	20	3475	2	10	34.75	85.70
	4	575 6975 425	20	7975	3	15	119.62	295.01
	5	1950	20	1950	3	15	29.25	72.13
	6	400 1350	20	1750	2	10	17.5	43.16
	7	250 600 60	8	1860	15	75	138.5	55.04
	8	250 450 60	6	1520	33	165	250.8	55.67
	9	80 250 80	8	410	7	35	14.35	5.66
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 116.4	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 767			
B2-11 (SL-2)	1	5700	18	5700	2	4	22.8	45.54
	2	3250	16	3250	3	6	19.5	30.78
	3	225 8800 425	18	9450	2	4	37.8	75.51
	4	1750	16	1750	1	2	3.5	5.52
	5	2200	18	2200	1	2	4.4	8.79
	6	1700	18	1700	2	4	6.8	13.58
	7	150 250 60	6	920	31	62	57.04	12.66
	8	150 450 80	8	1360	29	58	78.88	31.12
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 43.8	Ø ≤ 18 : 179.7	Ø > 18 : 0			
B2-11a (SL-2)	1	5650	16	5650	2	4	22.6	35.67
	2	3775	16	3775	2	4	15.1	23.83
	3	2400	16	2400	1	2	4.8	7.58
	4	2575	16	2575	2	4	10.3	16.26
	5	225 9275 425	16	9925	2	4	39.7	62.66
	6	1750	16	1750	1	2	3.5	5.52
	7	1850	16	1850	2	4	7.4	11.68
	8	400 1050	16	1450	2	4	5.8	9.15
	9	150 250 60	6	920	33	66	60.72	13.48
	10	150 450 60	6	1320	20	40	52.8	11.72
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 25.2	Ø ≤ 18 : 172.4	Ø > 18 : 0			
B2-12 (SL-2)	1	8750	16	8750	2	4	35	55.24
	2	2300	16	2300	1	2	4.6	7.26
	3	2200	16	2200	1	2	4.4	6.94
	4	225 8750 225	16	9200	2	4	36.8	58.08
	5	1900	16	1900	1	2	3.8	6.00
	6	1700	16	1700	2	4	6.8	10.73
	7	225 1125	16	1350	1	2	2.7	4.26
	8	150 250 60	6	920	48	96	88.32	19.60
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 19.6	Ø ≤ 18 : 148.5	Ø > 18 : 0			
B2-12a (SL-2)	1	9250	16	9250	2	4	37	58.40
	2	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	3	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	4	225 9250 225	16	9700	2	4	38.8	61.24
	5	1850	16	1850	3	6	11.1	17.52
	6	225 1325	16	1550	1	2	3.1	4.89
	7	150 250 60	6	920	53	106	97.52	21.64
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 21.6	Ø ≤ 18 : 157.7	Ø > 18 : 0			
B2-13 (SL-2)	1	6950	16	6950	2	4	27.8	43.88
	2	3300	16	3300	2	4	13.2	20.83
	3	2300	16	2300	1	2	4.6	7.26
	4	2150	16	2150	1	2	4.3	6.79
	5	325 10100 425	16	10850	2	4	43.4	68.50
	6	1300	16	1300	1	2	2.6	4.10
	7	1000	16	1000	2	4	4	6.31
	8	1900	16	1900	1	2	3.8	6.00
	9	2200	16	2200	1	2	4.4	6.94
	10	425 1225	16	1650	1	2	3.3	5.21
	11	150 350 60	6	1120	46	92	103.04	22.87
	12	150 450 60	6	1320	16	32	42.24	9.38
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 32.2	Ø ≤ 18 : 175.8	Ø > 18 : 0			
B2-14 (SL-1)	1	8250	18	8250	3	3	24.75	49.44
	2	575 8250 575	18	9400	3	3	28.2	56.33
	3	150 600 60	6	1620	64	64	103.68	23.01
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 23	Ø ≤ 18 : 105.8	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B2-14a (SL-2)	1	4250	18	4250	3	6	25.5	50.94
	2	575 4250 575	18	5400	3	6	32.4	64.72
	3	150 600 60	6	1620	31	62	100.44	22.29
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 22.3	Ø ≤ 18 : 115.7	Ø > 18 : 0			
B2-15 (SL-2)	1	5200	18	5200	2	4	20.8	41.55
	2	3550	18	3550	2	4	14.2	28.37
	3	425 5200 425	18	6050	2	4	24.2	48.34
	4	425 1775	18	2200	1	2	4.4	8.79
	5	425 1875	18	2300	1	2	4.6	9.19
	6	150 450 60	6	1320	35	70	92.4	20.51
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 20.5	Ø ≤ 18 : 136.2	Ø > 18 : 0			
B2-16 (SL-1)	1	16250	20	17050	4	4	68.2	168.19
	2	5800	20	5800	4	4	23.2	57.21
	3	575 16250 575	20	18200	4	4	72.8	179.54
	4	3100	20	3100	8	8	24.8	61.16
	5	350 600 80	8	2060	107	107	220.42	86.97
	6	80 350 80	8	510	42	42	21.42	8.45
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 95.4	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 466.1			
B2-17 (SL-2)	1	26250	16	27530	3	6	165.18	260.71
	2	425 26250 425	16	26380	3	6	170.28	268.76
	3	200 450 60	8	1460	178	356	519.76	205.09
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 205.1	Ø ≤ 18 : 529.5	Ø > 18 : 0			
B2-17a (SL-2)	1	27350	18	28790	3	6	172.74	345.06
	2	425 27350 425	18	29640	2	4	118.56	236.83
	3	150 450 60	6	1320	225	450	594	131.84
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 131.8	Ø ≤ 18 : 581.9	Ø > 18 : 0			
B2-18 (SL-2)	1	1450	16	1450	2	4	5.8	9.15
	2	325 1450 325	16	2100	3	6	12.6	19.89
	3	150 350 60	6	1120	13	26	29.12	6.46
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 6.5	Ø ≤ 18 : 29	Ø > 18 : 0			
B2-19 (SL-19)	1	3500	18	3500	2	38	133	265.68
	2	6575	18	6575	2	38	249.85	499.10
	3	4675	20	4675	3	57	266.48	657.17
	4	325 9925 425	18	10675	2	38	405.65	810.32
	5	4850	20	4850	1	19	92.15	227.26
	6	2250	20	2250	2	38	85.5	210.86
	7	400 1750	20	2150	2	38	81.7	201.48
	8	150 350 60	6	1120	25	475	532	118.08
	9	150 450 60	6	1320	45	855	1128.6	250.50
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 368.6	Ø ≤ 18 : 1575.1	Ø > 18 : 1296.8			
B2-20 (SL-2)	1	5650	16	5650	2	4	22.6	35.67
	2	2300	16	2300	1	2	4.6	7.26
	3	225 5650 225	16	6100	2	4	24.4	38.51
	4	1900	16	1900	1	2	3.8	6.00
	5	225 1225	16	1450	1	2	2.9	4.58
	6	150 250 60	6	920	33	66	60.72	13.48
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 13.5	Ø ≤ 18 : 92	Ø > 18 : 0			
B2-21 (SL-2)	1	26250	16	26530	3	6	159.18	251.24
	2	425 26250 425	16	27380	3	6	164.28	259.29
	3	200 450 60	6	1420	208	412	585.04	129.85
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 129.9	Ø ≤ 18 : 510.5	Ø > 18 : 0			
B2-21a (SL-2)	1	26250	18	27690	3	6	166.14	331.88
	2	425 26250 425	18	28540	2	4	114.16	228.04
	3	150 450 60	6	1320	216	432	570.24	126.57
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 126.6	Ø ≤ 18 : 559.9	Ø > 18 : 0			
B2-22 (SL-4)	1	3775	16	3775	2	8	30.2	47.67
	2	2575	16	2575	1	4	10.3	16.26
	3	425 3775 425	16	4625	2	8	37	58.40
	4	425 1275	16	1700	1	4	6.8	10.73
	5	425 1325	16	1750	1	4	7	11.05
	6	150 450 60	6	1320	19	76	100.32	22.27
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 22.3	Ø ≤ 18 : 144.1	Ø > 18 : 0			
B2-23 (SL-1)	1	32300	18	33740	2	2	67.48	134.80
	2	3600	18	3600	10	10	35	71.91
	3	425 32300 425	18	34590	2	2	69.18	138.19
	4	2250	18	2250	4	4	9	17.98
	5	2600	18	2600	8	8	20.8	41.55
	6	150 450 60	6	1320	195	195	257.4	57.13
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 57.1	Ø ≤ 18 : 404.4	Ø > 18 : 0			
B2-24 (SL-2)	1	3250	16	3250	2	4	13	20.52
	2	2200	16	2200	1	2	4.4	6.94
	3	225 3250 225	16	3700	2	4	14.8	23.36
	4	225 1125	16	1350	2	4	5.4	8.52
	5	150 250 60	6	920	17	34	31.28	6.94
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 6.9	Ø ≤ 18 : 59.3	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B2-25 (SL-2)	1	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	2	225 2350 225	16	2800	1	2	5.6	8.84
	3	80 250 80	6	370	14	28	10.36	2.30
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 2.3	Ø ≤ 18 : 16.3	Ø > 18 : 0			
B2-26 (SL-2)	1	3750	16	3750	2	4	15	23.68
	2	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	3	225 3750 225	16	4200	2	4	16.8	26.52
	4	225 1325	16	1550	2	4	6.2	9.79
	5	150 250 60	6	920	19	38	34.96	7.76
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 7.8	Ø ≤ 18 : 66.2	Ø > 18 : 0			
B2-27 (SL-2)	1	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	2	225 2350 225	16	2800	1	2	5.6	8.84
	3	80 250 80	6	370	14	28	10.36	2.30
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 2.3	Ø ≤ 18 : 16.3	Ø > 18 : 0			
Br (SL-1)	1	5150	16	5150	1	1	5.15	8.13
	2	5000	16	5000	1	1	5	7.89
	3	425 5150 425	16	6000	1	1	6	9.47
	4	80 450 60	6	570	40	40	22.8	5.06
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 5.1	Ø ≤ 18 : 25.5	Ø > 18 : 0			
Br-1 (SL-2)	1	6950	16	6950	2	4	27.8	43.88
	2	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	3	2200	16	2200	1	2	4.4	6.94
	4	225 6950 225	16	7400	2	4	29.6	46.72
	5	225 1325	16	1550	1	2	3.1	4.89
	6	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	7	225 1175	16	1400	1	2	2.8	4.42
	8	150 250 60	6	920	39	78	71.76	15.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 15.9	Ø ≤ 18 : 122.5	Ø > 18 : 0			
Br-1a (SL-2)	1	7400	16	7400	2	4	29.6	46.72
	2	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	3	2200	16	2200	1	2	4.4	6.94
	4	225 7400 225	16	7850	2	4	31.4	49.56
	5	1500	16	1500	1	2	3	4.74
	6	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	7	225 1175	16	1400	1	2	2.8	4.42
	8	150 250 60	6	920	40	80	73.6	16.34
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 16.3	Ø ≤ 18 : 128	Ø > 18 : 0			
Br-2 (SL-4)	1	45150	18	48030	2	8	384.24	767.55
	2	45000	18	47880	2	8	383.04	765.15
	3	275 45150 275	18	48580	3	12	582.96	1164.51
	4	150 300 60	6	1020	261	1044	1064.88	236.35
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 236.4	Ø ≤ 18 : 2697.2	Ø > 18 : 0			
Br-2a (SL-2)	1	11950	16	12590	2	4	50.36	79.49
	2	3600	18	3600	3	6	21.6	43.15
	3	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	4	275 11950 225	16	13090	2	4	52.36	82.64
	5	275 1775	18	2050	1	2	4.1	8.19
	6	1800	18	1800	2	4	6.4	12.78
	7	2000	16	2000	1	2	4	6.31
	8	225 1325	16	1550	1	2	3.1	4.89
	9	150 300 60	6	1020	27	54	55.08	12.23
	10	150 250 60	6	920	43	86	79.12	17.56
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 29.8	Ø ≤ 18 : 245.7	Ø > 18 : 0			
Br-3 (SL-2)	1	10500	16	10500	2	4	42	66.29
	2	2900	16	2900	2	4	11.6	18.31
	3	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	4	225 10500 225	16	10950	2	4	43.8	69.13
	5	1150	16	1150	2	4	4.6	7.26
	6	2150	16	2150	1	2	4.3	6.79
	7	1700	16	1700	2	4	6.8	10.73
	8	2000	16	2000	1	2	4	6.31
	9	1500	16	1500	1	2	3	4.74
	10	150 250 60	6	920	61	122	112.24	24.91
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 24.9	Ø ≤ 18 : 197.8	Ø > 18 : 0			
Br-4 (SL-2)	1	10500	16	10500	2	4	42	66.29
	2	2200	16	2200	2	4	8.8	13.89
	3	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	4	225 10500 225	16	10950	2	4	43.8	69.13
	5	225 1125	16	1350	1	2	2.7	4.26
	6	2150	16	2150	1	2	4.3	6.79
	7	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	8	1500	16	1500	1	2	3	4.74
	9	150 250 60	6	920	57	114	104.88	23.28
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 23.3	Ø ≤ 18 : 180.7	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
Br-5 (SL-2)	1	4650	20	4650	2	4	18.6	45.87
	2	575 4650 575	20	5800	4	8	46.4	114.43
	3	150 600 100	10	1700	45	90	153	94.33
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 94.3	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 160.3			
Br-6 (SL-4)	1	9200	16	9200	2	8	73.6	116.17
	2	2300	16	2300	1	4	9.2	14.52
	3	2200	16	2200	1	4	8.8	13.89
	4	225 9200 225	16	9650	2	8	77.2	121.85
	5	1000	16	1000	1	4	4	6.31
	6	1900	16	1900	1	4	7.6	12.00
	7	2200	16	2200	1	4	8.8	13.89
	8	225 1125	16	1350	1	4	5.4	8.52
	9	150 250 60	6	920	53	212	195.04	43.29
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 43.3	Ø ≤ 18 : 307.1	Ø > 18 : 0			
Br-7 (SL-2)	1	6100	16	6100	2	4	24.4	38.51
	2	225 6100 225	16	6550	2	4	26.2	41.35
	3	1000	16	1000	1	2	2	3.16
	4	1900	16	1900	1	2	3.8	6.00
	5	150 250 60	6	920	36	72	66.24	14.70
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 14.7	Ø ≤ 18 : 89	Ø > 18 : 0			
Br-8 (SL-18)	1	600	16	600	2	36	21.6	34.09
	2	275 600 275	16	1150	3	54	62.1	98.01
	3	150 300 60	6	1020	3	54	55.08	12.23
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 12.2	Ø ≤ 18 : 132.1	Ø > 18 : 0			
Br-9 (SL-8)	1	6100	16	6100	2	16	97.6	154.05
	2	2300	16	2300	1	8	18.4	29.04
	3	225 6100 225	16	6550	2	16	104.8	165.41
	4	1000	16	1000	1	8	8	12.63
	5	1900	16	1900	1	8	15.2	23.99
	6	225 1225	16	1450	1	8	11.6	18.31
	7	150 250 60	6	920	36	288	264.96	58.81
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 58.8	Ø ≤ 18 : 403.4	Ø > 18 : 0			
Br-10 (SL-9)	1	2350	16	2350	3	18	42.3	66.76
	2	225 2350 225	16	2800	2	12	33.6	53.03
	3	150 250 60	6	920	14	84	77.28	17.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 17.2	Ø ≤ 18 : 119.8	Ø > 18 : 0			
Br-11 (SL-9)	1	2050	20	2050	3	15	30.75	75.83
	2	575 2050 575	20	3200	3	15	48	118.38
	3	250 600 100	10	1900	15	75	142.5	87.86
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 87.9	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 194.2			
Br-12 (SL-1)	1	16250	18	16970	3	3	50.91	101.70
	2	575 16250 575	18	18120	3	3	54.36	108.59
	3	150 600 60	6	1620	131	131	212.22	47.10
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 47.1	Ø ≤ 18 : 210.3	Ø > 18 : 0			
Br-13 (SL-2)	1	5200	18	5200	2	4	20.8	41.55
	2	5050	18	5050	2	4	20.2	40.35
	3	275 5200 275	18	5750	3	6	34.5	68.92
	4	150 300 60	6	1020	40	80	81.6	18.11
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 18.1	Ø ≤ 18 : 150.8	Ø > 18 : 0			
Br-14 (SL-1)	1	16250	20	17050	4	4	68.2	168.19
	2	5800	20	5800	4	4	23.2	57.21
	3	575 16250 575	20	18200	4	4	72.8	179.54
	4	3100	20	3100	8	8	24.8	61.16
	5	350 600 80	8	2060	99	99	203.94	80.47
	6	80 350 80	8	510	42	42	21.42	8.45
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 88.9	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 466.1			
Br-15 (SL-1)	1	32350	18	33790	2	2	67.58	135.00
	2	32200	18	33640	2	2	67.28	134.40
	3	275 32350 275	18	34340	3	3	103.02	205.79
	4	150 300 60	6	1020	267	267	272.34	60.45
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 60.4	Ø ≤ 18 : 475.2	Ø > 18 : 0			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 7282.8	Ø ≤ 18 : 19935	Ø > 18 : 20633.7			

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHỊ HẠN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 KCTT
Ngày 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.0974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
THỐNG KÊ ĐÀ (01/02)

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ: T.K.B.V.T.C KC - 45	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B0-1 (SL-4)	1	17250	20	18050	3	12	216.6	534.17
	2	3500	18	3500	2	8	28	55.93
	3	4300	18	4300	4	16	68.8	137.43
	4	425 17250 425	20	18900	3	12	226.8	559.32
	5	400 1450	18	1850	2	8	14.8	29.56
	6	2900	20	2900	3	12	34.8	85.82
	7	3100	20	3100	3	12	37.2	91.74
	8	400 1650	18	2050	2	8	16.4	32.76
	9	250 450 80	8	1580	161	644	1004.64	396.41
	10	80 250 80	8	410	23	92	37.72	14.86
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 411.3	Ø ≤ 18 : 255.7	Ø > 18 : 1271.1			
B0-2 (SL-4)	1	15250	20	16050	3	12	192.6	474.98
	2	3500	18	3500	6	24	84	167.80
	3	425 15250 425	20	16900	3	12	202.8	500.14
	4	400 1450	18	1850	4	16	29.6	59.13
	5	2700	20	2700	4	16	43.2	106.54
	6	250 450 80	8	1580	141	564	879.84	347.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 347.2	Ø ≤ 18 : 226.9	Ø > 18 : 1081.7			
B0-5 (SL-4)	1	9450	16	9450	3	12	113.4	178.98
	2	375 9450 375	16	10200	3	12	122.4	193.19
	3	150 400 60	6	1220	73	292	356.24	79.07
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 79.1	Ø ≤ 18 : 372.2	Ø > 18 : 0			
B0-2-2a,2b (SL-16)	1	1850	20	1850	2	32	59.2	146.00
	2	375 1850 375	20	2600	2	32	83.2	205.18
	3	150 400 80	8	1280	15	240	302.4	119.32
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 119.3	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 351.2			
B1-1 (SL-2)	1	12000	16	12640	2	4	50.56	79.80
	2	3600	18	3600	1	2	7.2	14.38
	3	425 12000 425	16	13490	2	4	53.96	85.17
	4	2800	18	2800	1	2	5.6	11.19
	5	425 1775	18	2200	1	2	4.4	8.79
	6	150 450 60	6	1320	70	140	184.8	41.02
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 41	Ø ≤ 18 : 199.3	Ø > 18 : 0			
B1-1a (SL-2)	1	40150	18	42310	2	4	169.24	338.07
	2	425 40150 425	18	43160	2	4	172.64	344.86
	3	150 450 60	6	1320	256	512	675.84	150.01
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 150	Ø ≤ 18 : 682.9	Ø > 18 : 0			
B1-1b (SL-2)	1	11950	16	12590	2	4	50.36	79.49
	2	3600	18	3600	1	2	7.2	14.38
	3	425 11950 425	16	13440	2	4	53.76	84.85
	4	425 1775	18	2200	1	2	4.4	8.79
	5	2050	18	2050	1	2	4.1	8.19
	6	150 450 60	6	1320	89	178	234.96	52.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 52.2	Ø ≤ 18 : 195.7	Ø > 18 : 0			
B1-2 (SL-4)	1	6950	16	6950	2	8	55.6	87.76
	2	2800	16	2800	1	4	10.4	16.41
	3	2200	16	2200	1	4	8.8	13.89
	4	225 6950 225	16	7400	2	8	59.2	93.44
	5	225 1325	16	1550	1	4	6.2	9.79
	6	1800	16	1800	2	8	14.4	22.73
	7	225 1175	16	1400	1	4	5.6	8.84
	8	150 250 60	6	920	37	148	136.16	30.22
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 30.2	Ø ≤ 18 : 252.8	Ø > 18 : 0			
B1-3 (SL-9)	1	49150	18	52030	2	12	624.36	1247.21
	2	3600	18	3600	1	6	21.6	43.15
	3	3600	16	3600	8	48	172.8	272.74
	4	2800	16	2800	1	6	16.8	26.52
	5	325 49150 325	18	52680	2	12	632.16	1262.79
	6	325 1775	16	2100	1	6	12.6	19.89
	7	3400	18	3400	1	6	20.4	40.75
	8	3400	16	3400	7	42	142.8	225.39
	9	3050	16	3050	1	6	18.3	28.88
	10	325 1425	16	1750	1	6	10.5	16.57
	11	150 350 60	6	1120	343	2058	2304.96	511.59
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 511.6	Ø ≤ 18 : 3183.9	Ø > 18 : 0			
B1-4 (SL-4)	1	7950	16	7950	2	8	63.6	100.38
	2	2800	16	2800	1	4	10.4	16.41
	3	225 7950 225	16	8400	2	8	67.2	106.06
	4	1450	16	1450	1	4	5.8	9.15
	5	2000	16	2000	1	4	8	12.63
	6	225 1325	16	1550	1	4	6.2	9.79
	7	150 250 60	6	920	42	168	154.56	34.31
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 34.3	Ø ≤ 18 : 254.4	Ø > 18 : 0			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B1-5 (SL-2)	1	12550	18	13270	2	4	53.08	106.03
	2	4400	18	4400	1	2	8.8	17.58
	3	425 12550 425	18	14120	2	4	56.48	112.82
	4	3500	18	3500	1	2	7	13.98
	5	2800	18	2800	1	2	5.6	11.19
	6	150 450 60	6	1320	80	160	211.2	46.88
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 46.9	Ø ≤ 18 : 281.8	Ø > 18 : 0			
B1-6 (SL-2)	1	6950	18	6950	2	4	27.8	55.53
	2	3600	18	3600	1	2	7.2	14.38
	3	425 6950 425	18	7800	2	4	31.2	62.32
	4	425 3575	18	4000	1	2	8	15.98
	5	3150	18	3150	2	4	12.6	25.17
	6	425 1775	18	2200	1	2	4.4	8.79
	7	150 450 60	8	1360	16	32	43.52	17.17
	8	150 450 60	6	1320	31	62	81.84	18.16
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 35.3	Ø ≤ 18 : 182.2	Ø > 18 : 0			
B1-7 (SL-4)	1	19350	18	20070	2	8	160.56	320.73
	2	3600	18	3600	1	4	14.4	28.77
	3	4400	18	4400	4	16	70.4	140.63
	4	425 19350 425	18	20920	2	8	167.36	334.32
	5	425 1775	18	2200	1	4	8.8	17.58
	6	3750	18	3750	1	4	15	29.96
	7	2850	18	2850	2	8	22.8	45.54
	8	4100	18	4100	1	4	16.4	32.76
	9	3100	18	3100	2	8	24.8	49.54
	10	2800	18	2800	1	4	11.2	22.37
	11	2150	18	2150	2	8	17.2	34.36
	12	150 450 60	6	1320	129	516	681.12	151.18
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 151.2	Ø ≤ 18 : 1056.6	Ø > 18 : 0			
B1-7a (SL-2)	1	19400	18	20120	3	6	120.72	241.15
	2	425 19400 425	18	20970	3	6	125.82	251.34
	3	150 450 60	6	1320	130	260	343.2	76.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 76.2	Ø ≤ 18 : 492.5	Ø > 18 : 0			
B1-8 (SL-2)	1	1950	18	1950	2	4	7.8	15.58
	2	425 1950 425	18	2800	3	6	16.8	33.56
	3	400 1900	18	2300	2	4	9.2	18.38
	4	150 450 60	8	1360	16	32	43.52	17.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 17.2	Ø ≤ 18 : 67.5	Ø > 18 : 0			
B1-9 (SL-9)	1	6950	18	6950	3	15	104.25	208.25
	2	3500	18	3500	2	10	35	69.92
	3	425 6950 425	18	7800	3	15	117	233.72
	4	3250	18	3250	3	15	48.75	97.38
	5	400 1350	18	1750	2	10	17.5	34.96
	6	250 450 80	8	1550	15	75	117	46.17
	7	250 450 60	6	1520	31	155	235.6	52.29
	8	80 250 80	8	410	12	60	24.6	9.71
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 108.2	Ø ≤ 18 : 644.2	Ø > 18 : 0			
B1-10 (SL-2)	1	8800	18	8800	2	4	35.2	70.31
	2	425 8800 425	18	9650	2	4	38.6	77.11
	3	2200	18	2200	1	2	4.4	8.79
	4	1700	18	1700	2	4	6.8	13.58
	5	150 450 60	6	1320	34	68	89.76	19.92
	6	150 450 80	8	1360	29	58	78.88	31.12
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 51	Ø ≤ 18 : 169.8	Ø > 18 : 0			
B1-11 (SL-1)	1	21150	18	21970	2	2	43.74	87.37
	2	425 21150 425	18	22720	2	2	45.44	90.77
	3	150 450 60	6	1320	130	130	171.6	38.09
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 38.1	Ø ≤ 18 : 178.1	Ø > 18 : 0			
B1-12 (SL-2)	1	5200	18	5200	2	4	20.8	41.55
	2	3550	18	3550	2	4	14.2	28.37
	3	425 5200 425	18	6050	2	4	24.2	48.34
	4	425 1775	18	2200	1	2	4.4	8.79
	5	425 1875	18	2300	1	2	4.6	9.19
	6	150 450 60	6	1320	31	62	81.84	18.16
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 18.2	Ø ≤ 18 : 136.2	Ø > 18 : 0			
B1-13 (SL-1)	1	16250	20	17050	4	4	68.2	168.19
	2	5800	20	5800	4	4	23.2	57.21
	3	575 16250 575	20	18200	4	4	72.8	179.54
	4	3100	20	3100	8	8	24.8	61.16
	5	2000	14	2000	4	4	8	9.67
	6	3400	14	3400	2	2	6.8	8.22
	7	350 600 80	8	2060	107	107	220.42	86.97
	8	80 350 80	8	510	42	42	21.42	8.45
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 95.4	Ø ≤ 18 : 17.9	Ø > 18 : 466.1			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

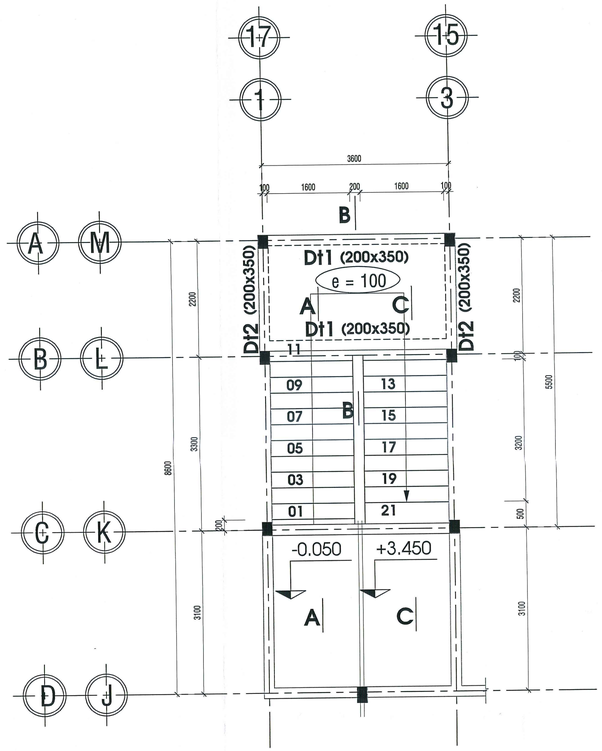
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B1-14 (SL-4)	1	8750	16	8750	2	8	70	110.48
	2	225 8750 225	16	9200	2	8	73.6	116.17
	3	1900	16	1900	1	4	7.6	12.00
	4	2200	16	2200	1	4	8.8	13.89
	5	150 250 60	6	920	50	200	184	40.84
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 40.8	Ø ≤ 18 : 252.5	Ø > 18 : 0			
B1-15 (SL-1)	1	26150	16	27430	2	2	54.86	86.59
	2	3550	16	3550	2	2	7.1	11.21
	3	2800	16	2800	4	4	11.2	17.68
	4	325 26150 325	16	28080	2	2	56.16	88.64
	5	325 1775	16	2100	2	2	4.2	6.63
	6	2400	16	2400	4	4	9.6	15.15
	7	2800	16	2800	3	3	8.4	13.26
	8	150 350 60	6	1120	178	178	199.36	44.25
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 44.2	Ø ≤ 18 : 239.1	Ø > 18 : 0			
B1-16 (SL-2)	1	2350	16	2350	2	40	94	148.36
	2	6550	18	6550	2	40	262	523.37
	3	4600	18	4600	3	60	276	551.33
	4	225 8750 425	18	9400	2	40	376	751.09
	5	2900	18	2900	1	20	58	115.86
	6	2250	18	2250	2	40	90	179.78
	7	425 1700	18	2100	2	40	84	167.80
	8	150 250 60	6	920	14	280	257.6	57.18
	9	150 450 60	6	1320	45	900	1188	263.68
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 320.9	Ø ≤ 18 : 2437.6	Ø > 18 : 0			
B1-17 (SL-1)	1	26150	16	27430	2	2	54.86	86.59
	2	3950	16	3950	2	2	7.9	12.47
	3	3550	16	3550	2	2	7.1	11.21
	4	3600	16	3600	1	1	3.6	5.68
	5	325 26150 325	16	28080	2	2	56.16	88.64
	6	300 1450	16	1750	4	4	7	11.05
	7	2800	16	2800	4	4	11.2	17.68
	8	3400	16	3400	2	2	6.8	10.73
	9	325 1925	16	2250	1	1	2.25	3.55
	10	150 350 60	6	1120	169	169	189.28	42.01
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 42	Ø ≤ 18 : 247.6	Ø > 18 : 0			
B1-18 (SL-2)	1	5700	16	5700	2	4	22.8	35.99
	2	225 5700 225	16	6150	2	4	24.6	38.83
	3	1950	16	1950	1	2	3.9	6.16
	4	150 250 60	6	920	31	62	57.04	12.66
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 12.7	Ø ≤ 18 : 81	Ø > 18 : 0			
B1-19 (SL-2)	1	9300	16	9300	2	4	37.2	58.71
	2	2250	16	2250	1	2	4.5	7.10
	3	225 9300 225	16	9750	2	4	39	61.56
	4	1950	16	1950	1	2	3.9	6.16
	5	2350	16	2350	1	2	4.7	7.42
	6	150 250 60	6	920	50	100	92	20.42
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 20.4	Ø ≤ 18 : 140.9	Ø > 18 : 0			
B1-20 (SL-1)	1	25150	16	26430	2	2	52.86	83.43
	2	3600	16	3600	5	5	18	28.41
	3	425 25150 425	16	27280	2	2	54.56	86.11
	4	425 1775	16	2200	2	2	4.4	6.94
	5	2600	16	2600	4	4	10.4	16.41
	6	3400	16	3400	2	2	6.8	10.73
	7	150 450 60	6	1320	155	155	204.6	45.41
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 45.4	Ø ≤ 18 : 232	Ø > 18 : 0			
B1-21 (SL-2)	1	9250	18	9250	2	4	37	73.91
	2	425 9250 425	18	10100	2	4	40.4	80.70
	3	150 450 60	6	1320	58	116	153.12	33.99
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 34	Ø ≤ 18 : 154.6	Ø > 18 : 0			
B1-22 (SL-2)	1	32350	18	33790	2	4	135.16	269.99
	2	3600	16	3600	5	10	36	56.82
	3	425 32350 425	18	34640	2	4	138.56	276.78
	4	2950	16	2950	2	4	11.8	18.62
	5	3400	16	3400	4	8	27.2	42.93
	6	150 450 60	6	1320	201	402	530.64	117.78
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 117.8	Ø ≤ 18 : 665.2	Ø > 18 : 0			
B1-22a (SL-1)	1	32350	18	33790	2	2	67.58	135.00
	2	425 32350 425	18	34640	2	2	69.28	138.39
	3	150 450 60	6	1320	201	201	265.32	58.89
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 58.9	Ø ≤ 18 : 273.4	Ø > 18 : 0			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 3150.9	Ø ≤ 18 : 13554.5	Ø > 18 : 3170			

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B0-1 (SL-9)	1	50250	20	53450	3	18	962.1	2372.68
	2	3500	20	3500	22	132	462	1139.36
	3	425 50250 425	20	54300	3	18	977.4	2410.42
	4	400 1450	20	1850	4	24	44.4	109.50
	5	2700	20	2700	20	120	324	799.03
	6	250 450 80	8	1560	350	2100	3276	1292.86
	7	80 250 80	8	410	46	276	113.16	44.65
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 1337.3	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 6831			
B0-2 (SL-11)	1	26250	20	27850	3	33	919.05	2266.52
	2	3900	20	3900	6	66	257.4	634.79
	3	3500	20	3500	6	66	231	569.68
	4	425 26250 425	20	28700	3	33	947.1	2335.69
	5	400 1550	20	1950	4	44	85.8	211.60
	6	2800	20	2800	6	66	184.8	455.74
	7	2700	20	2700	4	44	118.8	292.98
	8	250 450 80	8	1560	181	1991	3105.96	1225.55
	9	80 250 80	8	410	48	528	216.48	85.42
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 1311	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 6767			
B0-3 (SL-8)	1	12250	20	13050	3	18	234.9	579.30
	2	4300	20	4300	6	36	154.8	381.76
	3	425 12250 425	20	13900	3	18	250.2	617.03
	4	400 1650	20	2050	4	24	49.2	121.33
	5	3100	20	3100	3	18	55.8	137.61
	6	250 450 80	8	1560	84	504	786.24	310.24
	7	80 250 80	8	410	42	252	103.32	40.77
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 351	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 1837			
B0-4 (SL-3)	1	25250	20	26850	3	9	241.65	595.95
	2	3500	20	3500	10	30	105	258.95
	3	425 25250 425	20	27700	3	9	249.3	614.81
	4	400 1450	20	1850	4	12	22.2	54.75
	5	2700	20	2700	8	24	64.8	159.81
	6	250 450 80	8	1560	175	525	819	323.16
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 323.2	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 1694.3			
B2-1 (SL-4)	1	6950	16	6950	2	8	55.6	87.76
	2	2600	16	2600	1	4	10.4	16.41
	3	2200	16	2200	1	4	8.8	13.89
	4	225 6950 225	16	7400	2	8	59.2	93.44
	5	225 1325	16	1550	1	4	6.2	9.79
	6	1800	16	1800	2	8	14.4	22.73
	7	225 1175	16	1400	1	4	5.6	8.84
	8	150 250 60	6	920	39	156	143.52	31.85
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 31.9	Ø ≤ 18 : 252.8	Ø > 18 : 0			
B2-1a (SL-2)	1	6950	16	6950	2	4	27.8	43.88
	2	2600	16	2600	1	2	5.2	8.21
	3	225 6950 225	16	7400	2	4	29.6	46.72
	4	2000	16	2000	1	2	4	6.31
	5	225 1325	16	1550	1	2	3.1	4.89
	6	150 250 60	6	920	39	78	71.76	15.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 15.9	Ø ≤ 18 : 110	Ø > 18 : 0			
B2-2 (SL-2)	1	50150	18	53030	2	4	212.12	423.73
	2	3600	16	3600	12	24	86.4	136.37
	3	325 50150 325	18	53880	2	4	214.72	428.92
	4	325 1775	16	2100	1	2	4.2	6.63
	5	2800	16	2800	4	8	20.8	32.83
	6	3400	16	3400	8	16	54.4	85.86
	7	300 1350	16	1650	2	4	6.6	10.42
	8	150 350 60	6	1120	310	620	694.4	154.12
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 154.1	Ø ≤ 18 : 1124.8	Ø > 18 : 0			
B2-2a (SL-2)	1	50150	16	52710	3	6	316.26	499.16
	2	325 50150 325	16	53380	3	6	320.16	505.32
	3	150 350 60	6	1120	415	830	929.6	206.33
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 206.3	Ø ≤ 18 : 1004.5	Ø > 18 : 0			

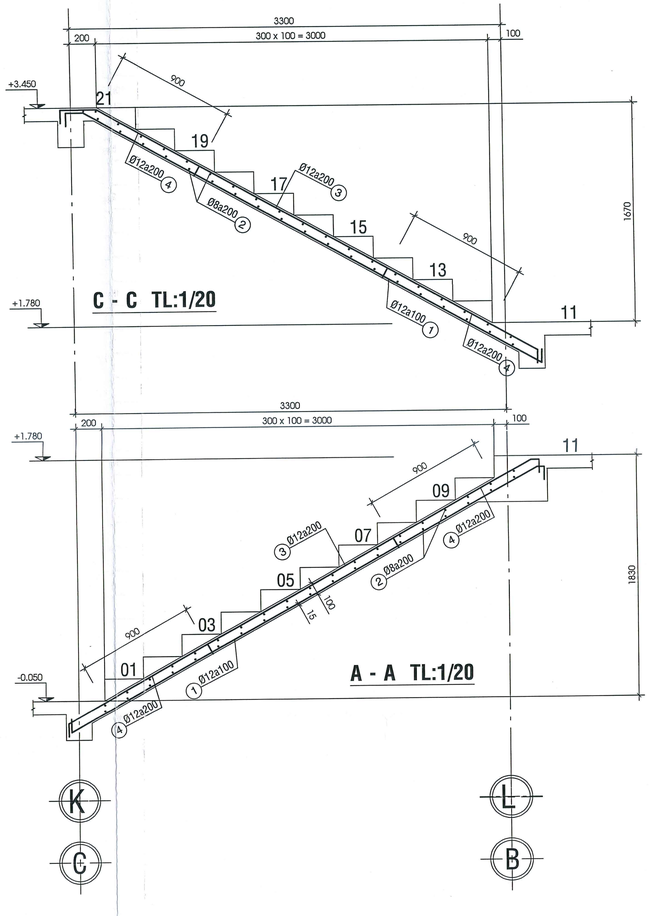
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

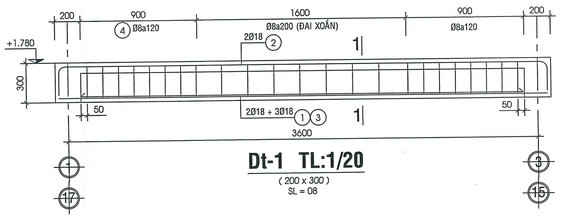
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
B2-3 (SL-7)	1	3350	18	3350	2	4	13.4	26.77
	2	49150	16	51710	2	4	206.84	326.46
	3	4350	16	4350	2	4	17.4	27.46
	4	2200	16	2200	1	2	4.4	6.94
	5	3600	18	3600	18	36	129.6	258.89
	6	2800	16	2800	1	2	5.6	8.84
	7	225 56550 225	16	60600	2	4	242.4	484.21
	8	225 1175	16	1400	1	2	2.8	4.42
	9	2150	18	2150	2	4	8.6	17.18
	10	2600	18	2600	16	32	83.2	166.20
	11	2350	18	2350	2	4	9.4	18.78
	12	2050	18	2050	1	2	4.1	8.19
	13	1450	16	1450	1	2	2.9	4.58
	14	150 250 60	6	920	46	92	84.64	18.79
	15	150 350 60	6	1120	325	650	728	161.58
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 180.4	Ø ≤ 18 : 1358.9	Ø > 18 : 0			
B2-4 (SL-2)	1	49150	18	52030	2	4	208.12	415.74
	2	7950	16	7950	2	4	31.8	50.19
	3	3600	18	3600	9	18	64.8	129.44
	4	2800	16	2800	1	2	5.6	8.84
	5	2600	16	2600	2	4	10.4	16.41
	6	325 56950 225	18	61100	2	4	244.4	488.21
	7	300 1350	18	1650	2	4	6.6	13.18
	8	3400	18	3400	1	2	6.8	13.58
	9	2600	18	2600	16	32	83.2	166.20
	10	2350	18	2350	2	4	9.4	18.78
	11	2050	18	2050	1	2	4.1	8.19
	12	1450	16	1450	1	2	2.9	4.58
	13	2000	16	2000	1	2	4	6.31
	14	225 1325	16	1550	1	2	3.1	4.89
	15	150 350 60	6	1120



MB CẦU THANG TRỆT -> LẦU 1

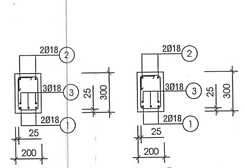
TL:1/100

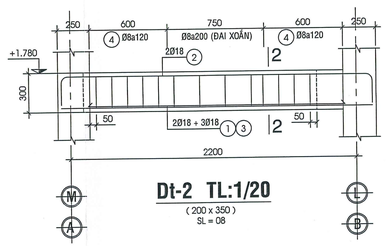




Dt-1 TL:1/20

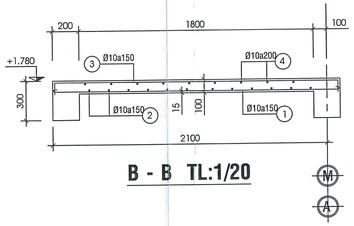
(200 x 300)
SL = 08





Dt-2 TL:1/20

(200 x 350)
SL = 08



B - B TL:1/20

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
BẢN THANG (SL: T1,T2,T3,T4)	1	100 | 4100 | 100	12	4300	32	128	550.4	488.65
	2	1600	8	1600	40	160	256	101.01
	3	100 | 4100 | 100	12	4300	14	56	240.8	213.79
	4	100 | 1300 | 100	12	1500	28	112	168	149.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 101	Ø ≤ 18 : 851.6	Ø > 18 : 0			
CHIẾU NGHỈ (SL: T1,T2,T3,T4)	1	80 | 2200 | 80	10	2360	25	100	236	145.50
	2	80 | 3600 | 80	10	3760	12	48	180.48	111.27
	3	85 | 2200 | 85	10	2370	25	100	237	146.12
	4	85 | 3600 | 85	10	3770	10	40	150.8	92.97
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 495.9	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 0			
Dt-1 (SL: 8)	1	3750	18	3750	3	24	[illegible]	179.78
	2	250 | 3750 | 250	18	4250	2	16	68	135.84
	3	3400	18	3400	2	16	54.4	108.67
	4	150 | 250 | 80	8	960	24	192	184.32	72.73
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 72.7	Ø ≤ 18 : 424.3	Ø > 18 : 0			
Dt-2 (SL: 8)	1	2350	18	2350	3	24	56.4	112.66
	2	250 | 2350 | 250	18	2850	2	16	45.6	91.09
	3	2000	18	2000	2	16	32	63.92
	4	150 | 250 | 80	8	960	13	104	99.84	39.40
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 39.4	Ø ≤ 18 : 267.7	Ø > 18 : 0			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 709	Ø ≤ 18 : 1543.6	Ø > 18 : 0			

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẢN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 KCT
Ngày 19 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN DTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 20 26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :
PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

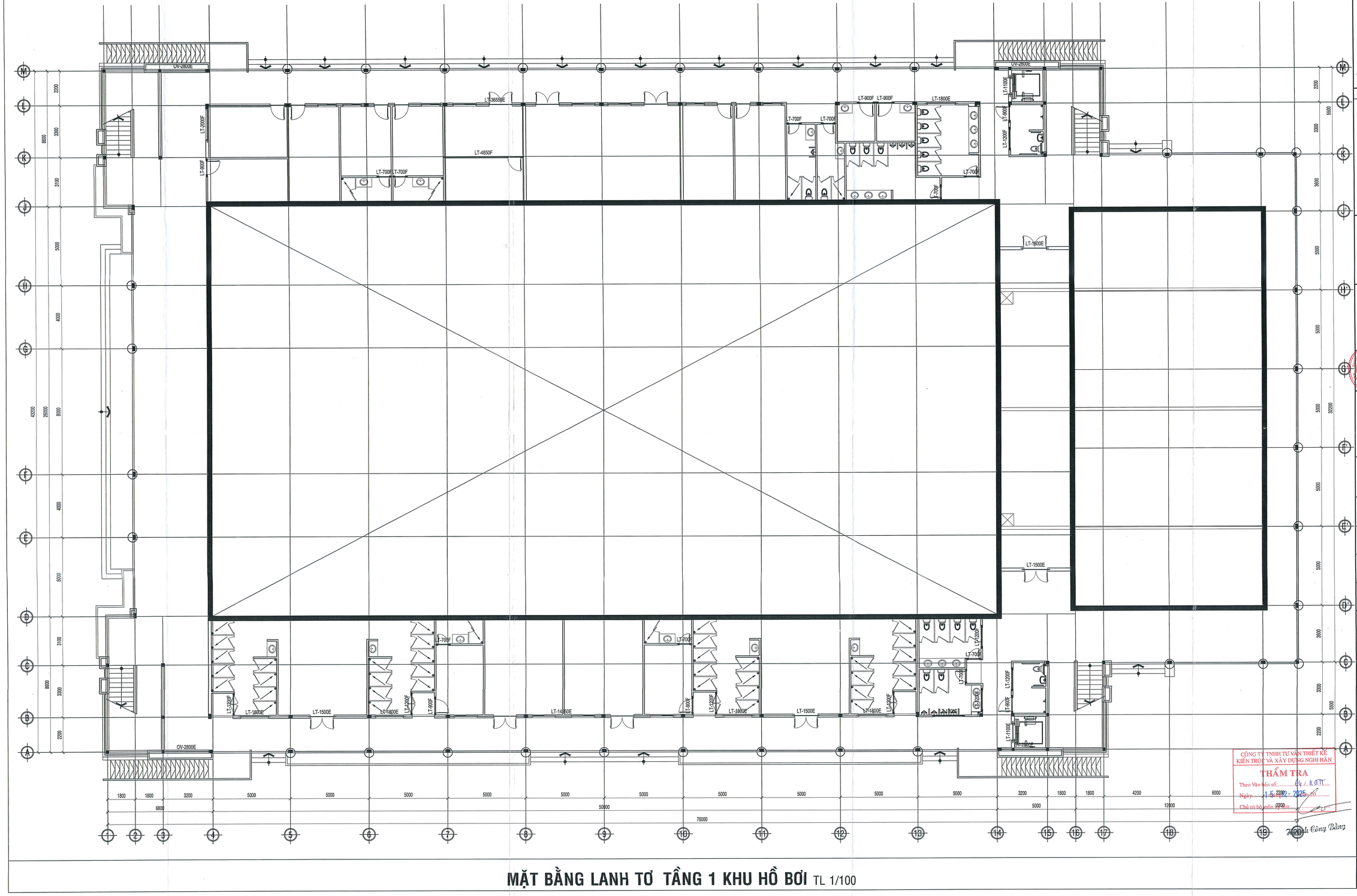
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
KẾT CẤU CẦU THANG

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 47	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



MẶT BẰNG LANH TƠ TẦNG 1 KHU HỒ BƠI TL 1/100

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN
(NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

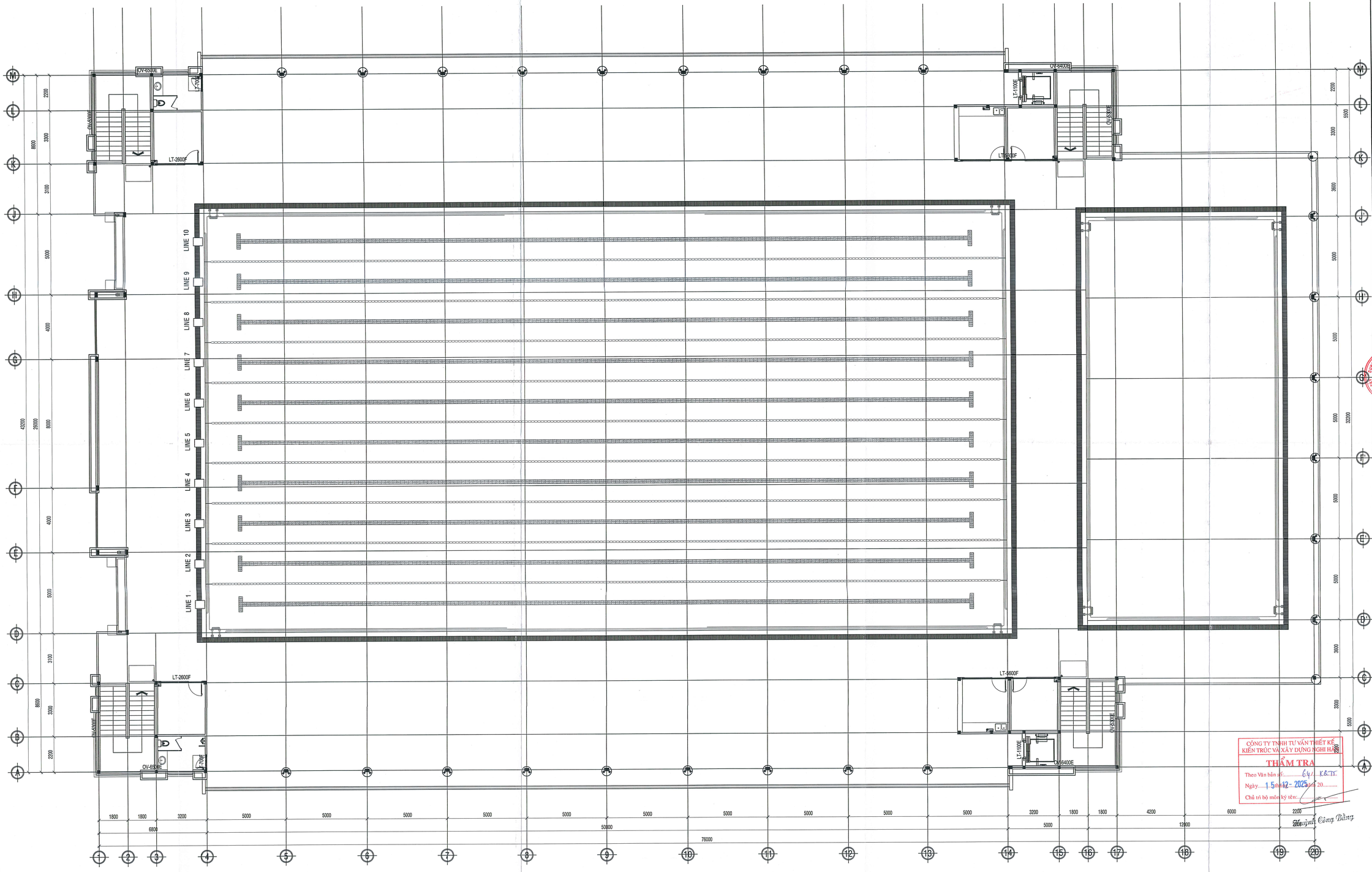
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MB LANH TÔ TẦNG 1

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 48	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÂN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 44 / KTT
Ngày 11 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Nguyễn Công Bằng



THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 07 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 13 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM
VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - F.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
MB LANH TÔ TẦNG 2

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 49	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẢI
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 /K.S.T.T
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

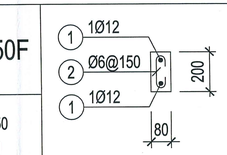
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
LT-700F (SL:12)	1	950	10	950	2	24	22.8	14.06
	2	60 50 60	6	170	8	96	16.32	3.62
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 17.7 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-900F (SL:7)	1	1150	10	1150	2	14	16.1	9.93
	2	60 50 60	6	170	9	63	10.71	2.38
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 12.3 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-1100E (SL:4)	1	1350	10	1350	2	8	10.8	6.66
	2	60 130 60	6	250	10	40	10	2.22
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 8.9 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-1200F (SL:8)	1	1450	10	1450	2	16	23.2	14.30
	2	60 150 60	6	270	11	88	23.76	5.27
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 19.6 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-1500E (SL:4)	1	1750	10	1750	4	16	28	17.26
	2	130 150 60	6	680	13	52	35.36	7.85
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 25.1 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-1800F (SL:1)	1	2050	10	2050	2	2	4.1	2.53
	2	60 150 60	6	270	15	15	4.05	0.90
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 3.4 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-1800E (SL:5)	1	2050	10	2050	4	20	41	25.28
	2	130 150 60	6	680	15	75	51	11.32
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 36.6 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
LT-2000F (SL:1)	1	2250	12	2250	2	2	4.5	4.00
	2	60 150 60	6	270	16	16	4.32	0.96
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 1 Ø ≤ 18 : 4 Ø > 18 : 0							
LT-2600F (SL:2)	1	2850	12	2850	2	4	11.4	10.12
	2	60 150 60	6	270	20	40	10.8	2.40
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 2.4 Ø ≤ 18 : 10.1 Ø > 18 : 0							

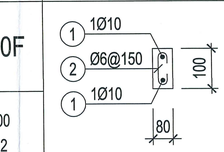
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
LT-36550E (SL:1)	1	36800	12	38240	4	4	152.96	135.80
	2	130 150 60	6	680	247	247	167.96	37.28
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 37.3 Ø ≤ 18 : 135.8 Ø > 18 : 0							
LT-14250E (SL:1)	1	14500	12	14980	4	4	59.92	53.20
	2	130 150 60	6	680	98	98	66.64	14.79
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 14.8 Ø ≤ 18 : 53.2 Ø > 18 : 0							
LT-5600F (SL:2)	1	5850	12	5850	2	4	23.4	20.77
	2	60 150 60	6	270	40	80	21.6	4.79
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4.8 Ø ≤ 18 : 20.8 Ø > 18 : 0							
LT-4850F (SL:1)	1	5100	12	5100	2	2	10.2	9.06
	2	60 150 60	6	270	35	35	9.45	2.10
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 2.1 Ø ≤ 18 : 9.1 Ø > 18 : 0							
OV-6400E (SL:2)	1	6650	12	6650	4	8	53.2	47.23
	2	130 150 60	6	680	46	92	62.56	13.89
	3	55 630 55	12	740	46	92	68.08	60.44
	4	80 6650 80	8	6810	3	6	40.86	16.12
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 30 Ø ≤ 18 : 107.7 Ø > 18 : 0							
OV-6500E (SL:2)	1	6750	12	6750	4	8	54	47.94
	2	130 150 60	6	680	46	92	62.56	13.89
	3	55 630 55	12	740	46	92	68.08	60.44
	4	80 6750 80	8	6910	3	6	41.46	16.36
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 30.2 Ø ≤ 18 : 108.4 Ø > 18 : 0							
OV-5300E (SL:4)	1	5550	12	5550	4	16	88.8	78.84
	2	130 150 60	6	680	38	152	103.36	22.94
	3	55 630 55	12	740	38	152	112.48	99.86
	4	80 5550 80	8	5710	3	12	68.52	27.04
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 50 Ø ≤ 18 : 178.7 Ø > 18 : 0							
OV-2800E (SL:4)	1	3050	12	3050	4	16	48.8	43.33
	2	130 150 60	6	680	22	88	59.84	13.28
	3	55 630 55	12	740	22	88	65.12	57.81
	4	80 3050 80	8	3210	3	12	38.52	15.20
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 28.5 Ø ≤ 18 : 101.1 Ø > 18 : 0							

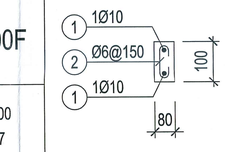
LT-4850F
L = 5150
SL = 1



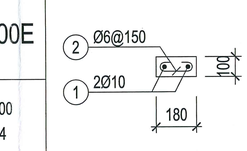
LT-700F
L = 1000
SL = 12



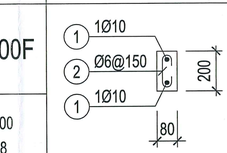
LT-900F
L = 1200
SL = 7



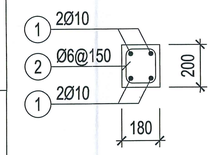
LT-1100E
L = 1400
SL = 4



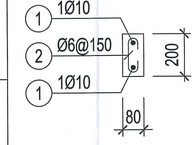
LT-1200F
L = 1500
SL = 8



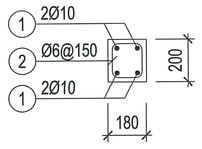
LT-1500E
L = 1800
SL = 4



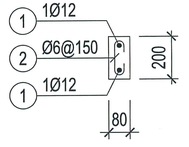
LT-1800F
L = 2100
SL = 1



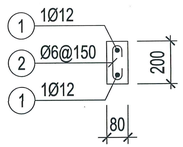
LT-1800E
L = 2100
SL = 5



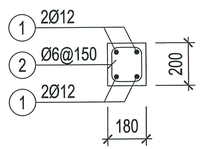
LT-2000F
L = 2300
SL = 1



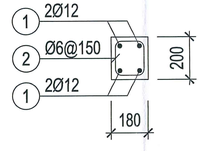
LT-2600F
L = 2900
SL = 2



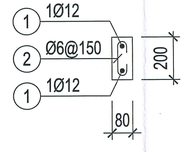
LT-36550E
L = 36850
SL = 1

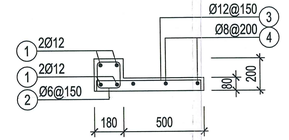


LT-14250E
L = 14550
SL = 1

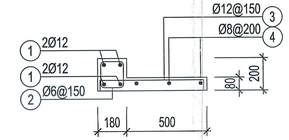


LT-5600F
L = 5900
SL = 2

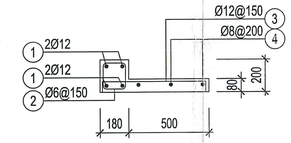




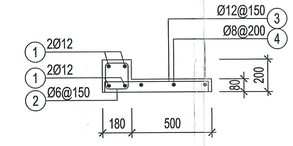
OV-6400E
(L = 6700; SL = 2)



OV-6500E
(L = 6800; SL = 2)



OV-5300E
(L = 5600; SL = 4)



OV-2800E
(L = 3100; SL = 4)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 44 / CCTT
Ngày: 15 - 12 - 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC
QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP.HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

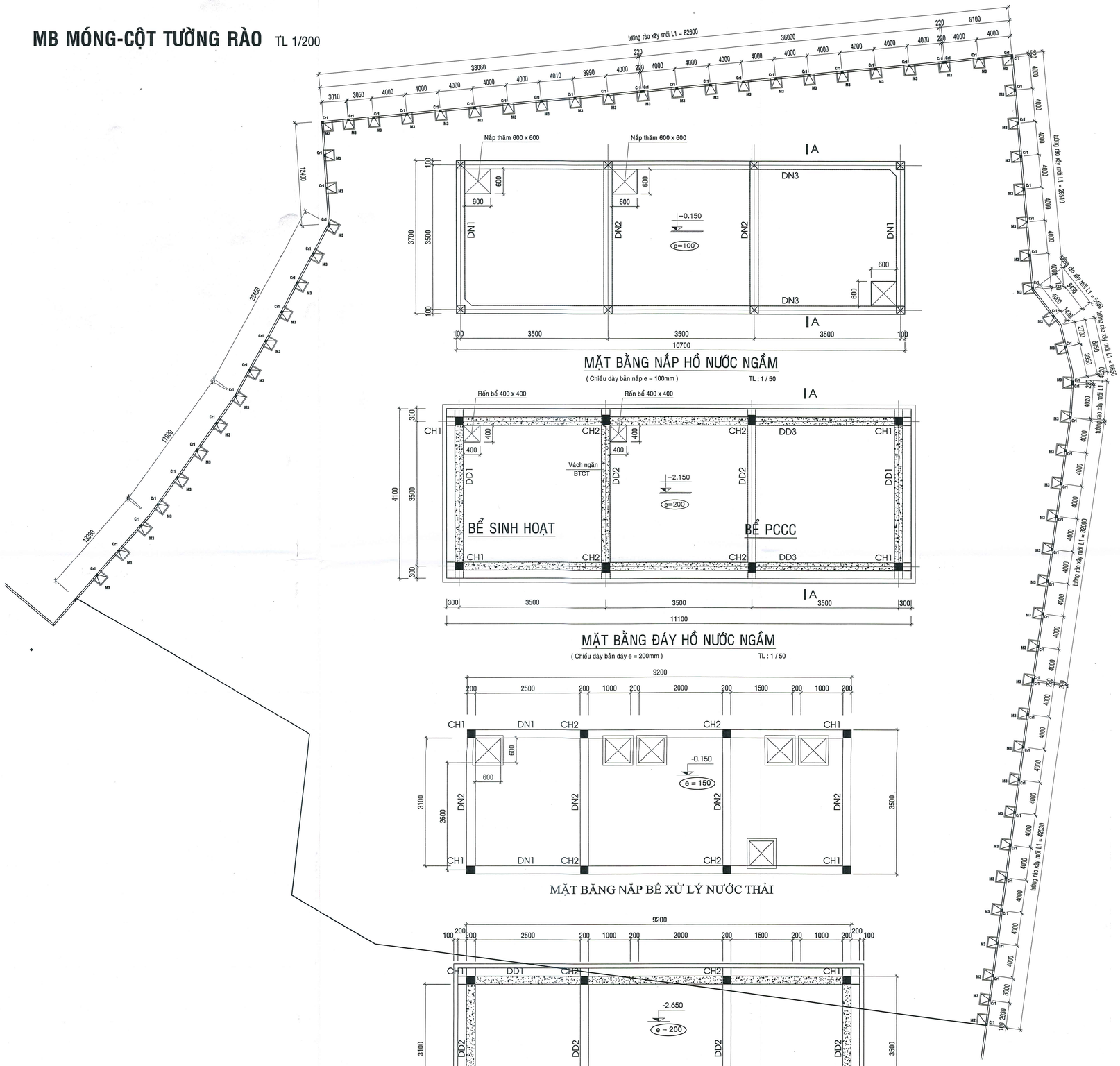
HẠNG MỤC:
CÔNG TRÌNH CHÍNH

TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT LANH TÔ

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 50	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

MB MÓNG-CỘT TƯỜNG RÀO TL 1/200



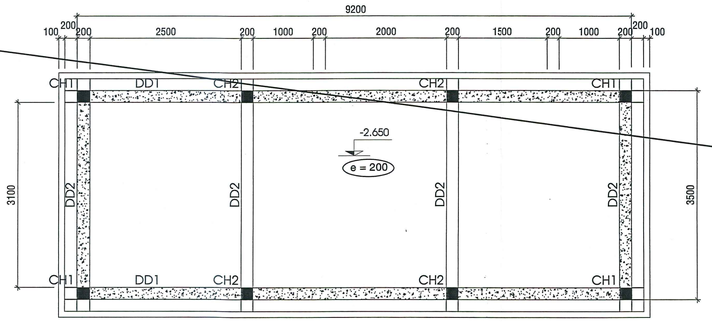
MẶT BẰNG NẮP HỒ NƯỚC NGẦM

(Chiều dày bản nắp e = 100mm) TL : 1 / 50

MẶT BẰNG ĐÁY HỒ NƯỚC NGẦM

(Chiều dày bản đáy e = 200mm) TL : 1 / 50

MẶT BẰNG NẮP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



MẶT BẰNG ĐÁY BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẬN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 64/ CCIT

Ngày 15 tháng 12 năm 2025

Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT

Ngày 12 Tháng 01 Năm 20 26

Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)

ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM

ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM

ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

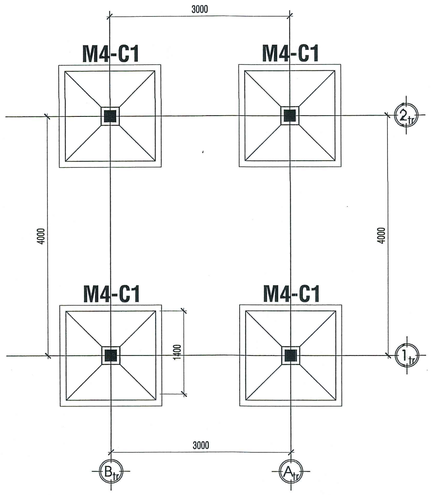
HẠNG MỤC PHỤ

TÊN BẢN VẼ:

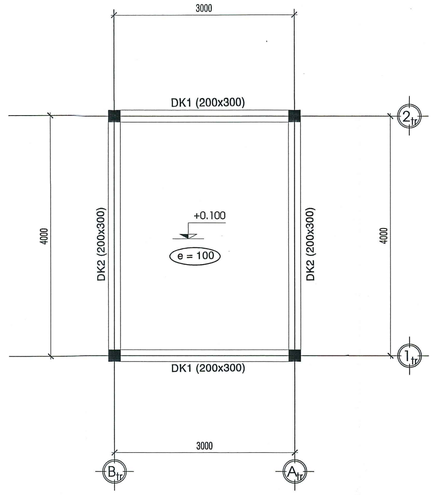
KẾT CẤU TƯỜNG RÀO XÂY MỚI

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 51	TỔNG SỐ: 57

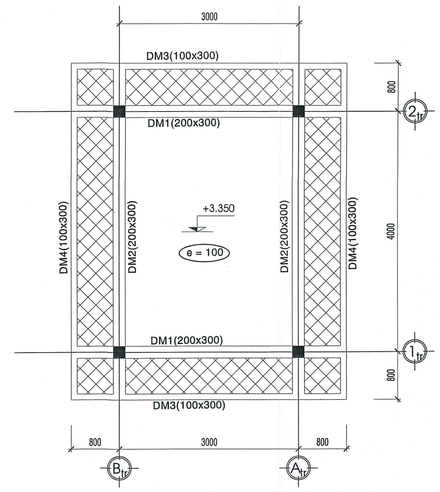
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



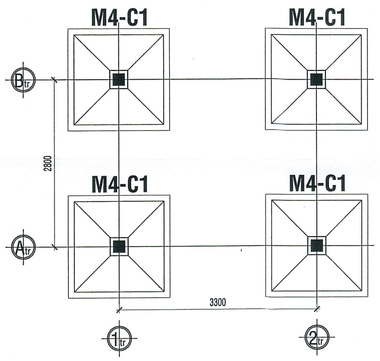
MẶT BẰNG TRẠM KỸ THUẬT TL 1/50



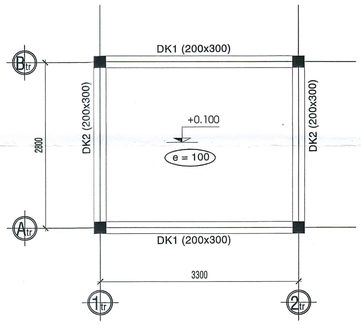
MẶT BẰNG TRỆT TRẠM KỸ THUẬT TL 1/50



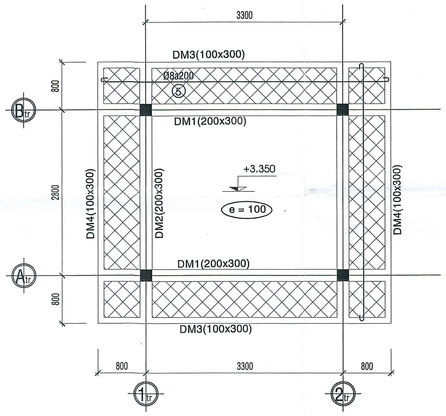
MẶT BẰNG MÁI TRẠM KỸ THUẬT TL 1/50



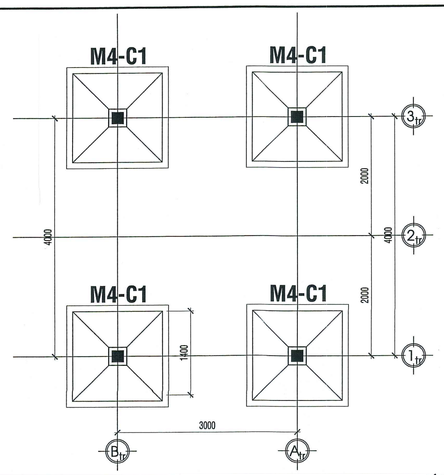
MB NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL 1/50



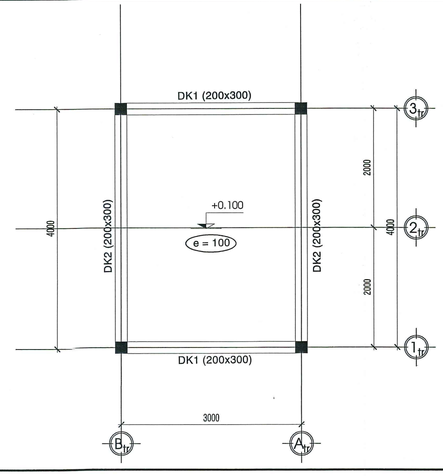
MB TRỆT NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL 1/50



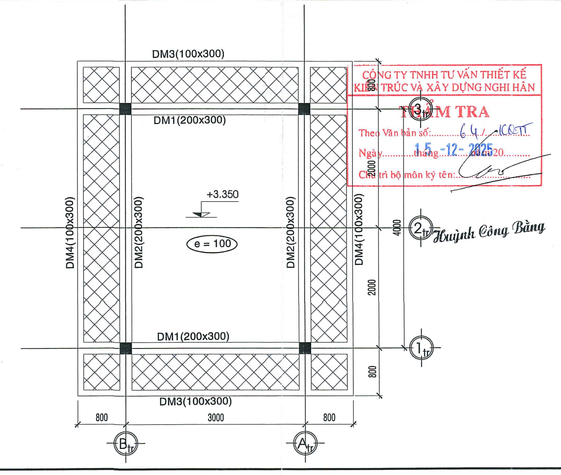
MB MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL 1/50



MẶT BẰNG NHÀ RÁC TL 1/50



MẶT BẰNG TRỆT NHÀ RÁC TL 1/50



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HẢN
KIỂM TRA
Theo Văn bản số: 64 /CKĐT
Ngày 15 - 12 - 2025
Chuẩn bị môn ký tên:
Huỳnh Công Bằng

MẶT BẰNG MÁI NHÀ RÁC TL 1/50

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC:
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ :
KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU :
KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU :
KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT:
KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

HẠNG MỤC PHỤ

TÊN BẢN VẼ:

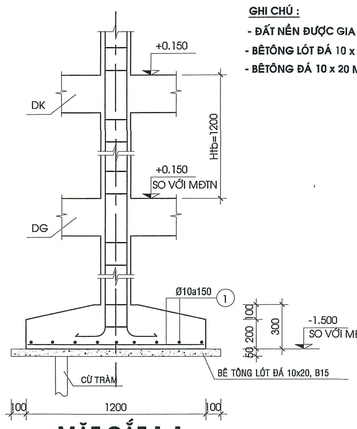
KẾT CẤU TRẠM KỸ THUẬT
KẾT CẤU NHÀ ĐIỀU HÀNH XLNT
KẾT CẤU NHÀ RÁC

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 52	TỔNG SỐ: 57

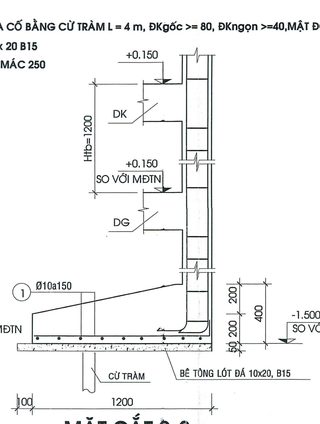
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

GHI CHÚ :

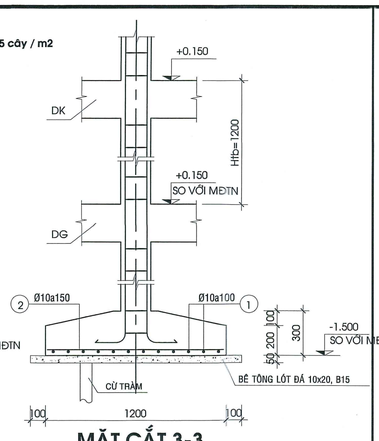
- ĐẤT NỀN ĐƯỢC GIA CỐ BẰNG CỪ TRÀM L = 4 m, ĐKgốc >= 80, ĐKngọn >=40,MẬT ĐỘ 25 cây / m2
- BÊTÔNG LÓT ĐÁ 10 x 20 B15
- BÊTÔNG ĐÁ 10 x 20 MÁC 250



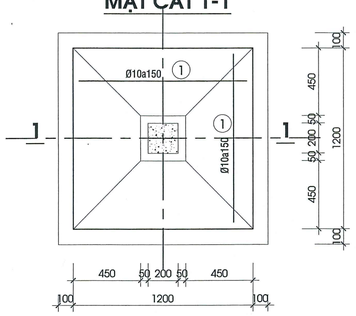
MẶT CẮT 1-1



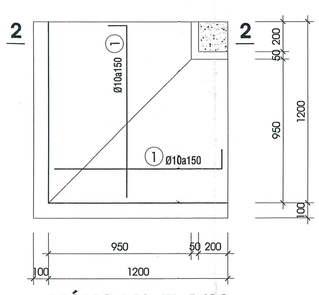
MẶT CẮT 2-2



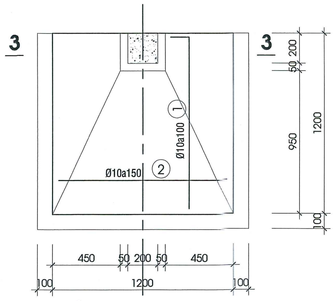
MẶT CẮT 3-3



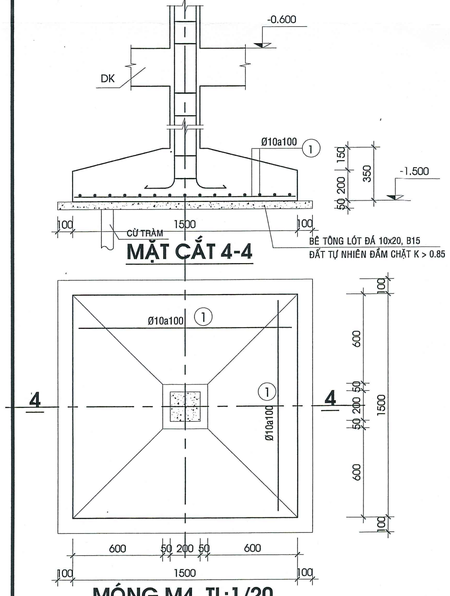
MÓNG M1 TL:1/20



MÓNG M2 TL:1/20



MÓNG M3 TL:1/20

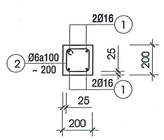


MẶT CẮT 4-4

MÓNG M4 TL:1/20

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

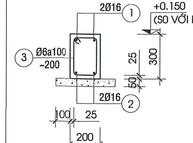
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
M2 (SL:3)	1	150 1150	10	1300	18	54	70.2	43.28
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 43.3	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 0			
M3 (SL:65)	1	150 1150	10	1300	9	585	760.5	468.88
	3	1150	10	1150	32	2080	2392	1474.76
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 1943.6	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 0			
CR1 (SL:73)	1	200 4800	14	5000	4	292	1460	1764.28
	1	250 250 60	6	1120	35	2555	2861.6	635.14
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 635.1	Ø ≤ 18 : 1764.3	Ø > 18 : 0			
DK (SL:1)	1	250 268775 250	16	284635	2	2	569.27	898.50
	2	268775	16	284135	2	2	568.27	896.92
	3	150 250 60	6	920	1800	1800	1656	367.56
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 367.6	Ø ≤ 18 : 1795.4	Ø > 18 : 0			
DG (SL:1)	1	250 268775 250	16	284635	2	2	569.27	898.50
	2	268775	16	284135	2	2	568.27	896.92
	3	150 250 60	6	920	1800	1800	1656	367.56
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 367.6	Ø ≤ 18 : 1795.4	Ø > 18 : 0			
GT (SL:1)	1	268775	12	279815	2	2	559.63	496.85
	2	60 150 60	6	270	1350	1350	364.5	80.90
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 80.9	Ø ≤ 18 : 496.8	Ø > 18 : 0			
M4 (SL:12)	1	1150	10	1150	32	384	441.6	272.26
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):		Ø ≤ 10 : 272.3	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 0			



CỘT Cr1 TL:1/20

(-1.500 --> +3.050)

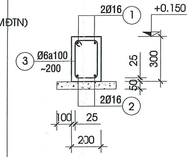
CỘT TƯỜNG RÀO LOẠI 1



DGr TL:1/20

(200 x 300)

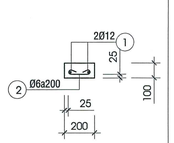
ĐÀ GIẰNG TƯỜNG RÀO



DKr TL:1/20

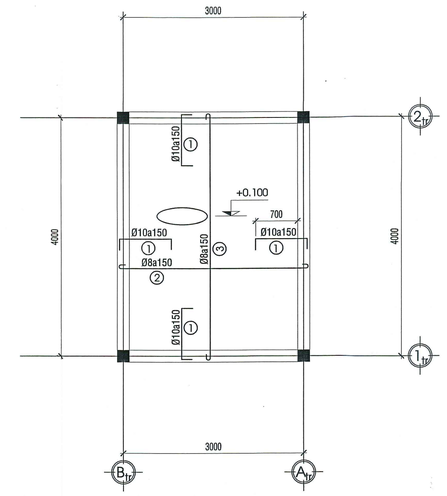
(200 x 300)

ĐÀ KIỀNG TƯỜNG RÀO

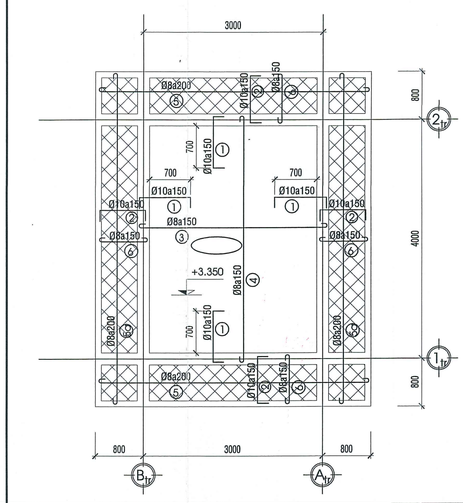


GTr TL:1/20

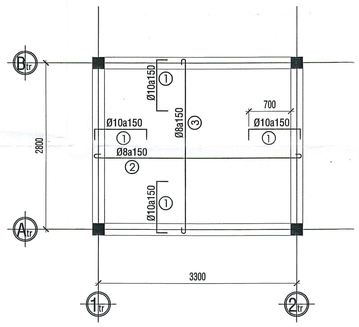
GIẰNG TƯỜNG RÀO



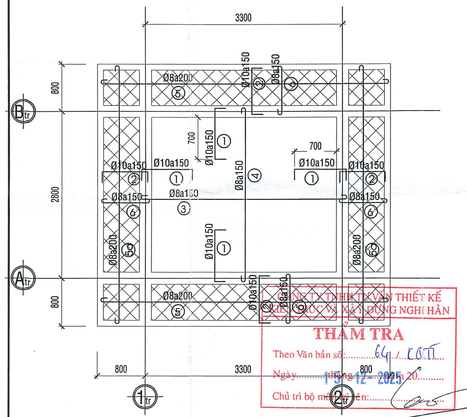
MẶT BẰNG TRỆT TRẠM KỸ THUẬT TL 1/50



MẶT BẰNG MÁI TRẠM KỸ THUẬT TL 1/50



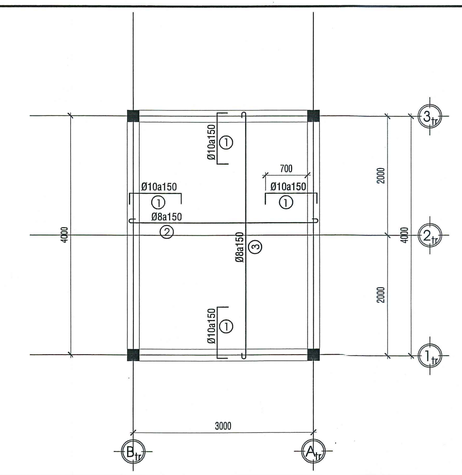
MB TRỆT NHÀ ĐIỀU HÀNH XLNT TL 1/50



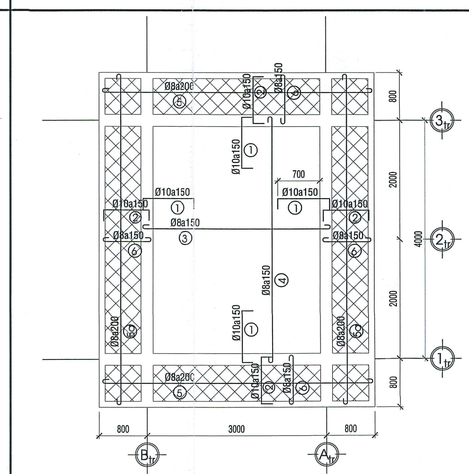
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 /...CCTL
Ngày: 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

MB MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH XLNTI TL 1/50



MẶT BẰNG TRỆT NHÀ RÁC TL 1/50



MẶT BẰNG MÁI NHÀ RÁC TL 1/50

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 01 /QĐ-BQLKVBT

Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026

Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO

QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)

ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC

QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM

ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: KÝ

NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM.

ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:

HẠNG MỤC PHỤ

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT KẾT CẤU TRẠM KỸ THUẬT NHÀ ĐIỀU HÀNH XLNT NHÀ RÁC

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 53	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

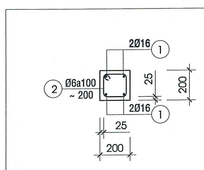
CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
SÀN TRỆT TRẠM KT (SL: 1)	1	85 850 85	10	1020	89	89	90.78	55.97
	2	80 850 80	8	1010	27	27	27.27	10.76
	3	80 850 80	8	1010	20	20	20.2	7.97
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 74.7 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
SÀN MÁI TRẠM KT (SL: 1)	1	85 850 85	10	1020	89	89	90.78	55.97
	2	85 850 85	10	1020	137	137	139.74	86.15
	3	80 850 80	8	1010	27	27	27.27	10.76
	4	80 850 80	8	1010	20	20	20.2	7.97
	5	80 4510 80	8	4670	6	6	28.02	11.06
	5a	80 5510 80	8	5670	6	6	34.02	13.42
	6	80 850 80	8	1010	137	137	138.37	54.60
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 239.9 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
DK1 (SL: 2)	1	3000	16	3000	2	4	12	18.94
	2	250 3000 250	16	3500	2	4	14	22.10
	3	150 250 60	6	920	21	42	38.64	8.58
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 8.6 Ø ≤ 18 : 41 Ø > 18 : 0							
DK2 (SL: 2)	1	4000	16	4000	2	4	16	25.25
	2	250 4000 250	16	4500	2	4	18	28.41
	3	150 250 60	6	920	28	56	51.52	11.44
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 11.4 Ø ≤ 18 : 53.7 Ø > 18 : 0							
DM1 (SL: 2)	1	3000	16	3000	2	4	12	18.94
	2	250 3000 250	16	3500	3	6	21	33.15
	3	150 250 60	6	920	21	42	38.64	8.58
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 8.6 Ø ≤ 18 : 52.1 Ø > 18 : 0							
DM2 (SL: 2)	1	4000	16	4000	3	6	24	37.88
	2	250 4000 250	16	4500	3	6	27	42.62
	3	150 250 60	6	920	28	56	51.52	11.44
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 11.4 Ø ≤ 18 : 80.5 Ø > 18 : 0							
DM3 (SL: 2)	1	4500	16	4500	1	2	9	14.21
	2	250 4500 250	16	5000	1	2	10	15.78
	3	60 250 60	6	370	24	48	17.76	3.94
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 3.9 Ø ≤ 18 : 30 Ø > 18 : 0							
DM4 (SL: 2)	1	5500	16	5500	1	2	11	17.36
	2	250 5500 250	16	6000	1	2	12	18.94
	3	60 250 60	6	370	29	58	21.46	4.76
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4.8 Ø ≤ 18 : 36.3 Ø > 18 : 0							

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
SÀN TRỆT (SL: 1)	1	80 850 80	10	1010	84	84	84.84	52.31
	2	80 3440 80	8	3600	19	19	68.4	26.99
	3	80 3440 80	8	3600	22	22	79.2	31.25
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 110.5 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
SÀN MÁI NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XLNT (SL: 1)	1	80 850 80	10	1010	84	84	84.84	52.31
	2	85 850 85	10	1020	120	120	122.4	75.46
	3	80 3440 80	8	3600	19	19	68.4	26.99
	4	80 3440 80	8	3600	22	22	79.2	31.25
	5	80 4810 80	8	4970	6	6	29.82	11.77
	5a	80 4210 80	8	4370	6	6	26.22	10.35
	6	80 850 80	8	1010	120	120	121.2	47.82
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 255.9 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
DK1 (SL: 1)	1	3300	16	3300	2	2	6.6	10.42
	2	250 3300 250	16	3800	2	2	7.6	12.00
	3	150 250 60	6	920	23	23	21.16	4.70
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4.7 Ø ≤ 18 : 22.4 Ø > 18 : 0							
DK2 (SL: 1)	1	2800	16	2800	2	2	5.6	8.84
	2	250 2800 250	16	3300	2	2	6.6	10.42
	3	150 250 60	6	920	20	20	18.4	4.08
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4.1 Ø ≤ 18 : 19.3 Ø > 18 : 0							
DM1 (SL: 2)	1	3300	16	3300	2	4	13.2	20.83
	2	250 3300 250	16	3800	3	6	22.8	35.99
	3	150 250 60	6	920	23	46	42.32	9.39
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 9.4 Ø ≤ 18 : 56.8 Ø > 18 : 0							
DM2 (SL: 2)	1	2800	16	2800	3	6	16.8	26.52
	2	250 2800 250	16	3300	3	6	19.8	31.25
	3	150 250 60	6	920	20	40	36.8	8.17
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 8.2 Ø ≤ 18 : 57.8 Ø > 18 : 0							
DM3 (SL: 2)	1	4800	16	4800	1	2	9.6	15.15
	2	250 4800 250	16	5300	1	2	10.6	16.73
	3	60 250 60	6	370	25	50	18.5	4.11
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4.1 Ø ≤ 18 : 31.9 Ø > 18 : 0							
DM4 (SL: 2)	1	4300	16	4300	1	2	8.6	13.57
	2	250 4300 250	16	4800	1	2	9.6	15.15
	3	60 250 60	6	370	23	46	17.02	3.78
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 3.8 Ø ≤ 18 : 28.7 Ø > 18 : 0							

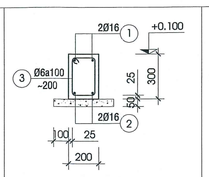
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
SÀN TRỆT NHÀ RÁC (SL: 1)	1	85 850 85	10	1020	88	88	89.76	55.34
	2	80 850 80	8	1010	26	26	26.26	10.36
	3	80 850 80	8	1010	20	20	20.2	7.97
	4	85 1400 85	10	1570	20	20	31.4	19.36
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 93 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
SÀN MÁI NHÀ RÁC (SL: 1)	1	85 850 85	10	1020	88	88	89.76	55.34
	2	85 850 85	10	1020	137	137	139.74	86.15
	3	80 850 80	8	1010	27	27	27.27	10.76
	4	80 850 80	8	1010	20	20	20.2	7.97
	5	80 4510 80	8	4670	6	6	28.02	11.06
	5a	80 5510 80	8	5670	6	6	34.02	13.42
	6	80 850 80	8	1010	137	137	138.37	54.60
	7	85 1400 85	10	1570	20	20	31.4	19.36
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 258.7 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
DK1 (SL: 3)	1	3000	16	3000	2	6	18	28.41
	2	250 3000 250	16	3500	2	6	21	33.15
	3	150 250 60	6	920	21	63	57.96	12.86
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 12.9 Ø ≤ 18 : 61.6 Ø > 18 : 0							
DK2 (SL: 2)	1	4000	16	4000	2	4	16	25.25
	2	250 4000 250	16	4500	2	4	18	28.41
	3	150 250 60	6	920	28	56	51.52	11.44
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 11.4 Ø ≤ 18 : 53.7 Ø > 18 : 0							
DM1 (SL: 3)	1	3000	16	3000	2	6	18	28.41
	2	250 3000 250	16	3500	3	9	31.5	49.72
	3	150 250 60	6	920	21	63	57.96	12.86
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 12.9 Ø ≤ 18 : 78.1 Ø > 18 : 0							
DM2 (SL: 2)	1	4000	16	4000	3	6	24	37.88
	2	250 4000 250	16	4500	3	6	27	42.62
	3	150 250 60	6	920	28	56	51.52	11.44
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 11.4 Ø ≤ 18 : 80.5 Ø > 18 : 0							
DM3 (SL: 2)	1	4500	16	4500	1	2	9	14.21
	2	250 4500 250	16	5000	1	2	10	15.78
	3	60 250 60	6	370	24	48	17.76	3.94
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 3.9 Ø ≤ 18 : 30 Ø > 18 : 0							
DM4 (SL: 2)	1	5500	16	5500	1	2	11	17.36
	2	250 5500 250	16	6000	1	2	12	18.94
	3	60 250 60	6	370	29	58	21.46	4.76
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 4.8 Ø ≤ 18 : 36.3 Ø > 18 : 0							



CỘT C1 TL:1/20

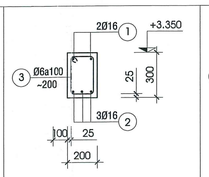
CỘT NHÀ KỸ THUẬT



ĐK1 TL:1/20

(200 x 300)

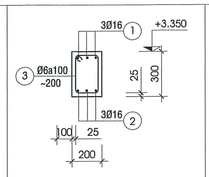
ĐÀ KIỀNG NHÀ KỸ THUẬT



DM1 TL:1/20

(200 x 300)

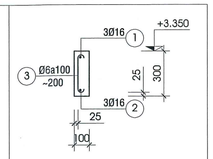
ĐÀ MÁI NHÀ KỸ THUẬT



DM2 TL:1/20

(200 x 300)

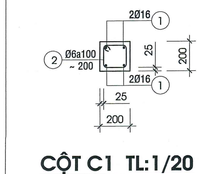
ĐÀ MÁI NHÀ KỸ THUẬT



DM2 TL:1/20

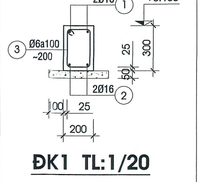
(200 x 300)

ĐÀ MÁI NHÀ KỸ THUẬT



CỘT C1 TL:1/20

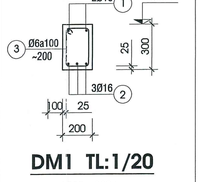
CỘT NHÀ XLTN



ĐK1 TL:1/20

(200 x 300)

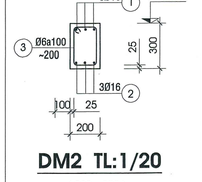
ĐÀ KIỀNG NHÀ XLNT



DM1 TL:1/20

(200 x 300)

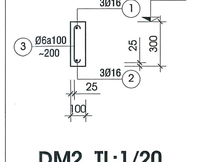
ĐÀ MÁI NHÀ XLNT



DM2 TL:1/20

(200 x 300)

ĐÀ MÁI NHÀ XLNT



DM2 TL:1/20

(200 x 300)

ĐÀ MÁI NHÀ XLNT

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
M4 (SL: 6)	1	1150	10	1150	30	180	207	127.62
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 127.6 Ø ≤ 18 : 0 Ø > 18 : 0							
C1 (SL: 6)	1	200 2700	16	2900	4	24	69.6	109.85
	2	250 250 60	6	1120	21	126	141.12	31.32
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 31.3 Ø ≤ 18 : 109.8 Ø > 18 : 0							

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN

THẨM TRA

Theo Văn bản số: 64 / KC&TT

Ngày 15 -12- 2025 tháng ... năm 20...

Chủ trì bộ môn ký tên:

Huỳnh Công Bằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

PHÊ DUYỆT

Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT

Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026

Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO

QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)

ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC

QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM

ĐIỆN THOẠI:

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM

ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

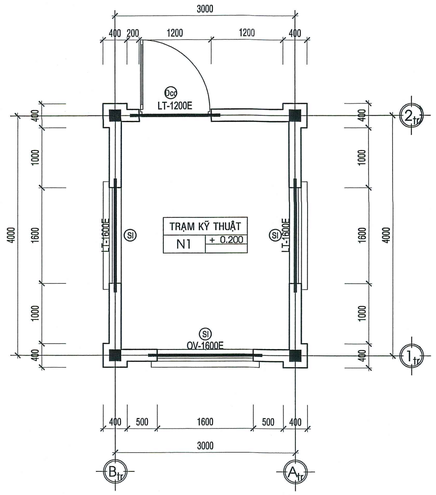
HẠNG MỤC:

HẠNG MỤC PHỤ

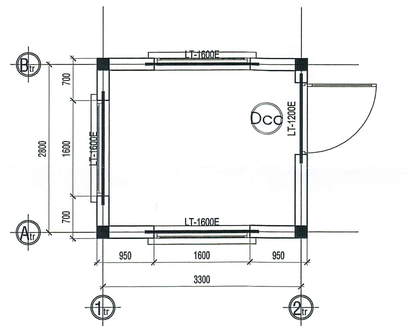
TÊN BẢN VẼ:

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 54	TỔNG SỐ: 57

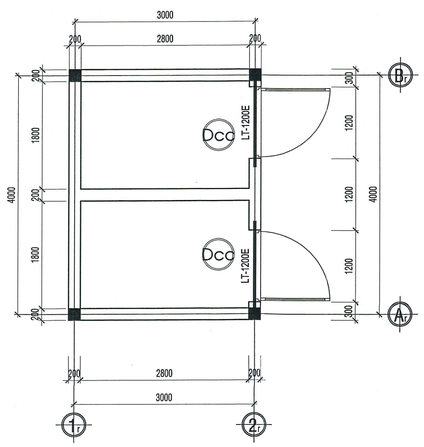
HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



MẶT BẰNG TRẠM KỸ THUẬT TL 1/50



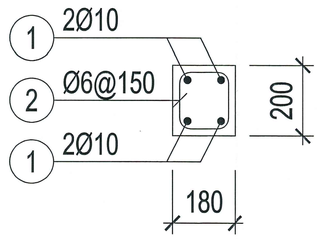
MB NHÀ ĐIỀU HÀNH TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TL 1/50



MẶT BẰNG NHÀ RÁC TL 1/50

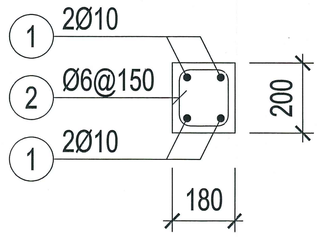
LT-1200E

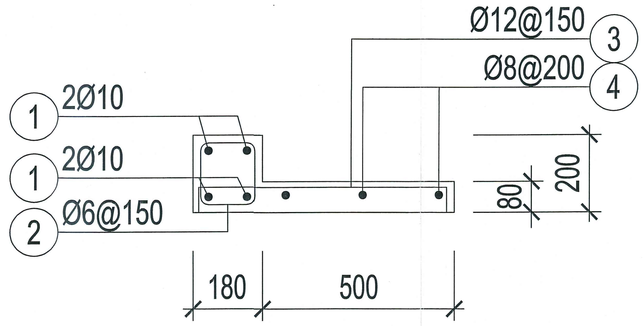
L = 1500
SL = 4



LT-1600E

L = 1900
SL = 5





OV-1600E

(L = 1900; SL = 1)

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
LT-1200E (SL: 4)	1	1450	10	1450	4	16	23.2	14.30
	2	130 | 150 | 60	6	680	11	44	29.92	6.64
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 20.9		Ø ≤ 18 : 0		Ø > 18 : 0			
LT-1600E (SL: 5)	1	1850	10	1850	4	20	37	22.81
	2	130 | 150 | 60	6	680	14	70	47.6	10.56
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 33.4		Ø ≤ 18 : 0		Ø > 18 : 0			
OV-1600E (SL: 1)	1	1850	10	1850	4	4	7.4	4.56
	2	130 | 150 | 60	6	680	14	14	9.52	2.11
	3	55 | 630 | 55	12	740	14	14	10.36	9.20
	4	80 1850 80	8	2010	3	3	6.03	2.38
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG): Ø ≤ 10 : 9.1		Ø ≤ 18 : 9.2		Ø > 18 : 0			

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨ HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 67/...TC.TT...
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Đằng

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 07 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:
XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
ĐỊA CHỈ : 824/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T – H
ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

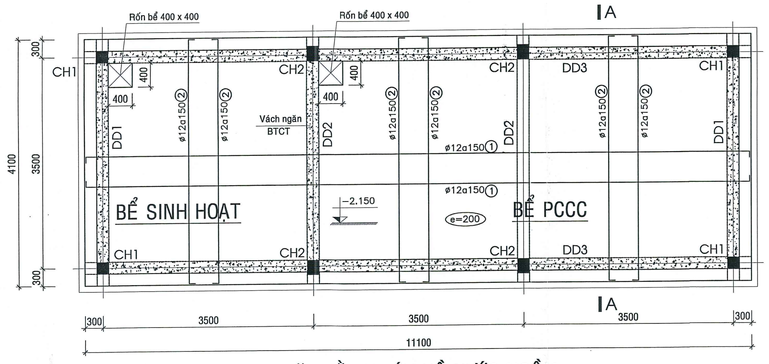
GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ	
CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG	
THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY	
QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY	

HẠNG MỤC:
HẠNG MỤC PHỤ

TÊN BẢN VẼ:
KẾT CẤU TRẠM KỸ THUẬT
KẾT CẤU NHÀ ĐIỀU HÀNH XLNT
KẾT CẤU NHÀ RÁC

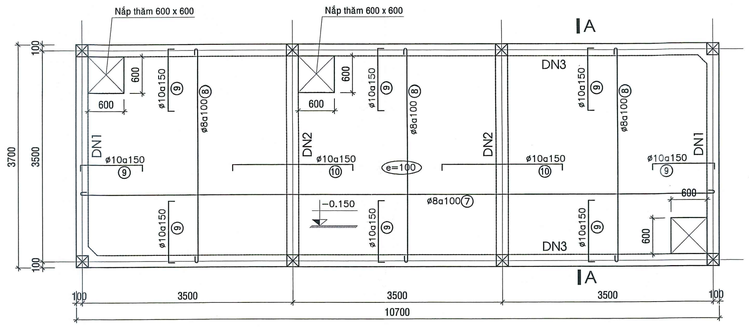
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 55	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG



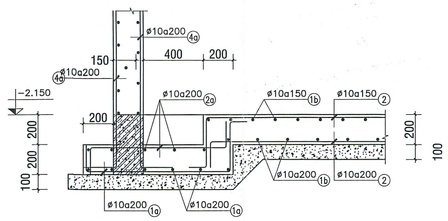
MẶT BẰNG ĐÁY HỒ NƯỚC NGẦM

(Chiều dày bản đáy e = 200mm) TL : 1 / 50



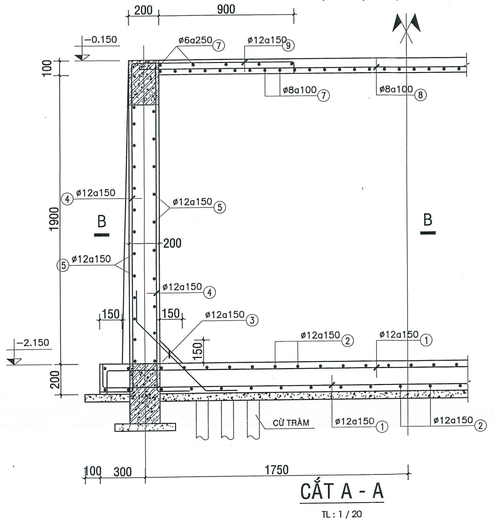
MẶT BẰNG NẮP HỒ NƯỚC NGẦM

(Chiều dày bản nắp e = 100mm) TL : 1 / 50



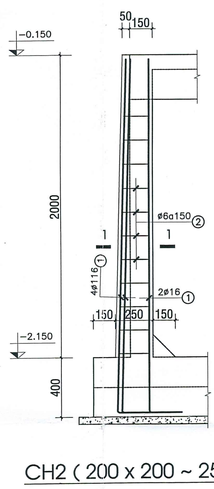
CHI TIẾT RỐN BỂ

SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



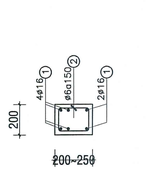
CẮT A - A

TL : 1 / 20

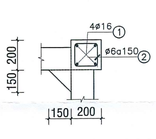


CH2 (200 x 200 ~ 250)

SL : 04 C.K ; TL : 1 / 20

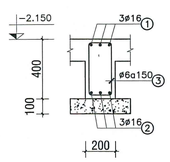


1 - 1



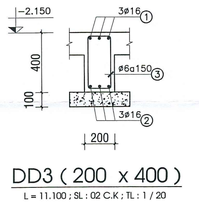
CH1 (200 x 200)

SL : 04 C.K ; TL : 1 / 20



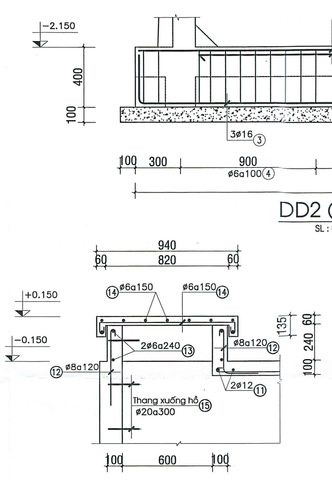
DD1 (200 x 400)

L = 4.100 ; SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



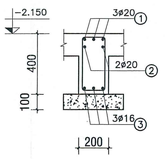
DD3 (200 x 400)

L = 11.100 ; SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



DD2 (200 x 400)

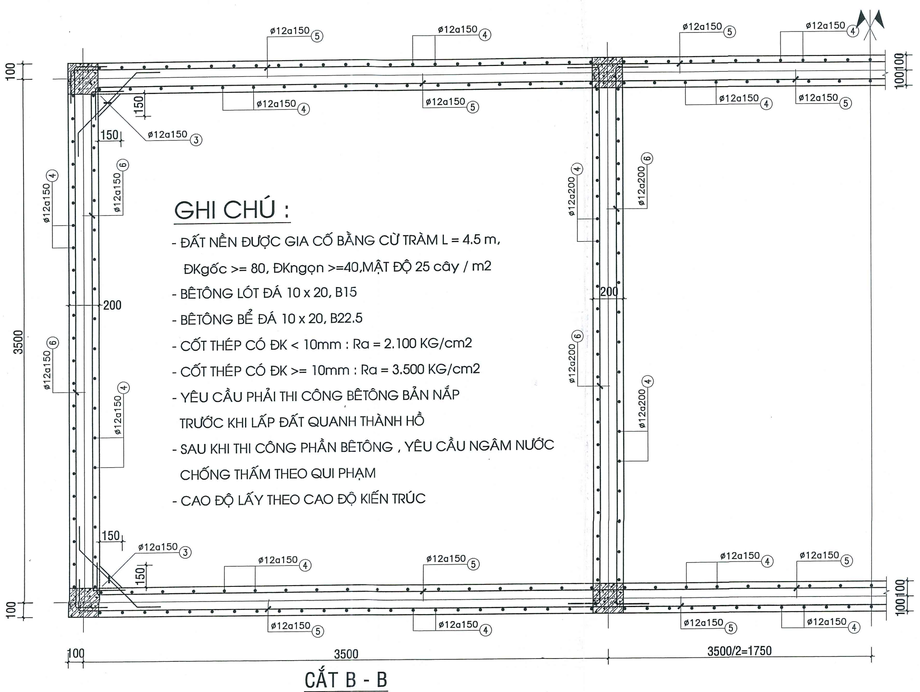
SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



2 - 2

CHI TIẾT NẮP THĂM

SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20

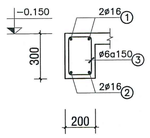


CẮT B - B

TL : 1 / 20

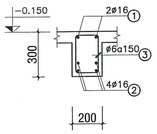
GHI CHÚ :

- ĐẤT NỀN ĐƯỢC GIA CỐ BẰNG CỪ TRÀM L = 4.5 m, ĐKgốc >= 80, ĐKngọn >=40,MẬT ĐỘ 25 cây / m2
- BÊTÔNG LÓT ĐÁ 10 x 20, B15
- BÊTÔNG BỂ ĐÁ 10 x 20, B22.5
- CỐT THÉP CÓ ĐK < 10mm : Ra = 2.100 KG/cm2
- CỐT THÉP CÓ ĐK >= 10mm : Ra = 3.500 KG/cm2
- YÊU CẦU PHẢI THI CÔNG BÊTÔNG BẢN NẮP TRƯỚC KHI LẤP ĐẤT QUANH THÀNH HỒ
- SAU KHI THI CÔNG PHẦN BÊTÔNG , YÊU CẦU NGÂM NƯỚC CHỐNG THẤM THEO QUI PHẠM
- CAO ĐỘ LẤY THEO CAO ĐỘ KIẾN TRÚC



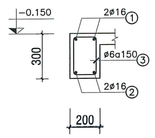
DN1 (200 x 300)

L = 3.700 ; SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



DN2 (200 x 300)

L = 3.700 ; SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



DN3 (200 x 300)

L = 10.700 ; SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (KG)
CH1 (SL:4)	1	250 2350	16	2600	4	16	41.6	65.66
	2	150 150 50	6	700	9	36	25.2	5.6
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 5.6	Ø ≤ 18 : 65.7	Ø > 18 : 0			
CH2 (SL:4)	1	250 2350	16	2600	6	24	62.4	98.49
	2	150 200 50	6	800	9	36	28.8	6.4
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 6.4	Ø ≤ 18 : 98.5	Ø > 18 : 0			
DD1 (SL:2)	1	4050	16	4050	3	6	24.3	38.4
	2	350 4050 350	16	4750	3	6	28.5	45.0
	3	150 350 50	6	1100	28	56	61.6	13.7
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 13.7	Ø ≤ 18 : 83.3	Ø > 18 : 0			
DD2 (SL:2)	1	4050	20	4050	3	6	24.3	59.9
	2	3300	20	3300	2	4	13.2	32.6
	3	150 350 50	6	1100	33	66	72.6	16.1
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 16.1	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 92.5			
DD3 (SL:2)	1	11050	16	11050	3	6	66.3	104.6
	2	350 11050 350	16	12300	3	6	74.3	117.3
	3	150 350 50	6	1100	70	140	154	34.2
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 34.2	Ø ≤ 18 : 222	Ø > 18 : 0			
DN1 (SL:2)	1	250 3650 250	16	4150	2	4	16.6	26.2
	2	3650	16	3650	2	4	14.6	23.0
	3	250 150 50	6	900	26	52	46.8	10.39
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 10.4	Ø ≤ 18 : 49.2	Ø > 18 : 0			
DN2 (SL:2)	1	250 3650 250	16	4150	2	4	16.6	26.2
	2	3650	16	3650	4	8	29.2	46.1
	3	250 150 50	6	900	26	52	46.8	10.4
	4	250 150 50	6	900	26	52	46.8	10.4
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 20.8	Ø ≤ 18 : 72.3	Ø > 18 : 0			

DN3 (SL:2)	1	250 10650 250	16	11150	2	4	44.6	70.4
	2	10650	16	10650	2	4	42.6	67.2
	4	250 150 50	6	900	71	142	127.8	28.37
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 28.4	Ø ≤ 18 : 137.6	Ø > 18 : 0			
ĐÁY - THÀNH - NẮP HỒ NƯỚC (SL:1)	1	160 11050 160	10	11370	40	40	454.8	280.40
	1a	160 80 950 100	10	1560	12	12	18.72	11.54
	1b	200 11050 200	10	11450	12	12	137.4	84.71
	2	160 4050 160	10	4370	123	123	537.51	331.40
	2a	160 950 160	10	1310	12	12	15.72	9.69
	2b	200 3250 200	10	3650	12	12	43.8	27.00
	3	560	10	960	242	242	232.32	143.23
	4	200 2150	12	2350	483	483	1135.05	1007.71
	4a	200 2350	12	2550	20	20	51	45.28
	5	200 10650 200	12	10950	52	52	569.4	505.52
	6	200 3550 200	12	3950	72	72	284.4	252.49
	7	80 10550 80	8	10710	21	21	224.91	88.75
	7	80 9950 80	8	10110	12	12	121.32	47.87
	8	80 3550 80	8	3710	92	92	341.32	134.68
	8	80 2950 80	8	3110	12	12	37.32	14.73
	9	80 1050 80	10	1210	282	282	341.22	210.37
	10	80 2000 80	10	2160	66	66	142.56	87.89
	11	1100	10	1100	16	16	17.6	10.85
	12	100 520 100	10	720	112	112	80.64	49.72
	13	770 770 50	6	3180	8	8	25.44	5.65
	14	100 900 100	6	1100	56	56	61.6	13.67
	15	300 300 300	20	900	28	28	25.2	62.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 1552.1	Ø ≤ 18 : 1811	Ø > 18 : 62.2			
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (KG):		Ø ≤ 10 : 1687.7	Ø ≤ 18 : 2539.6	Ø > 18 : 154.8			

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số...03.../QĐ-BQLKVBT
Ngày...12.../...01.../Năm 20.26
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM (NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 524/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC: NGUYỄN MINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.9974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐẠN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

HẠNG MỤC PHỤ

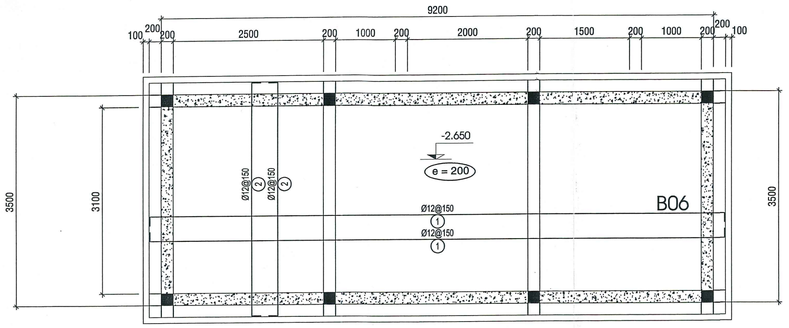
TÊN BẢN VẼ:

KẾT CẤU BỂ SINH HOẠT & PCCC

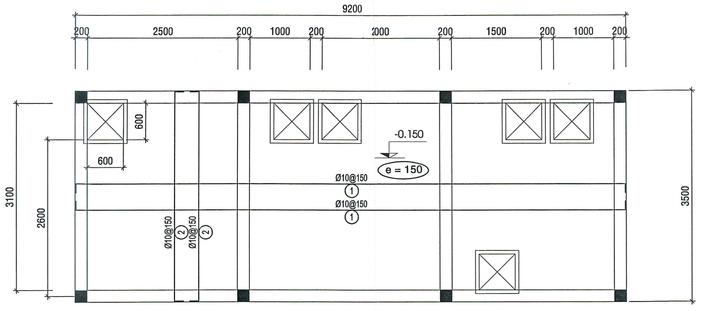
TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 56	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG

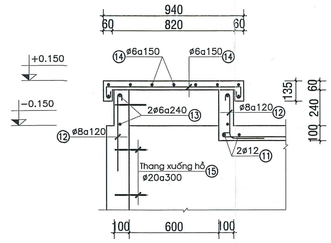
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHĨA HẠN
THẨM TRA
Ngày 15-12-2025
Chủ trì bộ môn ký tên
Huỳnh Công Bằng



MẶT BẰNG THÉP ĐÁY BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

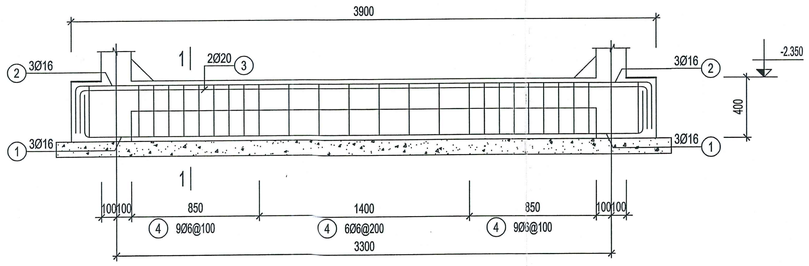


MẶT BẰNG THÉP NẮP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

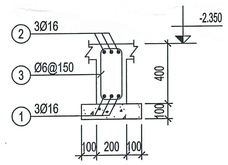


CHI TIẾT NẮP THĂM

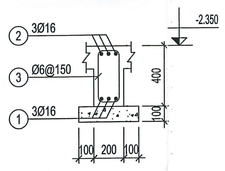
SL : 02 C.K ; TL : 1 / 20



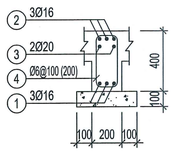
DD2 (SL= 02, L= 3.9m) - TL:1/25



DẦM DD1 (SL= 02, L= 3.9m) - TL:1/25

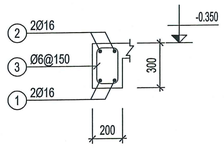


DẦM DD3 (SL= 02, L= 9.6m) - TL:1/25

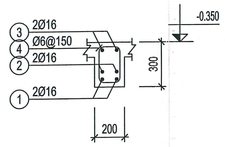


1-1

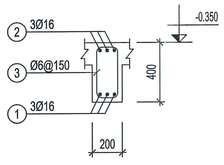
(TL: 1/25)



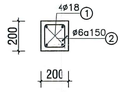
DẦM DN1 (SL= 02, L= 3.1m) - TL:1/25



DẦM DN2 (SL= 01, L= 3.1m) - TL:1/25

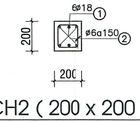


DẦM DN3 (SL= 02, L= 8.8m) - TL:1/25



CH1 (200 x 200)

SL : 04 C.K ; TL : 1 / 20



CH2 (200 x 200)

SL : 04 C.K ; TL : 1 / 20

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP

CẤU KIỆN	STT	HÌNH DẠNG, KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 CK	SỐ LƯỢNG T. BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TRỌNG LƯỢNG (kG)
CH1 (SL: 4)	1	300 2900	18	3200	4	16	51.2	102.28
	2	150 150 50	6	700	25	100	70	15.54
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 15.5	Ø ≤ 18 : 102.3	Ø > 18 : 0				
CH2 (SL: 4)	1	300 2900	18	3200	6	24	76.8	153.41
	2	150 150 50	6	700	25	100	70	15.54
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 15.5	Ø ≤ 18 : 153.4	Ø > 18 : 0				
DD1 (SL: 2)	1	350 3850 350	16	4550	3	6	27.3	43.09
	2	350 3850 350	16	4550	3	6	27.3	43.09
	3	150 350 60	6	1120	26	52	58.24	12.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 12.9	Ø ≤ 18 : 86.2	Ø > 18 : 0				
DD2 (SL: 2)	1	250 3750 250	16	4250	3	6	25.5	40.25
	2	350 3850 350	16	4550	3	6	27.3	43.09
	3	300 3800 300	20	4400	2	4	17.6	43.40
	4	150 350 60	6	1120	26	52	58.24	12.93
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 12.9	Ø ≤ 18 : 83.3	Ø > 18 : 43.4				
DD3 (SL: 2)	1	350 9550 350	16	10250	3	6	61.5	97.07
	2	350 9550 350	16	10250	3	6	61.5	97.07
	3	150 350 60	6	1120	64	128	143.36	31.82
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 31.8	Ø ≤ 18 : 194.1	Ø > 18 : 0				
DN1 (SL: 2)	1	3050	16	3050	2	4	12.2	19.26
	2	250 3050 250	16	3550	2	4	14.2	22.41
	3	150 250 60	6	920	23	46	42.32	9.39
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 9.4	Ø ≤ 18 : 41.7	Ø > 18 : 0				
DN2 (SL: 1)	1	3050	16	3050	2	2	6.1	9.63
	2	250 3050 250	16	3550	2	2	7.1	11.21
	3	250 3050 250	16	3550	2	2	7.1	11.21
	4	150 250 60	6	920	23	23	21.16	4.70
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 4.7	Ø ≤ 18 : 32	Ø > 18 : 0				
DN3 (SL: 2)	1	8750	16	8750	3	6	52.5	82.86
	2	350 8750 350	16	9450	3	6	56.7	89.49
	3	150 350 60	6	1120	61	122	136.64	30.33
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 30.3	Ø ≤ 18 : 172.4	Ø > 18 : 0				
VÁCH (SL: 1)	1	150 1535	12	1685	255	255	429.68	381.47
	1A	150 1795	12	1945	255	255	495.98	440.33
	2	150 1055	12	1205	255	255	307.28	272.80
	2A	150 2275	12	2425	255	255	618.38	549.00
	3	25400	12	26360	32	32	843.52	748.89
	4	80 150 80	8	310	172	172	53.32	21.04
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 21	Ø ≤ 18 : 2392.5	Ø > 18 : 0				
SÀN ĐÁY (SL: 1)	1	180 9540 180	12	9900	54	54	534.6	474.63
	2	180 3840 180	12	4200	130	130	546	484.75
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 0	Ø ≤ 18 : 959.4	Ø > 18 : 0				
SÀN NẮP (SL: 1)	1	130 9140 130	10	9400	48	48	451.2	278.18
	2	130 3440 130	10	3700	124	124	458.8	282.87
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 561	Ø ≤ 18 : 0	Ø > 18 : 0				
NẮP THĂM (SL: 6)	11	1100	12	1100	6	6	6.6	5.86
	12	100 520 100	10	720	112	112	80.64	49.72
	13	770 770 50	6	3180	8	8	25.44	5.65
	14	100 900 100	6	1100	56	56	61.6	13.67
	15	300 300 300	20	900	28	28	25.2	62.15
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 69	Ø ≤ 18 : 5.9	Ø > 18 : 62.2				
	TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (kG):	Ø ≤ 10 : 784.3	Ø ≤ 18 : 4223.2	Ø > 18 : 105.6				

THẨM TRA THIẾT KẾ

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN
PHÊ DUYỆT
Theo Quyết định số: 03 /QĐ-BQLKVBT
Ngày 12 Tháng 01 Năm 2026
Người phê duyệt ký tên

CÔNG TRÌNH:

XÂY DỰNG HỒ BƠI TẠI TRUNG TÂM VĂN HOÁ THỂ DỤC THỂ THAO QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN, TP.HCM
(NAY LÀ PHƯỜNG AN LẠC, TP.HCM)
ĐIỆN THOẠI :

CHỦ ĐẦU TƯ:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC QUẬN BÌNH TÂN

ĐỊA CHỈ : 624/2 KINH DƯƠNG VƯƠNG-PHƯỜNG AN LẠC-TP.HCM
ĐIỆN THOẠI :

PHÓ GIÁM ĐỐC:
NGUYỄN KINH PHONG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CTY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ XD GIAO THÔNG THỦY LỢI T - H

ĐỊA CHỈ: 323A/9A - ĐÀO DUY ANH - P.9 - QUẬN PHÚ NHUẬN (NAY THUỘC P. ĐỨC NHUẬN) - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 08.39974923

GIÁM ĐỐC: KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ : KTS. NGUYỄN TRƯỜNG CHÍ

CHỦ TRÌ KẾT CẤU : KS. PHẠM VĂN ĐAN VƯƠNG

THIẾT KẾ KẾT CẤU : KS. LÊ VĨNH DUY

QUẢN LÝ KỸ THUẬT: KS. LÊ VĨNH DUY

HẠNG MỤC:

HẠNG MỤC PHỤ

TÊN BẢN VẼ:

KẾT CẤU BỂ XLNT

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN THIẾT KẾ KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG NGHI HÀN
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 64 /KCQT
Ngày 15 tháng 12 năm 2025
Chủ trì bộ môn ký tên:
Huỳnh Công Thắng

TỶ LỆ:	HOÀN THÀNH : 2025
BẢN VẼ:T.K.B.V.T.C KC - 57	TỔNG SỐ: 57

HIỆU CHỈNH	LẦN 1
NGÀY	NỘI DUNG